



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Phạm Ngọc Lân

Vấn đề trong tháng

Những người cộng sản cũ trở lại cầm quyền tại Ba Lan

Cuộc bầu cử ngày 19-9-1993 tại Ba Lan không phải là một thất bại của dân chủ mà chỉ là thất bại của các lực lượng dân chủ cầm quyền.

Điều chắc chắn là các lực lượng dân chủ đã làm nên biến cố Gdansk năm 1980, đã góp phần quyết định gây ra sự sụp đổ của phong trào cộng sản thế giới vừa thất bại. Còn đâu cái thời huy hoàng của 1989 trong đó như lời tướng Jaruzelski đã nói: "chỉ cần dán nhãn hiệu Solidarnosc lên lưng một con ngựa thì con ngựa cũng sẽ đắc cử". Kết quả cuộc bầu cử ngày 19-9 đã rất phũ phàng.

Nghịệp đoàn Solidarnosc, hay đúng hơn cái gì còn lại của Solidarnosc, đã không đạt nổi 5% số phiếu và bị xóa sổ. Đảng "ủng hộ cải cách" của tổng thống Lech Walesa, thoát hiểm trên đường tơ kẽ tóc với 5,4%. Liên Minh Dân Chủ và đảng Nông Dân, hai tổ chức xuất phát từ đảng cộng sản cũ giành được 2/3 số ghế trong quốc hội và sẽ nắm chính quyền trở lại. Lời tuyên bố của tổng thống Lech Walesa, theo đó "những người cộng sản cũ nếu trở lại chính quyền là đại tội vì sau đó sẽ thất bại thê thảm", nghe thật gượng gạo.

Nhưng điều cũng rất chắc chắn là kết quả cuộc bầu cử vừa qua đánh dấu một giai đoạn trưởng thành của sinh hoạt dân chủ tại Ba Lan. Sự kiện một đảng đã thua nặng rồi lại trở lại chính quyền chứng tỏ sinh hoạt dân chủ đã thành nề nếp.

Điều duy nhất có thể làm một số người bức bối là những người trong nhiều thập niên đã thực hiện trên đất nước Ba Lan một chế độ độc tài hà khắc lại có thể được tín nhiệm trở lại nhanh như vậy trong một sinh hoạt dân chủ. Nhưng nhân dân Ba Lan đã chọn lựa. Đây không phải là lần đầu tiên mà một đảng cộng sản sau khi bị loại khỏi chính quyền vì luật chơi dân chủ đã được trở lại cầm quyền bằng đấu tranh dân chủ. Trước đây không lâu nhân dân Lithuania cũng đã làm một chọn lựa tương tự và nền dân chủ tại đây không phải vì thế mà bị đe dọa.

Khi chúng ta nhìn sát sự thật hơn chút nữa, chúng ta có thể nhận định rằng tiến trình dân chủ hóa tại các nước cộng sản chỉ là sự đào thải của chủ nghĩa Mác Lênin chứ hoàn toàn không đồng nghĩa với sự đào thải của các đảng cộng sản khi họ biết tự thay đổi. Tại hầu hết các nước cộng hòa thuộc Liên Bang Xô Viết cũ, các đảng cộng sản đã tiếp tục nắm chính quyền sau khi đổi danh xưng và đường lối. Ngay tại Nga, nhân vật Boris Yeltsin cũng không thể làm người ta quên rằng phe của ông đều là những người cộng sản cũ, bản thân ông cũng đã từng là một ủy viên Bộ Chính Trị. Tại Romania, mặc dầu đã xảy ra một cuộc cách mạng đẫm máu, những người cầm quyền mới cũng chỉ là những người cộng

Trong số này

- 1. *Vấn đề trong tháng*
- 3. *Chính trị quốc tế: Nước Mỹ bé quan?* **Huỳnh Hùng**
- 4. *Phép màu nào?* **Nguyễn Gia Kiểng**
- 5. *Nguyễn Đan Quế lâm nguy*
- 6. *Ý kiến: Một nhận định về Trần Đức Thảo* **Hoàng Khoa Khôi**
- 8. *Mạn đàm: Vào hè* **Trần Thanh Hiệp**
- 12. *Một số suy nghĩ về việc nước non trước tình hình mới* **Hồ Hiếu**
- 15. *Nhà thơ Bùi Minh Quốc lên tiếng về vụ Nhân Văn*
- 16. *Hữu Loan nói về vụ án Nhân Văn, Giai Phẩm*
- 20. *Tương lai của thế hệ trẻ Việt Nam hải ngoại ở đâu?* **Nguyễn Văn Việt**
- 21. *Bảo vệ và củng cố đối lập* **Nguyễn Hữu Đức**
- 22. *Khảo luận: Từ giai cấp trung lưu Mỹ đến dân chủ tại Việt Nam* **Thế Uyên**
- 26. *Thời sự - Tin tức*
- 29. *Độc giả viết*
- 32. *Sổ tay: Điều phải chứng minh* **Phù Du**

sản cũ. Hơn nữa khi người cộng sản không giữ được chính quyền trong chuyển hóa, họ vẫn có rất nhiều hy vọng trở lại chính quyền sau đó, như ta đã thấy tại Lithuania, như ta vừa thấy tại Ba Lan và có lẽ sẽ thấy tại Hungary năm tới.

Ở tất cả các quốc gia này, sự yếu kém về nhân sự chính trị đã là nguyên nhân thất bại của các lực lượng dân chủ mới. Trong nhiều thập niên các đảng cộng sản đã tiêu diệt hẳn mọi nhân sự chính trị ngoài đảng. Cho nên sau khi họ sụp đổ, họ vẫn còn là lực lượng có nhiều khả năng và kinh nghiệm nhất.

Ba Lan đã có thể là một quốc gia ngoại lệ. Nhờ sự vững mạnh của giáo hội công giáo, dưới chế độ cộng sản, Ba Lan vẫn còn duy trì được một xã hội dân sự đáng kể và do đó chế độ cộng sản Ba Lan không đến nỗi hà khắc như tại các nước cộng sản khác. Ba Lan lại may mắn có được một cộng đồng người Ba Lan sống tại hải ngoại rất mạnh mẽ và nhờ những liên hệ khá mật thiết giữa trong và ngoài, ý niệm dân chủ không hoàn toàn xa lạ với người Ba Lan. Tất cả những yếu tố đó cho phép người ta hy vọng các lực lượng dân chủ Ba Lan sẽ làm chủ được tình thế. Hơn thế nữa, những khó khăn ban đầu của sự chuyển hóa về dân chủ và kinh tế thị trường đã dần dần khắc phục được, kinh tế Ba Lan đã bắt đầu khởi sắc.

Lý do chính đưa đến thất bại của các lực lượng dân chủ Ba Lan có một tên gọi: Lech Walesa. Không ai phủ nhận ông là một người can đảm và đầy ý chí, đã có công đầu trong việc đánh bại chế độ cộng sản Ba Lan. Nhưng mỗi giai đoạn, các quốc gia đều cần có những con người mới. Có những con người có khả năng làm ra lịch sử nhưng lại không có khả năng xây dựng tương lai. Lech Walesa là một trong những con người đó. Ông không có văn hóa, kiến thức và khả năng của một người lãnh đạo đất nước và cũng không đủ sáng suốt để nhận ra điều đó. Thay vì rút lui với danh dự mà không ai tranh giành với ông, hay ít ra chấp nhận làm một quốc trưởng ở trên và ở ngoài những tranh chấp quyền lực, ông đòi nắm quyền thực sự, đòi áp đặt đường lối và sự chỉ huy của mình. Ông đã không ngần ngại loại bỏ ngay cả những cộng sự viên đắc lực nhất của mình, những người đã cùng ông làm ra lịch sử. Để triệt hạ các đồng chí cũ của mình, Walesa nhắc nhở cả tới gốc Do Thái của họ để vận dụng óc bài Do Thái và kỳ thị chủng tộc, một điều tồi tàn mà ít ra đảng cộng sản trước đây không làm. Bản tính quyết đoán và thiếu cận của ông đã khiến ông không còn là hình tượng của dân chủ và bao dung nữa. Khi hình ảnh của dân chủ đã mờ nhạt thì vấn đề còn lại chỉ là ai thao việc hơn ai. Do đó không có gì ngạc nhiên khi những người cộng sản cũ trở lại chính quyền.

Giáo hội công giáo Ba Lan cũng phải chia sẻ trách nhiệm trong sự thất bại này. Thay vì trở lại địa vị của một tôn giáo sau thắng lợi của dân chủ, giáo hội đã can thiệp vào đời sống chính trị, yểm trợ cho các tổ chức cánh hữu với ý định chi phối chính quyền, làm cho sinh hoạt chính trị phức tạp và xuống cấp hơn.

Những ngày sắp tới của Ba Lan sẽ còn nhiều bất định. Liên Minh Dân Chủ, tổ chức chủ lực của phe cộng sản cũ và sẽ nắm

phần lớn quyền hành, thực ra không thắng. Cái mà người ta chúng kiến thực ra chỉ là sự thất bại của các lực lượng dân chủ mới. Liên Minh Dân Chủ chỉ được 20% trong tổng số 51% dân chúng đi bầu. Nói cách khác, họ chỉ được sự tín nhiệm thực sự của khoảng 10% cử tri Ba Lan. Làm thế nào họ có được hậu thuẫn của dân chúng để điều khiển đất nước Ba Lan trong một sinh hoạt dân chủ là cả một vấn đề, nhất là khi họ lại bị cái bóng của quá khứ chuyên chính ám ảnh và khó có thể lấy những quyết định bạo dạn. Chưa kể là họ sẽ còn gặp nhiều khó khăn với một tổng thống Walesa vẫn còn được hậu thuẫn khá lớn của quần chúng và giáo hội công giáo.

Điều đáng buồn cho các quốc gia vừa thoát khỏi chế độ cộng sản đã phải đem những người cộng sản cũ trở lại chính quyền không phải là ở chỗ họ sẽ phải chuốc lấy một chế độ độc tài khác, bởi vì dân chủ hoàn toàn không bị đe dọa. Cũng không phải ở chỗ những tội phạm mới ngày hôm qua lại được tôn vinh ngày hôm nay. Đáng buồn cho họ là ở chỗ họ đã không nhìn thấy một chọn lựa nào tốt hơn là xây dựng dân chủ với những con người mà tất cả những kinh nghiệm và khả năng cho tới một ngày gần đây chỉ là để bóp nghẹt dân chủ. Những cấp lãnh đạo cộng sản cũ ngày nay có thể đã thành những người dân chủ thành thực nhưng họ vẫn chưa phải là những chuyên viên xây dựng dân chủ.

Sau những cuộc bầu cử tại Lithuania và Ba Lan và trước triển vọng thắng lợi gần như chắc chắn sắp tới của những người cộng sản cũ tại Hungary, một người Việt Nam có thể rút ra từ các nước Đông Âu và Liên Xô cũ hai nhận xét khác nhau:

Một là đảng cộng sản Việt Nam còn rất nhiều tương lai. Ngay cả nếu chấp nhận dân chủ hóa và mất chính quyền, họ cũng có hy vọng trở lại chính quyền sau đó, các lực lượng đối lập dù có thắng lúc ban đầu cũng sẽ thua về sau vì thiếu kinh nghiệm và khả năng. Đó là một nhận định có thể đem lại tự tin cho đảng cộng sản Việt Nam để mạnh bạo dân chủ hóa.

Hai là đảng cộng sản đã làm to về chiến lược. Nếu ở thời điểm 1989 họ chấp nhận dân chủ hóa thì họ đã có tất cả mọi hy vọng thắng lợi để tiếp tục cầm quyền, bởi vì vào lúc đó đối lập Việt Nam hầu như không đáng kể, thiếu cả tổ chức lẫn lập trường. Nhưng ngay cả có thất bại đi nữa thì giờ này họ cũng có thể trở lại trong vinh quang. Nhưng họ đã tiếp tục chế độ độc tài, đã phải trả giá đắt cho các biện pháp thất nhân tâm trong cuộc chuyển hóa kinh tế thị trường mà vẫn chưa qua được cuộc giải phẫu dân chủ hóa. Thời gian đã làm cho nội bộ họ thêm phân hóa và giúp cho đối lập dân chủ chuẩn bị tinh thần và đội ngũ. Nhận định này có tác dụng động viên đối với đối lập dân chủ Việt Nam.

Cả hai nhận định này, nếu được hiểu trong tinh thần tích cực, đều có tác động tốt cho tiến trình dân chủ hóa đất nước. Trong chiều dài của lịch sử, ai thắng ai không phải là điều quan trọng. Điều quan trọng là đất nước có tự do và dân chủ.

Thông Luận

Nước Mỹ bế quan?

Huỳnh Hùng

Từ ngày cuộc đảo chánh tại Liên Xô thất bại, Cộng Hòa Liên Bang Xô Viết thu hẹp lại thành Cộng Đồng Các Quốc Gia Độc Lập, trên thế giới chỉ còn Hoa Kỳ là siêu cường độc nhất. Trong vị thế đó, lẽ ra Hoa Kỳ phải nhân cơ hội tung hoành trên bàn cờ quốc tế, trái lại các quan sát viên chính trị thế giới bên nhạy nghĩ rằng chính sách Hoa Kỳ lại có khuynh hướng bế quan.

Trong kỳ hè năm 1993 vừa qua, Hạ Viện Hoa Kỳ đã bỏ phiếu giảm thiểu ngân quỹ của Chương Trình Quốc Gia Phát Huy Dân Chủ (National Endowment for Democracy), ủng hộ chiến dịch cắt giảm các chương trình phát thanh của Hoa Kỳ trên thế giới và biểu quyết giảm phần đóng góp của Hoa Kỳ vào ngân sách dài thọ quân mủ xanh của Liên Hiệp Quốc. Tại Thượng Viện và Hạ Viện, các dân biểu chủ trương giảm phần chi của ngân sách, được gọi là "diều hâu lạt chì" (deficit hawk), đặt nhiều câu hỏi về khả năng của Hoa Kỳ trong việc ảnh hưởng đến những tiến bộ quốc tế trong địa hạt xây dựng dân chủ và kinh tế thị trường. Ngay các chương trình tư nhân cũng có khuynh hướng bế quan. Trong năm qua, các viện quản trị hoặc ủng các hộ chương trình quốc tế cũng giảm 50% ngân quỹ.

Với sự phá sản của Liên Bang Xô Viết, chất keo gắn bó sự đồng thuận trong chính sách đối ngoại của người Mỹ cũng mất đi. Các dân biểu trẻ công khai chống các chính sách ngoại viện. Dân chúng cũng mất tin tưởng vào các định chế cũng như các lãnh tụ của chính sách ngoại giao cố hữu. Trong một cuộc thăm dò ý kiến, 2/3 phát biểu cho rằng Hoa Kỳ không kham nổi gánh nặng ngoại viện.

Những người xưa nay tin tưởng vào vai trò siêu cường dẫn đạo thế giới tự do của Hoa Kỳ, cho rằng nước này đang đi vào con đường bế quan tự chủ, sẽ đưa đến những thảm họa trong tương lai vì những lý do sau đây.

Đáng lý phải lợi dụng cơ hội thuận tiện do sự sụp đổ của Liên Bang Xô Viết để phát huy dân chủ trên thế giới, ngược lại, Quốc Hội Hoa Kỳ đã cắt giảm một cách đáng kể các chương trình trợ giúp các phong trào tranh đấu cho dân chủ tại châu Á, châu Phi, châu Mỹ la-tinh và tại cựu Liên Bang Xô Viết.

Trung Quốc, Cuba, Syria, Indonesia, Việt Nam và các nước độc tài khác ý thức được sự thụ động của phương Tây đã phát động rầm rộ những cố gắng để đòi quyền giải thích tùy tiện khái niệm nhân quyền tại Hội Nghị về Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc họp tại Vienna hồi tháng 6-1993.

Từ Sarajevo tại Đông Âu đến Sukhumi tại Caucasus, từ Sudan đến biên giới Tajik-Afghan, đang sôi động vì bạo động và chiến tranh, trong khi đó dân chủ và pháp trị đang bị đè bẹp. Tại nhiều nước cộng hòa của Liên Xô cũ như Azerbaijan, Lithuania, Tajikistan, Kazakhstan và Uzbekistan, các cựu lãnh tụ cộng sản vẫn nắm chính quyền. Nếu nền dân chủ không thiết lập được tại Russia và Ukraine, Hoa Kỳ có lẽ sẽ phải đương đầu với những địch thủ quân sự hùng mạnh trong tương lai.

Thật ra, tất cả những biến cố trên chỉ là phần nổi của băng đảo; phần ngầm của nó phản ánh một đường lối đủ mạnh, đủ rộng, đủ xa để có thể đương đầu với các biến động đang làm đảo lộn thế giới. Ngày hôm nay, Hoa Kỳ không còn mạnh về mọi mặt như trước kia, nhất là về phương diện tài chánh và kinh tế. Thế giới ngày nay đã thu nhỏ lại vì những tiến bộ khổng lồ không ngừng của khoa học và kỹ thuật. Điều này chứng tỏ chủ thuyết Monroe không còn có thể áp dụng vào thời đại này được nữa.

Trước hết, những cắt giảm ngân sách trên là những chương trình của một chính sách rộng lớn với mục tiêu làm giảm vận tốc gia tăng số nợ của Hoa Kỳ (khoảng 3.000 tỷ USD). Gần đây, chính phủ Bill Clinton đã trân trọng giới thiệu một chương trình giảm nhân viên trong guồng máy nhà nước một cách đại qui mô do chính phó tổng thống Al Gore đề ra.

Hiệp Ước về Tự Do Mậu Dịch tại Bắc Mỹ giữa Hoa Kỳ, Canada và Mexico thật ra không phải là một bằng chứng của chính sách bế quan tự chủ. Đây là một nhu cầu tập hợp một thị trường 370 triệu người tiêu thụ lớn nhất thế giới để đối phó với hai khối kinh tế hùng mạnh khác trên thế giới. Trước hết, đó là Thị Trường Chung Châu Âu và những khó khăn gặp phải trong các cuộc hội nghị Uruguay Round của Thỏa Ước Chung về Mậu Dịch và Quan Thuế (GATT). Sau đó là khối Châu Á - Thái Bình Dương với Nhật Bản, Trung Quốc và các con Rồng đang có triển vọng đi đến kết hợp như Thị Trường Chung Châu Âu, với viễn tượng thị trường Hoa Kỳ và Bắc Mỹ sẽ bị tràn ngập hàng hóa "made in Asia". Hiệp Ước về Tự Do Mậu Dịch tại Bắc Mỹ đang bị các dân biểu và đại đa số dân Mỹ chống đối vì hiệp ước này sẽ làm hại dân Mỹ trên hai phương diện. Thứ nhất, nó sẽ gia tăng nạn thất nghiệp đang trầm trọng tại nước Mỹ; đồng lương Mẽ Tây Cơ rẻ hơn đồng lương Mỹ, do đó các hãng xưởng Mỹ sẽ bỏ xứ qua đầu tư tại Mẽ, công ăn việc làm tại xứ Cờ Hoa sẽ càng khan hiếm. Thứ hai, nó sẽ làm vận tốc tăng tiền lương nhân công tại Mỹ giảm xuống vì phải cạnh tranh với một mức độ tiền lương nhân công thấp hơn tại Mẽ. Thất nghiệp và tiền công tăng chậm là hai mối lo làm mất ăn mất ngủ. Trước sự chống đối đó, chính phủ Bill Clinton vẫn cố gắng để đi đến việc ký kết hiệp ước vì những viễn tượng chiến lược dài hạn nói trên.

Sự vắng mặt về quân sự của Hoa Kỳ trong thảm trạng Bosnia-Hercegovina lại là một bằng cứ của phe cho rằng Mỹ đang co cụm trong chính sách bế quan. Thật ra, Mỹ muốn các cường quốc Châu Âu phải trả đúng cái giá cho sự an ninh của họ. Trong khi ngân khố Mỹ là con nợ của dân Đức thì không có lý do gì bắt dân Mỹ lại bỏ tiền thêm để bảo vệ an ninh cho Đức nói riêng và các cường quốc khác của Thị Trường Chung Châu Âu nói chung. Nhất là sự bất ổn đó chỉ có tính chất cục bộ.

Một ma-nốp của Mỹ trên mặt ngoại giao quốc tế đáng để cho chúng ta quan tâm vì dính liền với tình hình Thái Bình Dương. Đó là sự chuyển hướng về các đồng minh ưu tiên. Xưa nay, Anh và Đức được Mỹ xem là những đồng minh ưu tiên. Tình hình hiện nay tại Thái Bình Dương, trên đó chỉ có sự có mặt của Trung Quốc được xem là đáng kể về mặt ngoại giao và quân sự, bắt buộc Mỹ có nhu cầu đẩy Nhật Bản lên giữ vai trò đối trọng. Sự tham gia của quân đội Nhật tại Cambodia là dấu hiệu đầu tiên. Mỹ hiện nay đang dồn mọi cố gắng để Nhật Bản đóng một vai trò quốc tế quan trọng hơn bằng cách ngấm ngấm vận động để nước này vào Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc.

Huỳnh Hùng

Phép màu nào?

Nguyễn Gia Kiểng

Ngày 13-9-1993, khi thủ tướng Do Thái Itzhak Rabin và chủ tịch Tổ Chức Giải Phóng Palestine (PLO) Yasir Arafat bắt tay nhau trên sân cỏ tòa Bạch Ốc để ký kết thỏa ước hòa bình, cả thế giới đã chào mừng biến cố này như một phép màu.

Chúng ta quen gọi là phép màu một sự kiện mà chúng ta khó tưởng tượng có thể xảy ra, nhất là khi đó là điều chúng ta mong ước. Trong cơn hồ hởi chúng ta để tặng cho các diễn viên chính những thành tích và thiện chí mà thực ra họ không có. Itzhak Rabin và Yasir Arafat đều không phải là những sứ giả mẫu mực của hòa bình, ngay cả nếu sắp tới đây họ chia nhau giải thưởng Nobel về hòa bình. Họ đã chỉ hòa với nhau vì bị bắt buộc. Điều đáng ngạc nhiên thực ra không phải là cuộc xung đột ở Cận Đông chấm dứt, mà là tại sao nó có thể xảy ra và kéo dài một cách khốc liệt như vậy.

Yasir Arafat không có chọn lựa nào khác. Nếu ông ta muốn tặng cho tổng thống Hoa Kỳ khẩu súng lục mà lúc nào ông cũng đeo bên người thì cũng chỉ vì một lý do đơn giản là ông không còn tiền để mua đạn. Tài chính của PLO đã cạn kiệt. Từ hàng tỉ USD trong thập niên 1970, ngân sách của PLO đã tụt xuống còn 300 triệu USD năm 1990, để rồi chỉ còn 30 triệu trong năm 1993. Ngân sách ấy không đủ để tiến hành những hành động khủng bố, cũng không đủ để duy trì tổ chức PLO và có khi cũng không đủ để bảo đảm ngay cả tính mạng cho chính Arafat. Ông bị nhiều phe phái Palestine lên án tử hình và nhiều cộng sự viên của ông đã thiệt mạng. Arafat đã chỉ sống sót nhờ vào phương tiện diễu hành để bảo vệ ông mà giờ đây ông không còn nữa. Hiệp ước hòa bình có giá trị như một lệnh ân xá đối với ông và tổ chức PLO. Nụ cười tươi của Arafat để hiểu vì đó là nụ cười của một người vừa thoát chết.

Itzhak Rabin là một anh hùng của cuộc chiến 1967. Nước Do Thái của ông không phải chỉ được lập ra với mục đích khiêm nhượng. Nó còn muốn bành trướng sang đất đai của các dân tộc khác. Nó được khai sinh bằng khủng bố, và nó không bỏ lỡ một cơ hội nào để lấn đất bằng vũ lực. Nó đã khởi sự cả hai cuộc chiến 1956 và 1967 và lúc nào cũng sẵn sàng ra tay trước. Ngày nay Do Thái không còn đe dọa nào đáng kể nữa. Nhưng Do Thái lại bị áp lực quốc tế, nhất là của Hoa Kỳ, bắt phải nhượng bộ, trả lại một phần quan trọng các vùng đất đã chiếm được, nhìn nhận dân tộc Palestine, để rồi sẽ phải chấp nhận sự thành lập của một quốc gia Palestine. Về mặt tư lự của Itzhak Rabin cũng rất dễ hiểu.

Nhưng Do Thái cũng không có chọn lựa nào khác. Hoa Kỳ, cường quốc đã đỡ đầu và bảo vệ cho Do Thái, không còn cần Do Thái để làm một tiền đồn tại Trung và Cận Đông nữa. Do đó Hoa Kỳ không còn lý do để hy sinh tình hữu nghị của cả khối Ả Rập

cho những tham vọng của Do Thái. Hình ảnh của Do Thái cũng đã xấu đi rất nhiều dưới con mắt của thế giới. Với thời gian, ký ức của những trại diệt chủng của Quốc Xã Đức trong thế chiến II đã mờ nhạt, nhường chỗ cho hình ảnh những thiếu nhi Palestine ném đá vào lính Do Thái và bị bắn chết. Rồi hình ảnh những xe ủi đất Do Thái phá nhà của người Palestine, những trí thức Palestine bị trục xuất khỏi vùng đất trên đó ông cha họ đã sống từ ngàn xưa. Lương tâm thế giới không còn chịu đựng được nữa. Dư luận quần chúng không còn cho phép các chính phủ Phương Tây ủng hộ không điều kiện Do Thái nữa. Trong điều kiện đó, từ bỏ giấc mộng một nước Do Thái lớn, trả lại một phần đất đai đã chiếm được để đổi lấy sự sống chung hòa bình trong vùng là giải pháp bắt buộc. Hơn nữa chọn lựa này còn mở ra cho dân tộc Do Thái tinh anh và cần mẫn một môi trường phát triển đầy hứa hẹn.

Cho tới nay thâm kịch của Cận Đông vẫn là những con người bị bắt buộc phải sống chung với nhau không chịu chấp nhận nhau. Họ tàn sát nhau qua những cuộc thánh chiến tôn giáo, nhân danh một Thượng Đế *chỉ có một* của mình hay để chống lại một Thượng Đế chỉ có một của đối phương. Điều nghịch lý nhất của loài người là tuy tôn giáo nào cũng đề cao hòa bình và bác ái nhưng lại không có xung đột nào dữ dội và cuồng nhiệt bằng xung đột tôn giáo. Các Thượng Đế chỉ có một hay các phương thức *duy nhất* để thờ kính các Ngài đã làm đổ biết bao nhiêu biển máu!

Không phải chỉ có đam mê tôn giáo khiến con người tàn sát nhau. Những cuộc nội chiến đẫm máu tại các nước thuộc Liên Xô cũ còn có thêm một nguyên nhân khác là đầu óc dân tộc hẹp hòi. Cuộc chiến tàn khốc tại Bosnia ngoài hai nguyên nhân trên lại còn mang thêm những thù hận rơi rớt lại của những ý thức hệ cộng sản và Nazi.

Ý thức hệ chỉ một mình nó nhiều khi cũng đủ để làm chiêu bài và tạo điều kiện cho các tham vọng quyền lực lừa nhiều dân tộc vào chém giết. Việt Nam, Triều Tiên, và, ở một mức độ ít bi thảm hơn, một số quốc gia Châu Mỹ La Tinh đã là những thí dụ.

Các tôn giáo với Thượng Đế duy nhất, tinh thần dân tộc hẹp hòi và các chủ nghĩa có chung nhau một bản chất: nhất nguyên. Chỉ có *một* Thượng Đế là thượng đế của tôi, thượng đế của anh chỉ là quỉ! Đạo của tôi là cách duy nhất để thờ phượng thượng đế, cách thờ kính của anh chỉ là một sự xúc phạm đến Người! Dân tộc tôi là nhất, không thể hòa trộn với các anh! Chủ nghĩa của tôi là đỉnh cao của trí tuệ! Tất cả những thái độ nhất nguyên đó đưa đến ý chí chinh phục và khuất phục, rồi máu lửa và nước mắt.

Phép màu thực sự ở đoạn cuối thế kỷ này thực ra là ở chỗ nhân loại đã khám phá ra tinh thần đa nguyên, rồi nhờ đó biết giải quyết những bất đồng bằng đối thoại và thỏa hiệp thay vì tìm cách thanh toán nhau. Rất tiếc là nước Việt Nam chúng ta vẫn còn đang thuộc vào phần chậm tiến của loài người. Trách nhiệm thuộc về ai?

Nguyễn Gia Kiểng

Nguyễn Đan Quế lâm nguy

Trong chuyến viếng thăm Việt Nam cuối tháng 8-1993, thượng nghị sĩ Charles Robb, chủ tịch tiểu ban Châu Á - Thái Bình Dương tại Thượng viện Hoa Kỳ, đã yêu cầu được gặp bác sĩ Nguyễn Đan Quế và đã được thỏa thuận của chính quyền Hà Nội.

Để chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ này xảy ra như ý muốn của mình, ngày 14-8, chính quyền cộng sản đã cử tướng Tô Quyền, cục trưởng Cục Trại Giám, đến gặp bác sĩ Quế để dàn xếp. Bác sĩ Quế đã phản ứng một cách quyết liệt trước âm mưu dàn cảnh này. Sau đó nhà cầm quyền cộng sản đã hủy bỏ cuộc gặp gỡ. Thượng nghị sĩ Robb đã rất bất bình và đã bày tỏ sự thất vọng của ông với ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm. Ông Robb để lại một thùng quà biếu bác sĩ Quế, trong thùng quà ngoài số thuốc tây còn có một lá thư của bác sĩ Nguyễn Quốc Quân, anh bác sĩ Quế.

Vì cuộc gặp gỡ bất thành này, chính quyền cộng sản đã thi hành một loạt biện pháp trả thù với bác sĩ Quế và các tù nhân chính trị khác. Trước hết là biện pháp bị ôi phạt tiền tù nhân. Nguyễn Đan Quế đau nặng và không thể đi lao động được. Ban giám thị bắt Nguyễn Đan Quế nếu không đi lao động thì phải nộp phạt 400.000 đồng. Anh em tù nhân đã chung nhau giúp bác sĩ Quế nộp đủ số tiền đó. Ban giám thị đã trả đũa bằng cách cấm anh em tù nhân chính trị mua đồ ăn và kiểm soát gắt gao các số tiền gửi vào.

Ngày 29-8-1993, ông Quế đã gửi ra ngoài thư ngỏ thật ngắn mà chúng tôi đăng tải sau đây, tố giác hành động trả thù này. Cũng nên biết là sau khi dàn xếp không xong với bác sĩ Quế cho cuộc gặp gỡ, tướng Tô Quyền đã nổi giận và hét to đến mọi người nghe được: "Sẽ bảo thằng Oanh (giám thị trại giam) cho thằng Quế chết ở đây!".

Sau đó, ban giám thị còn bội ước, không trả lại số tiền 400.000 đồng mà Nguyễn Đan Quế đã nộp, nhưng vẫn bắt Nguyễn Đan Quế phải ra lao động trở lại.

Những biện pháp thô bạo này không làm Nguyễn Đan Quế nao núng. Ngày 1-9-1993, Nguyễn Đan Quế lại thách thức chính quyền cộng sản một lần nữa khi ông từ chối không nhận thùng đồ của thượng nghị sĩ Robb vì lý do là công an đã tự cho phép mở và đọc thư riêng người anh là bác sĩ Nguyễn Quốc Quân gửi cho ông. Các quan chức công an cộng sản, như để vớt vát lại trước sự bất bình của thượng nghị sĩ Charles Robb đã đạo diễn một cảnh nhận quà có quay phim. Nhưng ngay trước ống kính của họ Nguyễn Đan Quế đã lớn tiếng phản đối việc họ mở thư riêng của ông và bỏ về phòng. Lại một dàn dựng mất công vô ích, lại thêm một "sự cố" làm chính quyền cộng sản bối rối.

Tình trạng sức khỏe của Nguyễn Đan Quế tồi tệ đến nỗi chính các công an coi toán lao động cũng không nỡ ép ông phải lao động khi đã kiệt sức. Một lần Nguyễn Đan Quế quá mệt nên nằm

ngủ ngay tại chỗ lao động, đại úy Lại Xuân Hùng đã la hét, mắng các công an không thẳng tay với Nguyễn Đan Quế. Thấy tình trạng lao động của mình chỉ gây phiền hà cho những công an thừa hành cấp dưới, ông Quế bỏ vào phòng nghỉ. Từ đó ông không ra lao động nữa và chờ đợi mọi hậu quả sẽ đến với mình.

Tối ngày 4-9-1993, Nguyễn Đan Quế bị chuyển vào trại kỷ luật và không còn ai biết tới số phận của anh nữa. Trong trại kỷ luật này, các tù nhân bị giam riêng trong một căn phòng rất nhỏ và bị xiềng chân (ngôn ngữ nhà tù cộng sản gọi là bị quỳện).

Thư ngỏ của Nguyễn Đan Quế

Kính gửi:

- Thượng nghị sĩ Charles Robb
- Hội Ân Xá Quốc Tế
- Các tổ chức nhân quyền

Các quan chức công an của chính quyền Hà Nội đang tìm cách trả thù tôi và đang tiến hành một loạt biện pháp khủng bố và đàn áp đối với các chính trị phạm sau cuộc gặp gỡ không thành giữa thượng nghị sĩ Charles Robb và tôi.

Là những người đối lập bất bạo động, chúng tôi tố cáo sự kiện này trước dư luận quốc tế và kêu gọi dư luận quốc tế hãy tích cực yểm trợ để ngăn chặn những hành động đen tối không lương trước được.

Trại tập trung Xuân Lộc, ngày 29-8-1993

Bác sĩ Nguyễn Đan Quế

Hai lý do để mua và cổ động mua Thông Luận

1. Để đọc một tờ báo chính trị đúng đắn và có phẩm chất, một diễn đàn cởi mở trong đó không có ý kiến nào cấm nêu ra và cũng không có vấn đề nào cấm bàn đến. Thông Luận là tiếng nói của một kết hợp dân tộc dân chủ hiện diện cả ở trong nước lẫn ngoài nước, của những người đến từ những quá khứ chính trị khác nhau nhưng đã bắt tay nhau trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc để cùng tranh đấu cho dân chủ đa nguyên.

2. Đối với những ai hưởng ứng cuộc vận động dân chủ, mua và cổ động mua Thông Luận cũng là đóng góp vào cuộc đấu tranh cho dân chủ. Tiền mua báo sẽ giúp Thông Luận đỡ lỗ, dành ngân khoản yểm trợ cuộc vận động dân chủ trong nước, giúp đỡ cho các anh em tù nhân chính trị và gửi báo về trong nước.

Hiện nay Thông Luận lỗ mỗi số 4.000 Francs. Số tiền này có thể giúp thêm nuôi 50 anh em tù nhân chính trị, hay bảo đảm cuộc sống cho 20 anh em dành trọn thời giờ cho cuộc vận động dân chủ.

Một nhận định về Trần Đức Thảo

Hoàng Khoa Khôi

Nhân đọc bài "*Cái chết lần thứ hai của triết gia Trần Đức Thảo*" đăng trong tạp chí Thế Kỷ 21 và Trăm Con, tôi thấy tác giả Phạm Trọng Chánh có nói tới tên tôi để viện dẫn ông Thảo không phải là người trótskýt, tôi xin phép được góp thêm một vài ý kiến:

1. Ông Thảo không những không phải là trótskýt mà ông còn là người đã từng đối lập triệt để với trótskýt trong những năm 1947-1951.

Năm 1947, trong bài "*Vấn đề Việt Nam dưới con mắt phái trótskýt*" đăng trên tạp chí *Thời Mới* (Temps Moderne) của Jean Paul Sartre, Trần Đức Thảo kịch liệt bác bỏ quan niệm của trótskýt về *tính chất* của cuộc cách mạng Việt Nam. Theo ông, cách mạng Việt Nam không thể tái diễn theo mô hình cách mạng Nga năm 1917. Không những ở Việt Nam mà bất kể xứ nào ở Đông phương đều không thể cách mạng vô sản. Ông tán thành Việt Minh đã biết "*ngừng cuộc tranh đấu giai cấp*" và tán thành đảng cộng sản Việt Nam đã biết "*tự động giải thể*". Ông viết: "*Từ Ma-rốc đến Nam-duong... không có một đảng cộng sản nào đáng kể. Lời kêu gọi vô sản Việt Nam, nếu làm cách mạng sẽ mất đi trong bãi sa mạc... Nếu vô sản Việt Nam nắm chính quyền, hành động của họ cũng chỉ là tượng trưng, nhất là họ sẽ bị đè bẹp ngay*".

Đối với Trần Đức Thảo, cuộc cách mạng Việt Nam muốn đi đến thành công, phải là một cuộc "*cách mạng tiểu tư sản, do giai cấp tiểu tư sản lãnh đạo*". Ông trách cứ trótskýt đã "*khinh thường một cuộc cách mạng tiểu tư sản (Việt Nam) như thế, kết cục là ủng hộ gián tiếp những mưu mô của thực dân*". Ám chỉ trótskýt, ông nói: "*Rõ ràng là cái bản năng đế quốc cũ đã lộ ra dưới cái mặt nạ cách mạng*" (coi bản dịch tiếng Việt đăng trên tạp chí Văn Hóa Liên Hiệp số 15-7-1949).

Tôi nhắc lại giai đoạn này để chứng thực sự cách biệt tư tưởng giữa ông Thảo và trótskýt là sự cách biệt sâu rộng, trên những vấn đề căn bản. Tuy thế, đảng cộng sản Việt Nam vẫn cứ tiếp tục chụp cho ông cái mũ "trótskýt", rồi viện cố tru dập ông một cách vô lý.

2. Năm 1951, sau khi đảng cộng sản Đông Dương tái lập dưới hình thức đảng Lao Động Việt Nam và sau khi Mao Trạch Đông giành được chính quyền ở Trung Quốc, quan niệm của ông Thảo hoàn toàn đổi ngược. Trong cuốn "*Triết lý đã đi đến đâu*" do nhà xuất bản Minh Tân ở Paris ấn hành, ông khẳng định cách mạng ở Việt Nam cũng như Trung Quốc "*biểu lộ đặc biệt ý nghĩa một cuộc cách mạng vô sản*". Theo quan niệm mới này của ông Thảo, cách mạng vô sản không những thành công ở Việt Nam và Trung Quốc mà sẽ thành công ở các xứ Đông phương. Ông viện lẽ: "*Tư tưởng Đông phương, từ xưa tới nay, không phân ly vật thể và tinh thần, tự nhiên và ý niệm, vậy hiểu một cách dễ dàng phương pháp duy vật biện chứng*" của chủ nghĩa mác-xít. Ngược lại, trái với Karl Marx, ông phủ nhận cách mạng vô sản ở Âu Tây. Bởi vì, theo ông, "*tư tưởng Âu Tây đã từ lâu đi vào con đường truy lạc*", "*hoàn toàn hư nát*", "*chủ nghĩa mác-xít tương phản với hình thức văn minh Âu Tây*". Đề cao cách mạng vô sản ở Đông phương, ông viết: "*Đông phương thực hiện chủ nghĩa mác-xít, đã thành một khối dân chủ thống nhất 700 triệu người, từ Đông Âu đến*

Thái Bình Dương, sống một đời chứa chan hy vọng...".

Karl Marx đặt cơ sở lý luận của mình trên căn bản của sự phát triển kinh tế và sự tiến bộ kỹ thuật và khoa học là những yếu tố cơ bản tạo điều kiện cho sự thành công cách mạng vô sản và cho sự xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên lúc sinh thời, Marx không đề cập vấn đề cách mạng vô sản ở Đông phương. Đến thời Lenin, tư bản chủ nghĩa trở thành đế quốc chủ nghĩa, mặc dầu chủ trương cách mạng vô sản ở Nga nhưng toàn bộ chiến lược cơ bản của Lenin là đặt hy vọng vào sự bùng nổ cách mạng ở các xứ tiền tiến Châu Âu (như Đức, Pháp, Anh v.v...). Trần Đức Thảo coi "tư tưởng" là yếu tố chủ yếu của sự biến đổi các chế độ xã hội. Cho nên ông đã đi đến kết luận "*chỉ có Đông phương mới thực hiện được chủ nghĩa mác-xít*". Nếu cần phải đánh giá đúng mức quan niệm của ông Thảo, ta có thể nói đó là quan niệm duy tâm của các trường phái duy tâm chủ nghĩa. Ông Thảo gần gũi với chủ nghĩa duy ý chí của Mao hơn là chủ nghĩa duy vật và khoa học của Marx.

3. Từ 1947 đến 1951, sự thay đổi tư tưởng của ông Thảo là một điều khó hiểu. Thoạt nhìn, tưởng như ông có lập trường khác biệt với đảng cộng sản Việt Nam. Nhận xét kỹ, tư tưởng ông gắn liền với đường lối "*từng giai đoạn*" của đảng này.

Đảng cộng sản Việt Nam phân chia cách mạng làm hai giai đoạn. Giai đoạn đầu là "cách mạng tư sản" (ông Thảo gọi là cách mạng tiểu tư sản). Giai đoạn thứ hai là cách mạng vô sản. Những gì đảng coi là chiến thuật, sách lược v.v... ông Thảo nêu thành nguyên lý và chân lý. Riêng có một điều ông hiểu sai là khi ông nói "*cách mạng tiểu tư sản do giai cấp tiểu tư sản lãnh đạo*". Thực tế, do đảng cộng sản, mệnh danh thay mặt cho giai cấp vô sản, lãnh đạo.

Viết cuốn "*Triết lý đã đi đến đâu*", ông Thảo nhằm đưa vai trò của Stalin và Mao lên hàng những người kế nghiệp chính đáng của chủ nghĩa Marx. Thái độ này cũng là thái độ của đảng cộng sản Việt Nam (đảng đã ghi "tư tưởng" Mao vào hiến pháp, văn phẩm của ông Hồ Chí Minh, trong giai đoạn này, đều mang dấu vết của chủ nghĩa Mao).

Thế nhưng tại sao đảng vẫn gán cho ông Thảo cái nhãn hiệu "trótskýt"? Đây là một "thủ thuật" mang tính tâm lý mà đảng đã từng sử dụng rất có hiệu quả. Ban lãnh đạo đảng thừa biết ông Thảo không phải là trótskýt, nhưng họ vẫn đem cái gông đó tròng vào cổ ông, vì họ vẫn không tha thứ một số những hành động của ông mà họ coi là xung kích với đường lối của đảng. Cái hồ sơ lý lịch của ông họ đã nắm giữ, từ lúc ông nhập đảng! Thứ nhất, năm 1944-1946, ông đã cộng tác với trótskýt ở Pháp thành lập Tổng Ủy Ban Đại Diện Việt Kiều (Délégation Générale des Indochinois en France) thay mặt cho 20.000 Việt kiều ở Pháp. (Tổ chức này không những đứng ngoài vòng của đảng cộng sản Pháp (PCF) mà còn có những hành động đối nghịch...). Thứ hai, vào năm 1946, ông Thảo bất đồng ý kiến với Hiệp định sơ bộ ngày 6-3 và ông đã tuyên bố công khai chống cuộc đổ bộ của quân đội Leclerc ở Việt Nam. (Thái độ này chống với đường lối của đảng, nhưng lại giống thái độ của trótskýt). Thứ ba, năm 1956, ông Thảo đã cộng tác với nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, đòi

dân chủ, phê bình đảng. Bằng ấy chứng cứ cũng đủ cho đảng không thể tin cậy ở lòng trung thành của ông. Họ buộc ông phải hoàn toàn nhắm mắt theo đảng. Cái "tội" của ông là chỉ nhắm mắt một nửa.

Trù dập ông Thảo bằng cách gán cho ông cái nhãn hiệu "trótskýt", đảng còn nhắm mục đích cảnh cáo đội ngũ trí thức của đảng chớ có dại mà theo gương ông Thảo. Hai chữ "trótskýt" tạo ra tâm lý cho mọi người sợ nó. Vì nó đồng nghĩa với "gián điệp", "Việt gian", "tay sai cho thực dân, đế quốc", nếu không phải là "sát nhân", "giết hại đồng bào"! Hai chữ "trótskýt" được treo lủng lơ trên đầu ông Thảo, như cái lưỡi kiếm Damoclès, gây cho cân não ông một mối lo sợ thường xuyên. Kết quả, có lúc ông Thảo nhìn đâu cũng thấy gián điệp và trótskýt. Hồi ông vừa qua Pháp, một người cựu đại biểu công binh (lính thợ Việt Nam), bạn cũ của ông, gặp ông hỏi đang viết sách gì, được ông trả lời: "*Có viết gì được nhiều đâu, bọn trótskýt nó phá quá*". Ông bạn cựu công binh hỏi lại: "*Anh cho biết trótskýt đó là ai?*". Ông nói: "*Bọn Althuser chứ còn ai!*". Hai chữ "trótskýt" đã ám ảnh ông Thảo đến nỗi đã nhầm lẫn Althuser với trótskýt! (Althuser là triết gia, cựu đảng viên của đảng cộng sản Pháp-PCF).

4. Vào cuối đời mình, ông Thảo đã biểu lộ sự cố gắng sửa đổi một số sai lầm, đặc biệt về sự nhận định vai trò lịch sử của Stalin và Mao. Đối với Stalin, ông đã thanh toán bằng cuốn sách nhan đề "*Triết lý của Stalin*", trong đó, ông hạ bệ Stalin như một người thiên cận không am hiểu gì về thuyết biện chứng của chủ nghĩa mác-xít. Đối với Mao, ông viết một loạt bài đả kích nhà triết lý Althuser mà ông coi là môn đồ của Mao và chủ nghĩa mao-ít. Một điều đáng chú ý: ông cũng như ông Nguyễn Khắc Viện, sửa sai nhưng không bao giờ tự phê bình là mình đã sai và vì sao đã sai? Hai ông hình như cho rằng sự sai lầm của các ông là do lỗi ở đảng!

Thái độ chỉ trích Stalin và Mao của ông Thảo gây thêm sự nghi ngờ của đảng đối với ông. Cứ theo cái đà ấy, biết đâu, một ngày kia, ông lại chẳng đụng đến Hồ Chí Minh, một điều cấm kỵ của đảng! Trong đám trí thức có óc phê bình như ông Thảo, nhiều người đều biết Hồ Chí Minh từ 1950 tới 1965, đã viết bài hoặc đã có lần tuyên bố đả đảo Mao ngang hàng với Karl Marx và coi Mao là nhà lý thuyết bậc nhất, không ai có thể thay thế nổi. Nói đến Stalin, nói đến Mao mà không nói đến Hồ Chí Minh đó là một điều còn thiếu sót trong quá trình tiến triển của ông Thảo!

Theo lời kể lại của những bạn bè xung quanh ông Thảo, đảng vẫn cảnh giác, đề phòng những việc ông làm, những bài ông viết tại quán trọ Le Verrier. Thậm chí nhiều người còn đặt nghi vấn về cái chết bất ngờ và nhanh chóng của ông.

Hết thời hạn hộ chiếu, đảng đòi ông phải về nước, không muốn ông ở lại Paris thêm một ngày nào nữa. Ông cương lại không chịu về. Bạn bè ông phải lập hội quyên tiền giúp cho ông sống. Tóm lại, đảng vẫn nghi ngờ ông. Đảng chỉ được yên tâm khi ông đã nhắm mắt.

5. Trong bài "*Cái chết lần thứ hai của Trần Đức Thảo*", ông Phạm Trọng Chánh ghi cái chết lần thứ nhất của ông Thảo vào năm 1958, nghĩa là sau vụ án Nhân Văn Giai Phẩm (1956). Theo tôi, cái chết của Trần Đức Thảo lần thứ nhất phải kể từ 1951, năm ông viết cuốn "*Triết lý đã đi đến đâu*", nhằm lẫn chủ nghĩa Mao và Stalin với chủ nghĩa mác-xít. Bắt đầu từ năm ấy, ông đã dán mình vào một thế giới - thế giới stalinien - xa lạ với bản chất con

người ông. Những ai đã quen biết ông Thảo, những năm 1944-1946, khi ông còn là một thanh niên ngụ tại nhà số 10 phố Sorbonne, quận 5 (Paris), đều biết ông là người "kiêu hãnh" (fier), tự tin, tự trọng. Ông không kiêng sợ ai và không ai làm ông phải khâm phục. Con người ngang tàng và thông minh ấy đã bị bộ máy stalinien bẻ gãy, nghiền nát. Con người ấy đã phải sống khuất phục hàng chục năm, dưới một chế độ đầy quyền lực, tôn ti trật tự, sùng bái lãnh tụ. Hồi làm sao chịu đựng nổi lâu ngày mà không công phần, thỉnh thoảng ông đã cất lên tiếng nói. Nhưng sau mỗi lần, tiếng nói của ông bị dập tan. Không những thế, người ta còn bắt ông thú nhận những tội lỗi mà ông không làm. Người ta đã áp lực bạn bè ông viện những bằng chứng bịa đặt, tố cáo ông như một tội phạm. Trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm, đảng sai ông đứng, nhưng ông đã phải "*xin lỗi trước đảng và trước nhân dân*". Trong việc cộng tác với trótskýt để huy động phong trào Việt kiều ở Pháp chống chế độ thực dân, ông đứng đảng sai, nhưng đảng đã ghi vào hồ sơ lý lịch của ông: "*Thỏa hiệp với bọn trótskýt phản động, tay sai của đế quốc!*". Có hiểu bản chất con người ông Thảo mới hình dung được những đau khổ của ông, đứng trước những oan trái mà ông đã âm thầm gánh chịu. Những oan trái đó, ông đã mang theo cho đến khi tắt hơi thở cuối cùng.

Cái chết lần thứ hai của ông Thảo, theo tôi, là khi đảng gán trên quan tài ông tám huy chương, ngụ ý nói đảng thưởng công "cho con người yêu quý trung thành của đảng". Còn sự chua chát nào hơn đối với hương hồn một người như ông! Khi ông còn sống, đảng đã bội bạc, vùi dập ông. Khi ông chết, đảng vẫn không tha mà còn tìm cách "chiếm lãnh" (récupérer) con người ông, làm lợi khí tuyên truyền cho đảng.

6. Tôi được biết ông Thảo trong thời kỳ (1944-1946) cộng tác với ông, gây dựng phong trào Tổng Ủy Ban Đại Diện Việt Kiều tại Pháp. Chúng tôi cùng ở xóm Latin (ParisV), nhà tôi cách nhà ông Thảo chừng 5 phút đi bộ. Chúng tôi gặp nhau luôn, coi nhau là bạn. Năm 1946, ông Hồ Chí Minh qua Pháp, lôi kéo trí thức quốc gia rời bỏ sự đoàn kết với trótskýt. Từ ngày ấy, ông Thảo và tôi chia tay nhau. Ông đứng về lập trường Stalin và Mao chống trótskýt. Tôi bênh vực trótskýt, chống chủ nghĩa Mao và Stalin. Trong những năm 1947-1951, tôi có viết nhiều bài đăng trên mặt báo *Vô Sản* và *Tiếng Thợ* công khai tranh luận với ông Thảo. Với sự hăng say của tuổi trẻ thời đó, phía trótskýt cũng như phía ông Thảo, đôi khi đã dùng những chữ, những câu "quá lời"! Nhưng nội dung vẫn giữ được phong cách một cuộc đấu tranh tư tưởng và chính trị. Về phần tôi, tôi không bao giờ coi ông là "kẻ thù" (ennemi) mà chỉ coi là người đối lập (adversaire). Truyền thống phong trào lao động coi sự bất đồng tư tưởng là thường. Chỉ tới thời đại Stalin nó mới bị coi là tội ác, cần phải diệt trừ!

Đối với tôi, về mặt tư tưởng, ông Thảo sau này không còn là ông Thảo thời xưa nữa. Nhưng trước cũng như sau, tôi vẫn tôn trọng ông là người đã từ bỏ công danh ở Pháp, can đảm trở về quê hương, với hoài bão đem tài năng cống hiến cho cuộc giải phóng dân tộc.

Ngày đám tang ông, tôi có mặt ở nghĩa địa Père Lachaise, giữa đám bạn bè cũ của ông. Tôi không giữ nổi cảm xúc khi nhớ lại quãng đời chông gai của ông mà tôi được chứng kiến.

Hoàng Khoa Khôi
Paris, tháng 8-1993

Vào hè

Trần Thanh Hiệp

Tháng mười. Paris đã trở lại nhịp sống quay cuồng của một kinh thành phồn hoa đô hội. Hàng triệu người cách đây ba tháng đổ ra đường tạm rời thủ đô đi trốn nóng nay đã trở về, chen chúc trong luân khúc nhịp ba "métro-boulot-dodo", trên gương mặt còn mang dấu vết của những ngày nghỉ mát, "quá ngắn". Thời tiết bắt đầu thay đổi, trời đã chớm vào thu với lá rụng và những cơn gió lạnh đầu mùa.

Có người sẽ bảo, tháng mười, nói chuyện vào hè không hợp thời nữa. Phải nói chuyện vào thu chứ. Đúng. Nhưng cũng không đúng. Trăm điều rắc rối ở chữ "thời" mà ra. Chữ "thời", từ đơn ("thời" hoặc "thì" cũng vậy) hay từ kép (thời bình, thời đại, v.v...), tuy luôn luôn được dùng nhưng nghĩa tận cùng của nó lại không mấy chính xác. Cũng là điều tự nhiên thôi. Chính xác làm sao được khi mà tự nó chữ thời vừa có nghĩa là có hạn lại vừa có nghĩa là không có hạn, dù nói theo cách bình dân hay theo cách bác học như các triết gia, các nhà khoa học.

Thời giờ thấm thoát thời đưa

Nó đi đi mất có chờ đợi ai

Cái "thời" đã đi mất ấy không đi đâu cả, nó nằm trong cái "thời" - dài hơn - chứa đựng nó mà thôi! Nói theo kiểu triết gia hay nhà khoa học, "thời" là một tiến trình diễn biến trong một độ dài không hạn định mà người ta đã tùy tiện chia cắt thành nhiều đoạn. Chia cắt rồi mượn không gian, ngoại cảnh làm mốc ghi dấu sự phân chia. Người ngày xưa nhìn mặt trời, mặt trăng, đóng cọc để định thời giờ, căn cứ vào nóng, lạnh, mùa màng, tế lễ, hội hè đình đám mà tính năm tháng, phân biệt quá khứ, hiện tại, tương lai v.v...

Trong Kinh Dịch, từ xa xưa trước Công nguyên, người ta nói "trời đất thay đổi mà bốn mùa đi..." (*thiên địa cách nhi tứ thời hành...*). Câu thơ "đáy đĩa mùa đi nhịp hải hà" của một nhà thơ tượng trưng Việt Nam cuối phần nửa đầu của thế kỷ này có vẻ khó hiểu nhưng cũng không ngoài ý người ngày xưa. Người đời nay, khỏi nói, quá nhiều cách phân định thời gian, hầu như họ có thể đo được cả cái mà tiếng nhà Phật gọi là *sát na*. Trong đại hội điền kinh thế giới vừa rồi ở Stuttgart bên Đức, ban giám khảo nhờ có đồng hồ bấm giờ đạt tới độ chính xác 1/1000 của một giây nên đã có cơ sở định được ngôi thứ cho hai nữ lực sĩ theo mắt thường cũng về nhất trong cuộc chạy đua 100 thước. Nhưng điều này không hẳn có nghĩa là đời nay có nhiều *thời* hơn đời xưa. Giác ngộ chưa thành của các triết gia vẫn còn là thống nhất được một cách ổn thỏa các *thời* của vũ trụ (temps cosmique), của sinh vật (temps biologique), của con người (temps humain). Nhưng vẫn chưa ổn. Vả chăng cũng khó mà ổn nếu quả thật muốn nắm chắc được cái bản thể của chữ *thời* để có được một cái nhìn thống nhất, trật tự về vũ trụ trong đó có vô vàn cách nhìn dị biệt. Con người tự cho mình là chủ của vũ trụ. Nhưng tuổi thọ - thời - của con người so với tuổi thọ của vạn hữu trong vũ trụ thì thế nào?

Trăng bao nhiêu tuổi trăng già

Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non

Tuy để bốn cột bằng chữ nghĩa, hai câu thơ này vẫn bộc lộ

được những ám ảnh về *thời* của vạn hữu trong vũ trụ so với *thời* của con người. Con người đã lên được mặt trăng. Con người đã leo tới đỉnh núi Himalaya. Nhưng *thời* của trăng, của núi đã ai biết chắc? Và có thật là *thời* của vạn hữu ngắn hơn *thời* của con người không?

Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn

Tào Khê nước chảy vẫn còn trở trở

Chao ôi, hiểu được chữ *thời* xem ra không phải dễ. Mấy ai đã hiểu rõ được thế nào *thời*, thế nào là đến *thời*, thế nào là hết *thời*. Một số ít người cộng sản còn sót lại trên địa cầu, không biết trong bụng nghĩ sao nhưng ngoài mặt cứ khăng khăng nói rằng vẫn còn là *thời* của mình. Khá nhiều "chiến sĩ chống cộng" thời chiến tranh lạnh, ngoài cổ dán mắt vào kính chiếu hậu vì không tìm được cách "đánh" để không phải "hòa giải" nhưng trước thúc bách của tình thế lại phải hối hả chạy theo ngôn từ, hình bóng của "hòa giải" mà chẳng thấu triệt được thế nào là hòa giải, vì sao phải hòa giải, đã đến *thời* hòa giải chưa và phải làm sao mới hòa giải được. Nói cho ngay, không phải chỉ ngày nay con người mới ngơ ngác trước *thời* thế. Người ngày xưa cũng vậy. Viết văn, làm thơ thì không hại gì. Núi *thời* gian lại để cho nó khỏi trôi mau, "*thời gian hãy ngừng cánh bay*", nếu chẳng níu được thì mặc cho nó trôi mà lòng vẫn định, "*đợi anh về, anh ơi em cứ đợi*" hay "*cho dầu ngàn năm em vẫn đứng, chờ anh như biển vẫn chờ sông*". Nhưng làm chính trị thì không thể buông tuồng về chữ *thời*. Không biết được *thời* của địch thành *thời* của mình, thậm chí còn để địch giành mất *thời* mình đang có trong tay thì chỉ còn cách theo gót Đặng Dung mà kêu réo lên nổi lòng u uất:

Thời lai đồ diếu thành công dị

Vạn khứ anh hùng ảm hận đa

Cho nên *thời* nào cũng cần có bậc thầy, bởi theo Tôn Tử, cái nhìn của bậc thầy không giống cái nhìn của mọi người. Điều đáng tiếc là ai cũng tự cho mình là bậc thầy nên các cách nhìn *thời* thế đã chỉ hỗn độn, cá mè một lứa.

Nói lan man mãi về chữ *thời*, tôi đang đi xa đầu đề. Phải quay lại câu chuyện vào hè. Nhưng tôi sẽ không bàn tới chuyện nghỉ hè vì tôi vốn không hay đi nghỉ hè. Nói ra điều này chẳng phải để khoe một thành tích ghê gớm gì. Mấy chục năm về trước, tôi đã có những nhận định rất chủ quan - về sau mới biết là sai lầm - rằng nghỉ hè chỉ là chuyện bày đặt. Khi mùa hạ tới, nóng thì cũng có nóng thật nhưng ở Paris đâu có nóng quá như ở các miền nhiệt đới. Người Pháp, trên nguyên tắc, không có nhu cầu trang bị máy lạnh nhà, xe, xí nghiệp, công sở. Chưa kể, cũng có nhiều người đi nghỉ hè mà kỳ thực là đi "nghỉ đông" (dùng hai chữ "nghỉ đông", tôi đạo văn của Huỳnh Hùng) nghĩa là đi nghỉ vào lúc trời đã rét. Nhưng tôi làm. Nghỉ hè là một quyền nghỉ được trả lương không phải xin phép, một "nhân quyền" đã được long trọng tuyên cáo trong bản Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền và đã trở thành đương nhiên, cụ thể, quyền mà chỉ những nước tân tiến mới có được điều kiện mang lại cho dân mình hưởng. Nghỉ để bồi dưỡng sức khỏe rồi trở lại làm việc với những năng lượng mới (*có lẽ sự bất mãn của tôi chỉ là phản ứng trước thái độ bon chen, chụp giết để đi nghỉ hè, đến nỗi đôi khi bị thương tật hay mạng vong vì bất cẩn hoặc vì ngủ bờ ngủ bụi, trước tâm trạng coi việc không được đi nghỉ hè như là một bất hạnh trong đời mình*), đó là một trong những chinh phục mới của con người, không còn phải đầu tắt mặt

tối, một nắng hai sương để "lao động vinh quang" đến kiệt sức để mà sống. Tuổi thọ trung bình của người phương Tây cao hơn người phương Đông một phần cũng do nơi người phương Tây được nghỉ ngơi để bồi dưỡng tốt sức khỏe. Nhưng có lợi không phải là không có hại và lợi cho ai, hại cho ai? Tuổi thọ trung bình cao mà sinh xuất thấp thì không tránh khỏi tình trạng mất thăng bằng trong nhân xã và ở phương Tây, lớp tuổi già mặc nhiên đã được chọn để trả giá cho việc lập lại thăng bằng. Tuy họ vẫn được cứu mang nhưng với những thông điệp ngày càng rõ là họ chỉ còn là gánh nặng cho xã hội. Những người già Việt Nam tị nạn sống ở ngoài nước chắc đã có nhiều dịp thể nghiệm sâu sắc thân phận của mình trước mắt con cháu. Nếu còn tiếp tục sống trên đất phương Tây thì nên biết an phận để đừng phần hạn với con cháu khi cảm thấy mình bị xuống giá.

May thay đó không phải là vấn đề của tôi mùa hè năm nay. Ở lại Paris, tôi không buồn phiền gì về chuyện thời tiết, làm, nghỉ, chỉ loay hoay với hai suy nghĩ khúc mắc. Đó là chuyện ông Phạm Ngọc Lan, chủ nhiệm báo Thông Luận, có văn thư hỏi tôi có tán thành đề nghị thêm những trang "văn nghệ" cho Thông Luận như đang được đòi hỏi không. Cùng lúc, bà Phạm Tú Minh một nhà giáo tị nạn tại Hòa Lan gửi cho tôi bản thảo tác phẩm đầu tay của bà về phương pháp dạy trẻ em đọc tiếng Việt. Gửi để tôi đọc và phê bình. Kể ra trả lời cho xong chuyện thì cũng chẳng vất vả gì. Nhưng vương vấn văn nghệ, văn hóa không dễ gì mà trút bỏ.

Thông Luận là một tờ báo tranh đấu chính trị ra đời tính đến nay đã được gần sáu năm. Vì thiếu chỗ nên nó không có mục văn nghệ. Và lại ngay từ đầu nó cũng đã dứt khoát không xu hướng về văn nghệ dù biết rằng đó là một thiếu sót rất đáng tiếc.

Không phải ngẫu nhiên Thông Luận bỗng trở thành đối tượng của nhiều đòi hỏi văn nghệ. Đành rằng không thiếu những lời khiển trách Thông Luận khô khan chẳng những về hình thức và cả về nội dung. Đã vậy nhiều khi còn khó hiểu nên khó đọc. Vậy phải thêm trang văn nghệ cho nó tươi mát, dễ đọc. Nhưng nguyên nhân sâu xa của những đòi hỏi văn nghệ hiện nay nằm ở ngoài tờ báo Thông Luận, ở tình trạng lão suy (sénilitéé) của cái gọi là văn nghệ hải ngoại. Ông Mai Thảo làm thơ nói về mình "*Ta thấy hình ta những miếu đền*". Số lượng người đọc văn thơ, báo, sách ngày càng giảm. Loại văn nghệ hư văn hệt hơi dần dần, nếu chưa hẳn là hết thời (lại chữ thời!). Tại sao vậy? Tại vì văn nghệ đâu phải chỉ thuần là đồ giả để thương vay khóc mượn, chào mời bề ngoài còn bề trong người làm văn nghệ muốn thí bỏ gì cho người thưởng ngoạn cũng được! Với Nguyễn Du, văn nghệ là chuyện "đứt ruột". Lý Đông A khuyên những người làm văn nghệ đừng làm "mô chợ", văn nghệ là những "huyết hoa" (đóa hoa máu). Nghệ thuật phải mang tới cho cuộc sống một giá trị *thặng dư*, nếu không, nó sẽ bị bài tiết ra khỏi cuộc sống. Cuối những năm 80, sau gần mười năm xem chân cảnh những người làm văn nghệ ở hải ngoại, tôi đã rung chuông báo động lúc tôi tự rời bỏ trường văn trận bút. Nếu cuộc sống của người Việt ở ngoài nước không bắt rễ được vào các xã hội tiếp cư lại cũng không bắt rễ được vào quê hương bản quán, và nếu không còn một sự nghiệp tranh đấu nào đáng tin cậy làm nơi ký thác lòng tin, hy vọng cho những người mất nước thì văn nghệ hải ngoại đừng uống công chờ đợi thêm nhiều ngày rục rở ở trước mắt. Vung vẩy, làm ồn ào để

đi vào con đường duy cảm là chỉ đi vào ngô cụt ngắn hoặc dài mà thôi. Bám víu vào những khuôn sáo, dù hình thức hay nội dung không là gì khác dăm chân tại chỗ, lên đồng, một cách vờ vời để chạy trốn thực tại. Sự chính thống của một nền văn nghệ không chinh phục được bằng những loại tiểu xảo ấy mà phải bằng sự giáp mặt với cuộc sống để sáng tạo ra thặng dư cho nó.

Văn nghệ gắn liền với chính trị, điều này không là một khám phá mới lạ gì, nhất là đối với người Việt Nam đã từng sống gần nửa thế kỷ với cộng sản. Nhưng hiểu được như vậy cũng chưa đủ. Phải làm chính trị cho thật "chính" thì văn nghệ chân thật mới có đất sống. Nền chuyên chính cộng sản đã ăn sống nuốt tươi biết bao nhiêu là sinh mệnh văn nghệ.

Những người làm báo Thông Luận đã lập chí làm chính trị cho thật "chính" thì hãy thực hiện ít ra cũng phải cho đến nơi đến chốn ý nguyện của mình. Đa mang thêm cái nghiệp văn nghệ và nếu chỉ để sản xuất ra những sản phẩm thường thường bậc trung thì e rằng sẽ thả mồi để bắt bóng. Hiện thời trong Thông Luận không có người làm văn nghệ ở mức ngang tầm với chính trị nó theo đuổi. Dù bị chê trách là khô khan, khó hiểu cũng phải chịu. Muốn khởi đi từ những tư tưởng mới, phải có ngôn ngữ mới. Muốn có kiến thức mới, phải có những ý niệm mới, lý thuyết mới. Muốn có hành động mới phải có đạo đức mới. Toàn là những thứ không thể làm sẵn, bán sẵn dùng ngay, ăn ngay (loại fast food tinh thần) cung cấp cho người đọc. Trái lại chúng còn đòi hỏi người đọc phải bỏ công bỏ sức suy nghĩ, hành động, phải cạnh chiến với chính mình để chữa trị những khuyết tật về mù lòa, cận thị chính trị, phải rời bỏ những hang động của đối trá, lường gạt, tiếm vị trên chính trường. Những người làm báo Thông Luận phải kiến thiết lòng tin của mình vào những gì mình cổ võ và phải đương cự với những gì mình bài bác, không để cho những điều tiếng thị phi thường tình lung lạc. Nếu tiếp tục dám thi gan như thế chắc rồi sẽ có văn nghệ, loại văn nghệ được cất lên (thăng hoa) từ một cuộc sống có ý thức cao về thời thế.

Bài toán bà Phạm Tú Minh ra cho tôi là một bài toán văn hóa. Tìm được phương pháp mới để dạy trẻ em đọc, viết để dăng tiếng Việt - nghĩa là nói thạo tiếng Việt không tốn công - bà Phạm Tú Minh đã có một đóng góp lớn vào sinh hoạt văn hóa của người Việt Nam. Điều khó là dạy cho trẻ em đọc và viết thứ tiếng Việt nào? Câu hỏi thoạt tiên có vẻ quá ngớ ngẩn. Nhưng nghĩ kỹ thì sẽ tìm ra nhiều vấn đề không nhỏ. Hãy lấy một thí dụ, bài thơ nôm cổ "Trưa hè" (dường như của cụ Nguyễn Khuyến tuy trong những tuyển tập thơ văn Nguyễn Khuyến không thấy ghi bài này, xin để các nhà khảo cứu về Nguyễn Khuyến xác định):

*Ai xui con cước gọi vào hè
Cái nóng nung người nóng nóng ghê
Ngõ trước vườn sau um những cỏ
Vàng phai thắm nhạt ngán cho huê
Đầu cành kiếm bạn oanh xao xác
Trong tối đua nhau đóm lập lòe
May được nằm nam còn gió thổi
Đàn ta ta gảy khúc Nam nghe*

Thứ tiếng việt cổ này, như tiếng việt của cụ Nguyễn Khuyến, là thứ tiếng việt của một người làm thơ ưa dùng ngôn ngữ bình

dân. Thứ tiếng việt nếu không phải là muôn thuở thì cũng đã được nói từ thế kỷ trước và bây giờ cũng vẫn còn đang được nói. Nhưng nếu có những người *không hiểu*, hoặc *không hiểu hết* thứ tiếng việt ấy thì phải giải thích hiện tượng này ra sao (một dịp khác tôi sẽ xin nói những ai không hiểu và không hiểu tới mức nào)? Phải chăng thứ tiếng việt thuộc loại tiếng việt của cụ Nguyễn Khuyến không còn là tiếng việt nữa hay những người không hiểu nó không phải là người Việt?

Bây giờ hãy lấy một thí dụ khác, một bài thơ tình cờ tôi mới được đọc với sự kinh ngạc lúc tìm thấy nó lọt thỏm (ngôn ngữ Nguyễn Chí Thiện) giữa nhiều bài thơ khác đăng trong một tờ báo tháng - mà một tấm lòng hữu ái nào đó trong tòa soạn đã hạ cố nghĩ đến tôi và gửi cho tôi đọc. Bài thơ "Bảo tuyết" của Thanh Tâm Tuyền:

*Đóng chặt cửa nẻo
Chiều đông trời tối mau
Gió cùng khắp kêu réo
Không trung luông tuồng hiểm sâu
Anh sáng thanh âm đang hồ đồ
Vẳng như heo hút tru tréo
U tịch mù lòa đang lung lay
Bên ngoài cửa gương cuồng lạnh héo
Bảo đến
Đỏ tuyết ngập lụt
Buổi sáng mênh mông trắng hếu
Lồng ử bầu đêm chưa tan hoang*

Thanh Tâm Tuyền là một người làm thơ "trẻ", ra đời vào những năm 30. Thơ ông mới, từ hình thức đến nội dung chẳng những so với thơ cổ mà còn với thơ mới bây giờ (gồm loại thơ cổ vẫn còn mới và thơ mới mà đã cũ!). Thứ tiếng việt trong thơ Thanh Tâm Tuyền là thứ tiếng việt ít phần mới nhiều phần cũ hơn thứ tiếng việt thời cụ Nguyễn Khuyến. Nhớ lại những năm 50, nhiều tờ báo "văn nghệ" danh tiếng vào thời đó gọi thơ ông là thơ bí hiểm, thơ hủ nút. Nhưng sau 1975, người ta mới bắt đầu hiểu thơ, yêu thơ của tác giả những tập thơ "*Tôi không còn cô độc*", "*Liên đêm mặt trời tìm thấy*", của những câu thơ "*Hãy cho anh khóc bằng mắt em, những cuộc tình duyên Budapest*", "*Vang vang trời vào xuân*" v.v... thậm chí còn làm thơ cũng "tự do" như ông, nếu không hẳn "tự do" hơn ông! Vậy mà thứ tiếng việt của Thanh Tâm Tuyền cũng không dễ hiểu gì hơn thứ tiếng việt thời cụ Nguyễn Khuyến, dĩ nhiên đối với một lớp người "Việt" nào đó.

Tôi sẽ không bàn gì tới mặt văn nghệ của vấn đề. Một phần vì tôi không muốn làm việc trái khoáy bàn chuyện văn nghệ với những người chủ trương "trói" rồi "cởi trói" rồi lại "trói" văn nghệ (trước hết phải hỏi ai cho quyền "trói" mà cởi với không cởi?) hay những người tự biến thân mình thành cá chậu chim lồng hay với những người học đòi "tự do", nói sống chết vì "tự do" quyết lấy "tự do" để chống đạo tặc mà lại cứ một mực rập khuôn "thủ đoạn nhưng được coi là đạo đức" của đạo tặc. Phần khác vì tôi muốn tìm về tận gốc của văn nghệ là văn hóa để nói rất sơ lược một vài điều về văn hóa, những điều then chốt nhưng lại rất ít được bàn tới.

Con người nhất định phải sống bằng cơm áo, nhưng không phải chỉ thuần bằng cơm áo vì cơm áo, nên đã phải sáng tạo ra văn học nghệ thuật để điểm xuyết cho cuộc đời. Cơm áo là để cho

cuộc đời có thực, "*có thực mới vực được đạo*"; văn học nghệ thuật là để cho cuộc đời thêm vui, thêm đẹp. Nhưng "*nghề chơi cũng lắm công phu*" (vì thấy ít công phu nên ít bàn, không có công phu nên không bàn). Văn hóa là làm sao để có cơm áo mà sống, có cơm áo rồi thì phải sống như thế nào mới là đáng sống, sống như thế nào để cùng sống và sống liên tục, hướng thượng. Cho nên lúc nào cũng phải lo tính chuyện văn hóa trước đã, nhất là lúc này văn nghệ việt nam trong nước cũng như ngoài nước có vẻ đang đi lên còn văn hóa thì rõ ràng là đang đi xuống. Phải tránh đừng lấy văn nghệ thay văn hóa nghĩa là lấy gốc thay ngọn, "*anh hoa phát tiết ra ngoài*", nên cứu lấy cái gốc đang suy nhược. Văn hóa suy nhược là cuộc sống suy nhược.

Người Việt Nam rất kiêu hành về di sản bốn ngàn năm văn hiến ông cha đã để lại. Văn hiến, vì chẳng những có văn hóa mà còn có cả những bậc hiền tài, những định chế (hay thiết chế) về văn hóa. Di sản ấy từ hàng trăm năm nay đã được - và còn đang được - đem ra ném qua cửa sổ, tiêu dùng hoang phí mà không có tài bồi, xiển dương để khỏi khánh tận. Người Việt Nam ở trong nước cũng như ở ngoài nước bây giờ đua nhau đi vay nợ văn hóa, "*mở trường mục văn hóa*" mượn văn hóa bán sẵn hay phát không của người ngoài để tổ chức cuộc sống cả nước giống cảnh "*xu hào đùng đùng mán ngồi xe*". Việc ít người còn hiểu được đến nơi đến chốn thứ tiếng việt thời cụ Nguyễn Khuyến, rất nhiều người không hiểu được hết thứ tiếng việt của Thanh Tâm Tuyền là những triệu chứng rất đáng lo ngại về tuổi thọ của văn hóa Việt Nam.

Thật thế, trong hai bài thơ vừa trích dẫn, không có chữ nào là quá mới, ngược lại nhiều chữ rất cổ. Do đâu mà xảy ra sự không hiểu nhau giữa người làm thơ với những người đọc thơ? Dĩ nhiên, có những lý do về mặt văn chương nhưng chính là vì có vấn đề về mặt văn hóa. Nói cho ngay, hai bài thơ "trưa hè" và "bảo tuyết" không có gì đáng bàn về mặt văn chương. Nghệ thuật miêu tả mùa hè trong bài thơ cổ "Trưa hè" dưới mức trung bình. Về phần Thanh Tâm Tuyền, ông không có ý định miêu tả một trận bão tuyết như bài thơ của ông đã tạo nên cảm tưởng đó. Vậy điều đáng nói nơi hai bài thơ đó là thái độ văn hóa của hai tác giả hai bài thơ.

Chúng ta thường được nghe nhắc rất nhiều đến văn hóa Việt Nam nhưng lại rất ít được nghe nói rõ về văn hóa ấy. Những viên ngọc quý văn hóa - những người đi nhiều, đọc nhiều, thấy nhiều, nghĩ nhiều lại có công trước tác - trong gia tài văn hóa dân tộc, như Trần Hưng Đạo, Lê Thánh Tông, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Lê Quý Đôn, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Đức Đạt, Cao Bá Quát, Nguyễn Trường Tộ, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Mạnh Tường v.v... không nhiều gì. Điều này không đương nhiên đưa tới kết luận là dân tộc chúng ta không có văn hóa riêng, chỉ có một nền văn hóa nhập cảng từ phương Bắc. Nhưng đó là một cách nhìn văn hóa rất "tĩnh", nhìn văn hóa qua một số định nghĩa chung chung, kể cả những định nghĩa của những tự điển bách khoa. Văn hóa không phải chỉ là những khái niệm chứa đựng trong "danh" mà là những nội dung sống động của "thực" chỉ nhận biết được qua cách nhìn rất "động" về văn hóa. Về mặt tĩnh, văn hóa là những cung cách vừa có hình tướng vừa không hình tướng để tư duy, rung cảm và hành động, những cung cách đã được một số người chấp nhận như những biểu tượng có giá trị cao nhất để thành khuôn mẫu có hiệu lực ép buộc của

những quy phạm và vì thế đã ràng buộc họ thành một khối người có bản sắc riêng. Nhưng văn hóa còn có mặt động - đáng kể hơn mặt tĩnh - của nó. Văn hay luân lý tam cương, ngũ thường đã từ phương Bắc du nhập vào Việt Nam nhưng cung cách người Việt Nam tiếp thụ và thực hành luân lý ấy làm cho người Việt có phong tục khác người phương Bắc, nghĩa là có văn hóa riêng. Trần Hưng Đạo trong Bài hịch tướng sĩ, Nguyễn Trãi trong bài Bình Ngô đại cáo cũng chỉ nói những điều người phương Bắc đã nói nhưng hai bản văn lịch sử này có giá trị văn hóa là nhờ nơi những cung cách suy nghĩ, rung cảm, hành động mà Trần Hưng Đạo và Nguyễn Trãi nói tới đã đưa tới kết quả đánh thắng kẻ địch phương Bắc. Tận trung báo quốc thì phương Bắc và phương Nam đều nói nhưng cách chết của Trần Bình Trọng là cách riêng của người Việt Nam. Nét đặc thù của một nền văn hóa nên tìm trong phần động hơn là phần tĩnh của nó. Kim Tự Tháp ngày nay chỉ còn là một "danh lam thắng cảnh" hiếm quý của Ai Cập để du khách lui tới viếng thăm, không biến được H. Moubarak thành một Pharaon và đưa Ai Cập lên hàng vương quốc lớn của thời đại. Rất nhiều những bậc khoa bảng thừa xua, dài lưng tốn vải để thuộc lâu kinh sử nhưng với cung cách hành động nệ sách "chi, hồ, giả, dã", với đạo đức giả "hương nguyệt", thấy việc nghĩa không dám làm (không dám "sát thân thủ nghĩa") đã chẳng đóng góp gì thêm cho di sản văn hóa dân tộc. Không thiếu những bậc khoa bảng thời nay, bằng cấp đầy đủ nhưng chỉ biết sao chép - tuy tinh khôn hơn "vẹt" nhưng không chọn lọc, không sáng tạo - những cung cách của người xưa hay của người ngoài như "cuộc kêu mùa hè", phải coi là không có địa vị văn hóa, vì không nắm được mặt động của văn hóa. Dương nhiên vì vậy mà họ đã khiếm đảm và cúi đầu hàng phục trước những người ít học hơn nhưng nắm được mặt động của văn hóa. Vấn đề văn hóa, đúng hơn thẩm mỹ văn hóa, của Việt Nam hiện nay dường như vẫn còn nguyên vẹn: văn hóa đang gặp nguy cơ trở thành vô văn hóa.

Hai bài thơ "Trưa hè" và "Bảo tuyết" đã biểu lộ hai thái độ văn hóa khác nhau.

Thái độ văn hóa của tác giả bài thơ "Trưa hè" được gói ghém trong ba câu "Ai xui con cuộc gọi vào hè... May được nằm nam con gió thổi, Đàn ta ta gảy khúc Nam nghe" cũng là thái độ của con người Việt Nam thời tiền khoa học chấp nhận sự yếu kém của mình trước sức mạnh của thiên nhiên, của thần thánh ma quỷ sống chung với con người nên hạnh phúc mơ ước chỉ nhỏ bé và giản dị (như một tiếng đàn giữa trưa hè mà sức nóng đã được chế ngự bởi một ngọn gió nằm nam không chờ đợi). Những ai không cùng một nhân sinh quan ấy thì không cùng rung cảm được với tác giả, không hiểu hết được thú tiếng việt tác giả sử dụng. Con, cháu tác giả ấy còn chia sẻ được nhân sinh quan ấy vì thế, sống ở giữa những nước hậu kỹ nghệ mà họ còn rung động được với câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan "nhớ nước đau lòng con quốc quốc". Nhưng chất, chút, chút của tác giả thì đã xa cách tác giả vì ngôn ngữ, vì môi trường sinh sống. Con quốc nếu chỉ là con "poule d'eau" hay "water-hen" thì nó không thể là hóa thân của Đỗ Vũ, vua nước Thục bị mất nước cất tiếng kêu sầu thảm. Thế giới đầy huyền thoại của tác giả bị thế giới của khoa học, của thính thị của chất, chút, chút tác giả đẩy lui nên thái độ văn hóa ngôn ngữ của tác giả trở nên xa lạ với chúng.

Thanh Tâm Tuyền thuộc thế hệ cháu chắt tác giả bài "trưa hè"

nên thái độ văn hóa của ông đã không còn phản ánh nhân sinh quan thời tiền khoa học của tác giả này nhưng cũng không phải là một phản ảnh trung thành của cuộc sống thời thuần khoa học (cuộc sống ở những xã hội phương Tây, nơi có bão tuyết). Qua bài thơ Bảo tuyết, ông muốn gọi lên những kinh hải của con người, chơi vơi - hay theo ngôn ngữ Nguyễn Du, phải "phong trần" - trong cuộc sống ấy. Ông như một thuyền trưởng trong cơn bão tố, đem hết hơi sức kìm bánh lái con tàu để tiếp tục cuộc hải hành theo hướng phải đi tới. Tới đâu, ông không nói, "Lòng ủ bầu đêm chưa tan hoang", thơ ông đã chuyển sang một giai đoạn mới, đã đi vào một thế giới mới, trong ông, "ở đâu xa". Những ai dù sống cùng thời với ông nhưng không cùng cách nhìn cuộc đời như ông sẽ chẳng giải dịch được thơ ông, một bản nhạc bi hùng, một bức họa vừa tượng hình vừa phi tượng hình, một phức hợp tài tình của những từ tiếng việt nhiệm màu, sẽ chẳng hiểu hết thú tiếng việt ấy.

Có gì để nối liền những tiếng việt giống nhau về hình thức nhưng khác nhau về nội dung? Phải có văn hóa. Nhưng muốn có văn hóa trước hết phải có dân tộc - văn hóa là một sản phẩm tập thể, không phải cá thể, xuất phát từ cuộc sống chung của một đoàn người bó buộc phải sống chung - và dân tộc muốn tồn tại phải nhờ văn hóa. Không nhờ ở phần tĩnh mà nhờ ở phần động của văn hóa. Phần động ấy chính là sự sống thể hiện ra nhiều mặt trong đó tiếng nói là mặt chính. Chưa đầy một thế kỷ mà câu nói "chữ quốc ngữ còn, nước ta còn!" tưởng có thể là chân lý muôn đời đã chỉ còn là chân lý một vài đời: "chữ quốc ngữ còn" nhưng "nước ta" vẫn có thể mất, nếu không có những thái độ văn hóa có bản lĩnh làm cho nước ta không mất được! Đó nên là mối quan tâm hàng đầu hiện nay vì là nút diễn biến của giấc mơ Việt Nam của những người bằng mọi giá vẫn muốn còn là người Việt Nam.

Một số người đọc Thông Luận muốn có thêm trang văn nghệ. Bà Phạm Tú Minh lo hoàn mỹ việc dạy trẻ em học tiếng việt. Tôi nghĩ rằng, tựu trung, những đòi hỏi ấy trước hết là những đòi hỏi về những thái độ văn hóa mới, thích hợp mà cũng phải thích thời trong cái vòng mở "sống, còn, nối, tiến, hóa" của dân tộc.

Bỗng nhiên tôi chợt nhớ lại huyền thoại An Dương Vương, trước cuộc tiến quân của Triệu Đà, vợ và cùng với con gái là Mị Châu lên ngựa bỏ chạy tới núi Mộ Dạ, cùng đường phải cầu cứu thần Kim-Quy, được thần Kim-Quy chỉ cho thấy "giặc" ngồi ngay sau lưng mình, bèn rút gươm ra chém Mị Châu rồi nhảy xuống bể mà tự vẫn. Nếu tạm coi chuyện lấy nỏ thần là một cách nói bóng - ẩn dụ - để gọi tên văn hóa và việc dùng lấy nỏ là thái độ văn hóa, chúng ta sẽ tự hỏi phải chăng huyền thoại này chỉ là một cách của người xưa làm văn nghệ để ghi lại một thái độ văn hóa ở dạng bi thảm của nó?

Những suy nghĩ miên man tìm câu trả lời cho chính mình đã dẫn tôi đến một khắc khoải: những hồi kết thúc văn hóa dưới dạng bi thảm, nếu không tránh khỏi, tất sẽ đến và không chừng đã bắt đầu đến với những hành động vô văn hóa tự đào huyệt chôn mình, những hành động mà mức độ bi thảm gợi nhớ lười gươm oan nghiệt của người cha (An Dương Vương) đã kết liễu đời con (Mị Châu)/.

Trần Thanh Hiệp

Một số suy nghĩ về việc nước non trước tình hình mới

Nguyễn Phong Hồ Hiếu

LTS: Hồ Hiếu sinh năm 1939, cử nhân Kinh Tế, cao học Lịch Sử, vào đảng cộng sản năm 1966, thân phụ là cụ Hồ Văn Cang cũng là một đảng viên cộng sản kỳ cựu từ 1947. Hồ Hiếu đã hoạt động cho đảng cộng sản từ năm 14 tuổi tại các tỉnh miền Nam, trong đó có Huế, Nha Trang, Đà Lạt. Trước 1975, anh bị bắt giam 6 lần, tổng cộng 15 năm tù trong đó có 5 năm Côn Đảo. Cuối những năm 80, anh tham gia Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ TP HCM, với chức vụ trưởng ban liên lạc cựu sinh viên học sinh tranh đấu. Ngày 29-4-1990, anh bị bắt giam cùng với các nhân vật chính của Câu lạc bộ này như Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng, Đỗ Trung Hiếu và bị buộc tội có mối nối với CIA. Sau hơn một năm bị giam giữ, Hồ Hiếu được xác nhận vô tội, được trả tự do nhưng vẫn bị quản thúc. Cuối cùng, vào giữa năm 1992, anh bị khai trừ đảng và cho nghỉ việc. (Một điều chưa được giải thích là cùng ngày 29-4-1990, chính quyền cộng sản cũng ký lệnh bắt Đoàn Viết Hoạt nhưng lại đợi 7 tháng sau đó mới bắt và truy tố về tội cho lưu hành tập tài liệu Diễn Đàn Tự Do kể từ tháng 7-1990).

Ngày 1-8-1993, Hồ Hiếu được mời đọc tham luận tại Nhà Văn hóa lao động TP HCM, với đề tài "Dự báo tình hình trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; những thuận lợi và khó khăn khi Mỹ bỏ cấm vận và suy nghĩ của người trí thức trước tình hình mới đó". Buổi nói chuyện do ban Khoa học xã hội Thành ủy TP HCM, phối hợp với Câu lạc bộ thanh niên sinh viên học sinh cựu kháng chiến và Câu lạc bộ khoa học lịch sử Bách Việt.

Trong khuôn khổ trang báo, chúng tôi xin đăng toàn văn phần sau bài nói của Hồ Hiếu, nhan đề "Một số suy nghĩ của cá nhân người viết liên quan đến việc nước non trước tình hình mới". Những lời phát biểu của Hồ Hiếu ngay tại Sài Gòn đáng cho chúng ta lưu ý.

1. Nghĩ về người Mỹ

Tôi chưa bao giờ đi Mỹ. Tôi chỉ biết người Mỹ qua sách báo, phim ảnh. Biết người Mỹ khi họ đến Việt Nam, và biết họ khi chống lại họ trong phong trào giải phóng trước đây. Ngày nay, tôi cho rằng: Người Mỹ cũng đừng hí hửng vui mừng trước những ý đồ mới của mình, xem việc xóa cấm vận lần này là một cuộc viễn chinh trở lại Việt Nam không bằng súng mà bằng đô-la! Người Việt Nam yêu tinh thần độc lập của người Mỹ qua Tuyên ngôn độc lập của họ hơn hai thế kỷ trước. Tuyên ngôn hùng danh này đã ghi những nét lớn cho việc đấu tranh nhân quyền của loài người sau này. Chúng tôi yêu những gương chiến đấu dũng cảm như Washington, Lincoln... yêu tinh thần thực tiễn, khoa học, sáng tạo và giản dị của con người và nền văn minh Mỹ. Nhưng chúng tôi lại rất ghét "óc kỳ thị chủng tộc", "óc nước lớn", ghét những hành động theo kiểu "cảnh sát quốc tế", can thiệp, lũng đoạn và xâm lăng các nước của đế quốc Mỹ.

Trở lại Việt Nam lần này, tuy hình thức có khác, nhưng nếu tinh thần vẫn như cũ thì xin nhắc trước với người Mỹ, họ sẽ bị sức chống đối của nhân dân Việt Nam dưới nhiều hình thức. Tuy người Việt không ưa những kẻ độc tài chuyên chế trong nước, nhưng bao giờ họ cũng ý thức rõ về chủ quyền Việt Nam, bảo tồn truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình. Nếu tới đây, người Mỹ có thiện chí và bình đẳng với người Việt trong quan hệ đối xử thì họ sẽ được nhân dân nước này chào đón và hợp tác. Còn nếu họ đến với thái độ kẻ cả và những ý đồ không trong sáng, thì chắc chắn họ sẽ bị xua đuổi đẩy đi cho dù họ có mang đến nhiều đô-la rất quý.

2. Nghĩ về chính quyền hiện nay ở Việt Nam

a. Mỹ sẽ xóa cấm vận đối với Việt Nam, nhưng xin quý vị trong chính quyền hiện nay chớ nên ảo tưởng rằng: đế quốc Mỹ và các tập đoàn tư bản khác sẽ mang tiền hàng đến đây giúp Việt Nam "xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội". Họ đã từng là đối thủ cừ khôi của đảng Cộng sản và dân ta trong chiến tranh, họ không ngây thơ chút nào.

Dù muốn hay không thì hiện nay, đảng Cộng sản cũng đang nắm chính quyền tại Việt Nam, việc đối thoại, mặc cả, đón tiếp và hợp tác tới đây với người Mỹ đang là độc quyền của đảng Cộng sản. Vấn đề quan trọng cần nhắc với quý vị là:

- Chớ nên hoa mắt trước ánh sáng của đồng đô-la, mà coi nhẹ thể diện quốc gia và quyền lợi dân tộc.

- Chớ nên "từ cục tạ sang cục hữu", từ "chính trị là thống soái", "tinh thần cách mạng triệt để", "ý thức đấu tranh giai cấp ai thắng ai"... chuyển quá nhanh sang: cái gì cũng Thị Trường, cái gì cũng kinh doanh mua bán kiếm Đô. Bán và cho thuê dài hạn những tài sản quốc gia như đất đai, đồi núi, hầm mỏ... là việc hệ trọng. Không nên vì quyền lợi liên quan đến những kẻ đang cầm quyền mà xem nhẹ quyền lợi lâu dài của dân tộc. Lịch sử còn để lại những sự kiện: Nga bán đất Alaska cho Mỹ, chính quyền Sài Gòn trước đây cho Mỹ mượn quân cảng Cam Ranh 99 năm... Đừng làm gì để cho lịch sử về sau lên án quý vị.

b. Về thái độ ứng xử với dân: đã thấy được "dân là gốc" thì đề nghị quý vị trong Đảng và chính quyền hiện nay nên duyet xét lại toàn bộ chủ trương chính sách thái độ của mình đối với dân.

Những gì Đảng đã lạm quyền bấy lâu nay thì xin chủ động từ bỏ.

Những gì đã làm sai thì nên thành khẩn nhận lỗi.

Những gì nói không thật thì nên nói rõ.

Những gì đã vi phạm và tước đoạt quyền dân thì trả lại gấp.

Những gì trái với truyền thống hòa hợp dân tộc thì nên xóa.

Những gì của dân thì phải trả lại cho dân. Dân đòi hợp lý, hợp tình thì phải giải quyết.

Nếu quý vị thật sự vì dân, làm theo nguyện vọng của dân thì chắc chắn quý vị sẽ được dân thương, dân tin, dân ủng hộ, cho dù quý vị có Đảng hay không có Đảng, đảng Cộng sản hay đảng nào khác.

Nếu quý vị coi thường dân, bằng mọi thủ đoạn bí mật và công khai, o ép, trù dập, trấn áp, bắt bớ và bức hại người dân thì tôi tin chắc rằng dân sẽ tiếp tục đấu tranh dài dài với quý vị, không bạo động thì cũng bất bạo động.

Từ: bắt mẫn, bắt kính, bắt phục, bắt tin.

Rồi: bắt cần, bắt chấp.

Đến: bắt tuân, bắt hợp tác.

Và sau cùng là: bắt dung, "bất cộng đái thiên" với quý vị. Lúc đó quý vị sẽ đi về đâu?

3. Về chủ nghĩa xã hội

Lý tưởng xã hội Đại Đồng là một mơ ước đẹp của loài người. Nhưng nếu nó chỉ là một mơ ước, hay lý tưởng tôn giáo thì là vấn đề khác. Ở đây nó đã chuyển thành một chủ nghĩa chính trị: xã hội chủ nghĩa, có liên quan đến sinh mạng của con người.

Khi chủ nghĩa đế quốc cũ và mới đang còn hoành hành dữ dội trên hoàn vũ ở thế kỷ XIX và XX thì quả thật chủ nghĩa Marx và Marx Lenin là đối thủ đáng sợ nhất của chủ nghĩa đế quốc. Mà kết quả cụ thể là hàng loạt nước trên thế giới đã được giải phóng khỏi ách xâm lược của các đế quốc Anh, Pháp, Mỹ, Bồ Đào Nha, Hòa Lan, Đức, Nhật... Tác phẩm "Tư Bản Luận" (Le Capital) của Marx quả là một công trình nghiên cứu khoa học về chủ nghĩa tư bản có giá trị đương thời. Đó là những lời đanh thép về nhận định, phân tích, phê phán sâu sắc chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc. Với cơ sở lý luận đó, phong trào cộng sản là một phương thuốc chống đế quốc hiệu nghiệm trong thế kỷ qua. Đó là một thực tế lịch sử không ai có thể chối cãi được, kể cả các thế lực đế quốc và những người chống cộng.

Nhưng Marx chưa có một công trình hoàn chỉnh về cái gọi là "chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản". Ông cũng như Lenin chỉ đưa ra một số dự kiến chủ quan về tương lai xã hội cần đạt tới. Những điều đó chưa có giá trị về mặt nghiên cứu khoa học, vì chưa có thực tiễn chứng minh. Marx cũng chưa bao giờ viết "Cộng Sản Luận" nên việc nâng những dự kiến thô sơ của ông lên thành kinh điển là điều gượng ép và tội nghiệp cho ông! Non một thế kỷ qua, thực tiễn đã chứng minh: những dự kiến của Marx và Lenin về việc xây dựng chủ nghĩa xã hội đều là không tưởng, và đi thụt lùi, là bất khả thi. Các vị này chê Saint Simon, Fourier, Owen... là những nhà "xã hội không tưởng". Nhưng thực tế đã chứng minh tiếp là: "chủ nghĩa cộng sản khoa học" cũng là không tưởng, cũng không khoa học và chính bản thân Marx, Lenin cũng

là những "nhà không tưởng mới" mà thôi.

Chủ nghĩa cộng sản đã chiến thắng vì biết gắn vào các phong trào giải phóng dân tộc, vận động quần chúng đấu tranh chống đế quốc giành độc lập. Nhưng lại thất bại trong việc xây dựng một kiểu xã hội mới. Sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, tình trạng trì trệ kém phát triển của Trung Quốc và Việt Nam, Bắc Triều Tiên, Cuba, trong mấy thập kỷ vừa qua là những bằng chứng hùng hồn. Cả những nước mới đi vào XHCN như Ethiopia, Lybia, Mozambique... thì kết quả cũng là nghèo đói. Hay những quốc gia chỉ mới "lai XHCN" như Algérie (XHCN Hồi giáo), Miến Điện thì tình hình cũng không khác chi. Những thực tế trên chưa đủ cho chúng ta làm bảng tổng kết về một chủ nghĩa đã được thực nghiệm hay sao?

Trở lại việc nước non mình. Nếu hình dung con đường của dân tộc chúng ta đi từ Cách Mạng Mùa Thu 45: Vượt qua sông "Độc Lập" và đi tiếp trên con đường tìm "Tự Do - Hạnh Phúc", thì từ 1945-1975 chúng ta đã dùng "con thuyền Marx Lenin" để vượt qua sông "Độc Lập" rồi. Từ năm 1975 cho đến nay, chúng ta vẫn vác con thuyền đó trên vai để đi bộ đến "Tự Do - Hạnh Phúc". Gần hai thập kỷ qua cho thấy con thuyền đó không chạy trên bộ được. Chẳng những nó trở ngại cho việc đi tìm "Tự Do - Hạnh Phúc", mà nó còn làm vướng cả bước đi và tầm nhìn.

Phải chăng đã đến lúc cần đặt ra những câu hỏi chân thật để trả lời dứt khoát:

- Có nên duy trì và kiên trì chủ nghĩa Marx Lenin nữa không? Khi mà chủ nghĩa đó đã bộc lộ quá rõ những nhược điểm trầm trọng và không còn phù hợp với thực tế.

- Có nên giữ tên nước là "Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam" hay không? Khi mà nội dung từ "xã hội chủ nghĩa" chưa được xác định rõ. Quốc hiệu này cũng trở ngại cho sự đóng góp vào việc nước của các tầng lớp đồng bào trong và ngoài nước.

- Có nên duy trì tên Đảng Cộng Sản Việt Nam? Khi mà mục đích kinh tế chính trị để phấn đấu của đảng này cơ bản đã thay đổi. Khi mà sự hiện diện của đảng cộng sản trong cương vị nắm quyền chuyên chính vô sản là nguyên nhân chính trở ngại cho Hòa Hợp Dân Tộc trong thời bình.

- Và phải chăng, đã đến lúc chúng ta nên công bố công khai đi vào nền kinh tế tư bản, chứ không nên lập lũng "đầu Ngô mình Sở": Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa? Khi tuyên bố như vậy, chúng ta biết sức sống và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Nhưng đồng thời chúng ta cũng biết mặt bất công và thối nát của nó để đấu tranh hạn chế.

Theo tôi, đã đến lúc nên nói thật với dân và nên có những câu trả lời dứt khoát. Abraham Lincoln đã nói một câu khá hay: "Bạn có thể lừa dối một số người mãi mãi và lừa dối tất cả mọi người trong một thời gian nào đó. Nhưng bạn không thể lừa dối tất cả mọi người mãi mãi!".

4. "Cái gì của César hãy trả cho César" - Cái gì của dân hãy trả lại cho dân

Đó là chân lý, không một ai, không một tập đoàn, một đảng

phái nào có quyền chiếm hết quyền dân. Dù đảng Cộng sản có công trạng lớn đến đâu đối với tổ quốc thì họ cũng chỉ chiếm 2/68 triệu người, nghĩa là không tới 3%. Hai triệu người không được quyền nắm hết quyền của 66 triệu người còn lại. Ai cho phép họ làm điều đó? Có phải vì nhân danh "chuyên chính vô sản" không? Nói là "chuyên chính vô sản" nhưng thật tình làm gì có anh thợ nào, bác nông dân nào, chị phu quét rác nào, chú bộ đội, cô giáo viên, hay người nghèo đô thị nào được tham gia vào cái quyền chuyên chính đó. Mặc dù họ là "vô sản" thứ thiệt. Ngay trong số hai triệu đảng viên cộng sản cũng chỉ có một nhóm nhỏ có chức có quyền mới được dự phần "chuyên chính". Còn tất cả có chăng chỉ là quyền "học nghị quyết của Đảng" là cùng.

Lâu nay, dưới chính thể XHCN, tất cả quyền dân đều được ghi trong hiến pháp, nhưng tất cả đều được diễn dịch theo kiểu XHCN. Nghĩa là không có gì hết.

Quyền tự do cư trú, nhưng phải có công an cho phép, phải có hộ khẩu.

Quyền tự do lập hội, nhưng chỉ cho phép những hội đoàn dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Quyền tự do báo chí, nhưng chỉ có những tờ báo của Đảng và được Đảng lãnh đạo mới được phép ra báo. Tư nhân xin miễn.

Quyền tự do ứng cử và bầu cử, nhưng do Đảng chọn người ra ứng cử. Dân thì "tự do bầu thoải mái".

Như thế quả là quá đáng lắm rồi. Nếu ngày nay trên lãnh vực kinh tế đã không còn nữa cái cảnh "Nhà nước bao cấp", thì trên các lãnh vực khác cũng xin thôi đi cho. Dân không còn muốn giao khoán tất cả cho Đảng nữa. Từ quyền lãnh đạo, quyền quản lý, quyền suy nghĩ, quyền chọn người, quyền "làm thay" và "nói thay" cho dân... Có lẽ đã sắp hết cái thời kỳ Đảng muốn làm mưa làm gió gì cũng được "sau bức màn tre" khép kín. Thời đại Mở Cửa Đổi Mới, xin Đảng hãy rộng lòng mở đôi cánh tay thép của mình để: **Trả lại cho dân những quyền tự do dân chủ của dân.** Như người Tây phương hay nói: "Hãy trả lại cho César những gì của César. Hãy trả lại cho Chúa những gì của Chúa".

5. Về nhân dân

Tôi nghĩ rằng: Dù cách mạng hay phản động, cực tả hay cực hữu, cộng sản hay thân Mỹ, thân Đế quốc... cũng đều là thiểu số. Cho dù họ có năng động đến đâu, thì họ cũng chỉ là một phần nhỏ. Thế nên, không một nhóm thân Mỹ, thân Nga, thân Tây, thân Tàu... không một đảng phái, lực lượng, phe nhóm nào có quyền tự xưng là chủ thể của đất nước này. **Chỉ có toàn dân mới là chủ thể của quốc gia.** Dẫu bất cứ ai, cũng đừng nên có tham vọng trở thành quốc Đảng, quốc Đạo, quốc phụ, quốc mẫu, quốc thánh của non nước này. Đó chỉ là những ý nghĩ điên rồ, trái với truyền thống hòa hợp dân tộc. Dù ai đó có áp đặt được trên đầu dân "gia đình trị", "ngoại bang trị" hay "đảng trị"... thì đó cũng chỉ là bạo lực nhất thời mà thôi. Sẽ không bao giờ trường tồn được. Đó là quy luật lịch sử.

Sự tồn vong của tổ quốc là trách nhiệm của mọi người. Không chỉ "thất phu hữu trách" mà "bá tánh" đều "hữu trách". Kinh

nghiệm cho thấy: Nhân dân mình sẽ phạm sai lầm lần nữa, nếu còn tiếp tục giao khoán việc đại sự quốc gia cho một thiểu số, mà không có cơ chế kiểm tra giám sát, không có cơ chế dân chủ phân quyền. Kinh nghiệm cũng cho thấy: bệnh cả tin, bệnh thần thánh hóa và bệnh tôn sùng cá nhân của nhân dân đều là những điều kiện tốt cho tệ độc tài phát sinh và phát triển.

Ngày nay, trước tình hình mới và sẽ còn mới hơn nữa, chúng ta đang xây dựng một quốc gia mới. Một nền kinh tế mới và có thể cả một thể chế mới. Dù trong hòa bình, nhưng những năm tháng tới có thể sôi động, hào hứng và không đơn giản. Sự quan tâm, tham gia đóng góp, đấu tranh xây dựng của mọi người dân vừa là trách nhiệm vừa là quyền lợi. Chúng ta là thường dân hay người cộng sản, là lương hay giáo, là kinh hay dân tộc... thì cùng chung một tình tự dân tộc. Phải chăng vì trách nhiệm bản thân và với tổ quốc, chúng ta nên chuẩn bị những việc làm cụ thể của thời gian tới:

a. Chuẩn bị điều kiện và khả năng khai thác những thuận lợi mới của thời kỳ "hậu cấm vận" để cải thiện đời sống và bản thân và gia đình, góp phần tham gia xây dựng và phát triển nền kinh tế mới.

b. Tích cực góp ý và đấu tranh xây dựng một thể chế dân chủ, thật sự tôn trọng quyền của dân, bảo đảm hòa hợp dân tộc, đoàn kết toàn dân, đưa nước nhà đi lên bằng thiên hạ.

c. Chuẩn bị đấu tranh chống những hậu quả tất yếu của một xã hội tư bản đang hình thành và phát triển. Một khi chúng ta đã chấp nhận kinh tế thị trường, phát triển xã hội tư bản, thì chúng ta phải chấp nhận cái giá phải trả của nó. Đó là mặt bất công và thối nát của tư bản.

Rồi đây, tư bản nước ngoài sẽ cấu kết (liên doanh) với tư bản trong nước (tư nhân hay quốc doanh) để bóc lột lao động, tăng thêm lợi nhuận. Trong xã hội XHCN còn có bóc lột, huống là xã hội kinh tế thị trường tư bản. Bóc lột là quy luật, Marx cũng đã nhận định mặt này rất đúng đối với kinh tế tư bản.

- Trước cấm đồ của tiền tài và vật chất, không ít đội ngũ quan chức sẽ thoái hóa, thối nát. Một số không nhỏ giới cầm quyền sẽ móc nối với giới kinh tế nước ngoài để trở thành mại bản. Bọn cơ hội về kinh tế và chính trị sẽ gắn với nhau thành băng nhóm ma quỷ "Mafia".

- Giàu nghèo sẽ phân hóa mạnh. Tệ nạn xã hội sẽ phát triển (đi điếm, xì ke ma túy, trộm cướp, lưu manh...).

Vấn đề ở đây là làm sao tích cực chuẩn bị cho công cuộc đấu tranh liên tục chống mặt tiêu cực thối nát trong tình hình mới.

Phải có tổ chức của quần chúng để đấu tranh chống bóc lột về kinh tế. Tới đây, tư bản nước ngoài, tư bản tư nhân trong nước và tư bản quốc doanh sẽ có điều kiện phát triển mạnh. Họ bóc lột lao động là tất yếu. Vậy tổ chức nào của người lao động, thợ thuyền... đấu tranh cho quyền lợi của mình? Tổ chức công đoàn là thành viên của bộ tứ "đảng, giám đốc, công đoàn, thanh niên" (ở cơ sở) là một dạng hội đồng hiệp thương dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực tế bản thân công đoàn hiện nay không đại biểu cho quyền lợi của công nhân lao động, mà chỉ nói tiếng nói của giám

Nhà thơ Bùi Minh Quốc lên tiếng về vụ Nhân Văn

Kính gửi

- các anh Hà Xuân Trường, Phùng Quán, Nguyễn Hữu Đang
- anh Hữu Thịnh, tổng biên tập báo Văn Nghệ
- cùng bạn đọc của báo.

Gần đây tôi được đọc bài của anh Hà Xuân Trường đăng trên báo Văn Nghệ ngày 24-7-1993 viết về nhà triết học Trần Đức Thảo, trong đó có đoạn nói đến vụ "Nhân Văn" như sau:

"*Vụ gọi là Nhân Văn Giai Phẩm thực chất là vụ hoạt động chính trị chống chế độ ta của một nhóm ít người làm chính trị có bàn tay của một số người xấu nước ngoài. Giới văn nghệ không có quan hệ gì với mưu đồ chính trị đó. Một số anh chị em bị lợi dụng lời kéo mà không biết chúng hòng tạo nên một lực lượng trí thức và văn nghệ sĩ "phản kháng" nhưng chúng đã hoàn toàn thất bại. Bộ Chính Trị (Trung ương Khóa 3) đã có nghị quyết về vụ này, vấn đề đã kết thúc và được sáng tỏ ở Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ 2. Tuy vậy cho đến nay, nhằm chống lại đường lối đổi mới của Đại hội 6 của Đảng ta, trong âm mưu "diễn biến hòa bình", những thế lực trong và ngoài nước lại tìm cách dựng lại vụ "Nhân Văn" như là một vụ đàn áp trí thức và văn nghệ sĩ" (!).*

(Trích từ bài Người Tư Duy không Biết Mệt, Văn Nghệ số 30)

Ít lâu sau tôi lại được đọc bản photo bài "*Những ngày cuối năm, tìm thăm người dựng lễ đài Tuyên ngôn độc lập mùng 2-9-1945*" của anh Phùng Quán viết về anh Nguyễn Hữu Đang là một người hoạt động cách mạng có tên tuổi, trưởng ban tổ chức Ngày Độc Lập 2-9-1945, lại là người cầm đầu nhóm "Nhân Văn" bị kết án 15 năm tù ngồi.

Cả hai bài đều nói đến việc và người mà từ nhiều năm nay tôi cùng một số bạn thuộc lớp hậu sinh rất quan tâm tìm hiểu, ấy là vụ án "Nhân Văn" và thủ phạm của vụ ấy. Trước kia, do chưa có đổi mới, chúng tôi chỉ được nghe tiếng nói một phía của người kết án, chưa được nghe tiếng nói của người bị kết án.

Đại hội 6 đã long trọng tuyên bố: "*Thái độ của Đảng ta trong việc đánh giá tình hình là nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*" (trang 12, Văn kiện Đại hội 6, NXB Sự Thật, 1987). Đấy không chỉ là thái độ riêng của Đảng mà là thái độ cần thiết sơ đẳng của tất cả mọi con người có lương tri, trung thực và can đảm, như anh Phùng Quán đã biểu lộ cách đây gần 40 năm: "Yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét".

Sau Đại hội 6, nếu tôi nhớ không lầm thì các anh Nguyễn Khắc Viện, Trần Bạch Đằng trong phát biểu, bài viết của mình đã nêu ý kiến cần xem xét lại vụ "Nhân Văn".

Muốn đánh giá đúng sự thật thì trước hết phải nói hết nói rõ sự thật, mà muốn nói hết nói rõ thì sự thật phải được nói lên từ mọi phía, trong một cuộc trao đổi công khai, dân chủ, bình đẳng với tất cả thành tâm thiện chí thực sự cầu thị, bình tĩnh lắng nghe lẫn nhau. □

đốc và Đảng, chỉ là tổ chức giai cấp "hình thức". Chính nhiều cán bộ công đoàn cũng tự xác nhận là "quyền rơm, vạ đá". Công đoàn hiện nay chẳng có quyền hành gì. Nói rộng ra, cả hệ thống đoàn thể hiện nay nằm chung quanh Đảng gồm mặt trận, công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ đều là những tổ chức trang sức cho Đảng, chỉ có giá trị như những "chậu kiếng" và để vận động nhân dân đóng góp. Nó không có thực quyền, không có thực lực. Dân không tin, ít tham gia, hoặc chỉ vào lấy lệ. Vậy, đến khi tình hình bóc lột và chèn ép công nhân trở nên trầm trọng thì người lao động lấy vũ khí nào để đấu tranh? Nếu người cộng sản còn chút tình cảm thật sự với người lao động, họ nên để cho công nhân thợ thuyền lao động tự tổ chức những nghiệp đoàn của ngành nghề mình, xí nghiệp nhà máy công ty mình để bảo vệ quyền lợi chính đáng. Tổ chức này phải độc lập với chủ. Nếu giới chủ nhân tư bản và Đảng là một, thì trên nguyên tắc, tổ chức nghiệp đoàn này cũng phải độc lập với Đảng. Đấy không phải là vấn đề có chịu hay không chịu sự lãnh đạo của Đảng, mà là vấn đề quyền lợi thiết thực của người lao động. Nếu đảng Cộng sản không cho người lao động có những tổ chức thực quyền để đấu tranh, thì có nghĩa là Đảng đã trói tay người lao động trước sự bóc lột của tư bản. Đó là tội của Đảng đối với giai cấp vô sản.

Nhà nước phải để cho quần chúng nhân dân được tổ chức những phong trào chống tệ nạn xã hội, chống bắt công tham những cường hào ác bá mới, phong trào bảo vệ văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, phong trào nhân đạo từ thiện giúp đỡ người nghèo. Với đảng cầm quyền thì đa số những vụ tham nhũng, trù dập, thổi nát... đều có thể dính với đảng ấy. Cho nên việc đấu tranh cần thiết phải độc lập với đảng cầm quyền đó. Đây là nguyên tắc. Thật là buồn cười khi một ông bí thư, giám đốc, chủ tịch, thủ trưởng (đều nằm trong cấp Ủy Đảng) là thủ phạm tham nhũng, lại được giao quyền lãnh đạo giải quyết những cuộc đấu tranh trong đơn vị mình! Nói tổng quát, vấn đề chống tham nhũng sẽ đi đến đâu khi bản thân Đảng có tham nhũng, lại được quyền lãnh đạo chống tham nhũng?

* Về giới trí thức

Tôi không dám nói đến tâm trạng chung của giới trí thức, vì chưa hiểu hết, mà chỉ nói đến một số anh em còn nhiều nhiệt tình đến chuyện nước non mà tôi quen biết. Tâm trạng của họ trong bao lâu nay là muốn nói lên được sự thật của đất nước, của xã hội mà không bị bóp cổ, không bị bỏ tù, không bị trù dập và hành hạ. Họ muốn đất nước mình được phát triển bằng người. Dân mình được no đủ và phải được tự do dân chủ, văn hóa đạo đức truyền thống được bảo tồn, đời sống thoải mái. Con cái đi học trong nước rồi ngoài nước. Tâm nhìn được mở rộng ra thế giới. Hiện nay có được vậy là đủ lắm rồi. Bản thân họ không đòi hỏi có chính sách gì ưu tiên hơn các tầng lớp nhân dân khác. Họ đòi cho mọi người, cho cả dân tộc, trong đó có họ.

Sau cùng, nếu trong tham luận này có điều gì gây va chạm, thì đó chỉ do lòng thành của một người thiết tha đến chuyện nước non, mong quý vị thông cảm.

Nguyễn Phong Hồ Hiếu

Hữu Loan nói về vụ án Nhân Văn, Giai Phẩm

LTS: Nguyễn Hữu Loan còn có tên là Nguyễn Văn Dao, Sắt Đỏ, Tót Đỏ, Bình Nhi. Tên chợ là Ông Già Vườn Lối, Phu Viên Lối. Sinh năm Bình Thịn (1916, năm nay đã 77 tuổi), thôn Văn Hoàn, Nga Sơn, Thanh Hóa. Từ 1936 đến 1942, làm cách mạng trong phong trào học sinh và nhà trường. Từ 1943 đến 1945 về đi cày và đi đánh cá. Tháng 8-1945 theo Việt Minh khởi nghĩa ở huyện nhà, cùng năm làm Ủy Ban Lâm Thời tỉnh, phụ trách bốn ty Giáo Dục, Thông Tin, Công Chánh và Thương Chính. Sau lại chán về đi cày và đánh cá nuôi bố mẹ già. Từ giữa năm 1946 đến 1951, được mời vào làm chủ bút báo Chiến Sĩ Quân Khu IV ở Huế, gặp Nguyễn Sơn ủng hộ đường lối ưu tiên với văn nghệ sĩ. Khi Nguyễn Sơn bị đình chỉ công tác trả về cho Trung Quốc, đường lối của Nguyễn Sơn bị Lê Chuông và Hoàng Minh Thi phản đối. Hữu Loan đề nghị giữ Phạm Duy ở lại không được, lại về đi cày. Cho đến 1954 tiếp quản thủ đô, lại được mời ra làm biên tập cho báo Văn Nghệ, và làm hội viên Hội Nhà Văn. Sau đó tham gia Nhân Văn, bị quản thúc. Đi cày, đi thờ (đẩy xe đá) từ 1958 cho đến giờ.

Đối với trí thức và văn nghệ sĩ trong nước, Hữu Loan được coi như một tượng đài của lòng can đảm, sự trong sạch và sự ngang bướng. Bài phỏng vấn Hữu Loan này do một nhà báo trong nước thực hiện cách đây ít lâu, và dĩ nhiên là không báo nào đăng.

Phóng viên: Từ mấy chục năm nay trong dân gian và trong văn học thường hay nói đến Nhân Văn Giai Phẩm, đến vụ án Nhân Văn Giai Phẩm như là một chuyện gì ghê gớm lắm mà những người đã tham gia vào vụ án là những tên đầu trộm đuôi cướp, lừa đảo không thể dung tha được, những bọn cặn bã xấu xa nhất của xã hội ta. Nhưng trong thực tế thì thơ, nhạc của họ đều được nhân dân truyền tụng ngậm rồi đến công khai, cấm cũng không xong, càng ngày càng lan tràn công khai. Ngay cả đến nhà nước lại cũng đã tuyên bố phục hồi cho họ, in lại thơ,

nhạc. Như thế là trước kia không phải họ sai mà nhà nước sai hay sao? Nếu nhà nước sai thì làm gì còn có vụ án Nhân Văn?

Nhưng mới gần đây vẫn có người trịnh trọng tuyên bố vụ Nhân Văn là một vụ án. Chúng tôi là những người cầm bút chuyên môn mà vẫn thấy mâu thuẫn khó hiểu, huống hồ người dân từ lâu nay chỉ được thông tin một chiều... Họ thắc mắc hỏi chúng tôi, chúng tôi rất lúng túng không giải thích nổi.

Vậy thì thưa ông Hữu Loan, ông là người trong cuộc, xin ông giảng lại cho: Thế nào là Nhân Văn? Thế nào là vụ án Nhân Văn?

Hữu Loan: Tất cả mọi cái này tôi đã có ý kiến đầy đủ trong bản kiểm điểm của tôi ở trại chính huấn Nhân Văn. Các anh nên đến Cục Công An Hà Nội tìm đọc thì hơn.

Phóng viên: Bác ngại sao?

Hữu Loan: Cũng ngại chút!

Phóng viên: Vì sao vậy?

Hữu Loan: Vì tuổi tác cũng có. Nhất là vì mấy năm trước đây, hưởng ứng lời kêu gọi tự do báo chí, Nguyễn Ngọc chỉ cho đăng một số bài của các nơi gửi về mà đã bị kết tội là sai phạm, lệch lạc nghiêm trọng, rồi hết cuộc họp này đến cuộc họp khác để kiểm điểm, để bàn cách đối phó. Nhưng dù sao khắp nơi báo chí đều dám lên tiếng ủng hộ Nguyễn Ngọc. Còn hỏi tôi về thì không một người bạn nào dám đện đưa chân ngay ở nhà, chứ đừng nói ra ga, mặc dù có những bạn tôi đã đấu tranh cho được vào biên chế, được vào Hội Nhà Văn mà mới cách đây vài năm đi công tác qua nhà tôi cũng vẫn còn sợ liên quan không dám vào. Cái gì cũng có giới hạn của nó. Đây là bè bạn, là người ngoài. Ruột thịt đối với tôi còn tàn nhẫn hơn nhiều.

Những năm 43-44-45, Nhật đánh Pháp ở ta dữ dội, trường tu tôi dạy phải đóng cửa, tôi về quê vừa làm ruộng, đánh cá để nuôi bố mẹ và để hoạt động Việt Minh bí mật. Mấy năm ấy đói to. Bố mẹ tôi vẫn phải nhịn cháo rau cho cán bộ Việt Minh bí mật về ăn. Những người cùng ở Ban khởi nghĩa với tôi làm to cả, gia đình nào bố mẹ cũng sung sướng, nguyên tôi lại về. Mẹ tôi buồn ốm chết. Bố tôi chửi tôi:

- "Mày làm Việt Minh chặt hết của tao một giặng tre để rào

↳ (tiếp theo trang 15)

Tôi đề nghị anh Hữu Thịnh, tổng biên tập báo Văn Nghệ, hãy cho đăng những ý kiến khác nhau về vụ "Nhân Văn", để chúng tỏ tờ báo không phải là báo riêng của anh Hà Xuân Trường, chỉ anh Trường được độc quyền nói về vụ này. Và chắc anh Trường cũng chẳng giành độc quyền ấy. Tôi tin chắc rằng anh chị em trong giới ta cũng như toàn dân ta có đủ sáng suốt để phân biệt giữa những người thiện chí thành tâm làm theo Đại hội 6: "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật" với những thế lực trong và ngoài nước tìm cách dựng lại vụ Nhân Văn như là một vụ đàn áp trí thức và văn nghệ sĩ nhằm chống lại đường lối đổi mới của Đại hội 6.

Tôi có ý định viết một trường ca hoặc một tiểu thuyết (và nếu có tiền thì làm một phim) tư liệu về vụ án "Nhân Văn" (*) nên rất ham tìm hiểu những tư liệu chưa được công bố.

Nhân dịp anh Hà Xuân Trường đăng bài viết về anh Nguyễn Hữu Đăng, tôi xin gửi tới các anh bài của anh Hữu Loan để các anh cùng kiểm chứng những tư liệu mà anh Loan cung cấp, và nếu anh Hữu Thịnh cho đăng thì đối với tôi tờ báo Văn Nghệ quả thực đã bắt đầu trở thành một diễn đàn dân chủ.

Đà Lạt, ngày 19-8-1993

Bùi Minh Quốc (3, Thượng Hiền - Đà Lạt)

(*) Theo cách nhìn của anh Hà Xuân Trường thì tôi nghĩ vụ "Nhân Văn" bị trừng trị rất đáng được làm sách làm phim để ghi lại một chiến công của chuyên chính vô sản. Còn nếu không phải như thế, không hoàn toàn như thế hoặc ngược lại thế thì cũng đáng được làm sách, làm phim để ghi lại một bài học lịch sử về những phương diện khác.

làng, rào giếng...".

Các cháu trong nhà, trong họ không đứa nào không chửi:

- "Ông về là đúng! Trời làm tội ông. Lúc ông phụ trách 4 ty, còn ai nhiều chức hơn ông mà con cháu cháu đứa nào được nhờ. Ông cho trong huyện hơn 40 người ra làm giáo viên, con cháu xin, ông bảo: Chúng mày rồi hăng... Ông chỉ nguyên khuyên các cháu đi bộ đội. Nghe ông 4 đứa xung phong đi giờ còn có một đứa về... Hồi Việt Minh còn đang bí mật, ông đứng ra bảo lãnh gạo muối, diêm về phát cho dân. Ông phát cho dân trước, đến lượt ông và con cháu ông, lần nào cũng hụt, có lần hết sạch. Bây giờ ông coi họ lãnh sửa bột, dầu cải của quốc tế cho trẻ em, họ chia nhau trước, đến lượt trẻ em thì hết. Không ai đại như ông. Khi ông có tiêu chuẩn xe con đi các huyện khác thì ông đi xe con chứ khi nào về huyện ta, ông toàn đi xe đạp, trong khi những người không có tiêu chuẩn xe, họ mượn xe của ông về vênh váo với làng nước. Ông bảo ông làm cách mạng để cho cả làng được đi học, khi cách mạng thành công thì thằng con ông thi đại học đậu thừa điểm đi nước ngoài, họ không cho học ngay cả trong nước, và chúng đã thay vào chỗ con ông một tên Cường không đậu, tên na ná với tên con ông là Cương...".

Có đứa nó như phát điên và nó đã chửi tôi: "Ông là loại ngu nhất, ông bảo ông mầu mực, cái mầu mực ấy đem vút cho chó nó ăn. Chả đứa nào nó thương ông, ông tự làm khổ ông lại làm khổ lây đến con cháu...".

Mỗi lần như thế tôi lại phải đấu dịu với chúng: "Thôi tao van chúng mày. Nếu mầu mực mà lại được ngay ô-tô, nhà lầu thì chúng tranh chết nhau để làm mầu mực chứ chẳng đến phần tao.

Ngày ngày 2-9 bên xã mở thị trấn bán tự do cho dân về ăn quốc khánh, tao biết thân phải đến rất sớm mà cũng chẳng đến phần. Những ông Đảng ủy, ủy ban... được mua trước đến mình hết phần...

Phóng viên: Như vậy là bác chán không muốn nói đến chuyện Nhân Văn Giai Phẩm nữa?

Hữu Loan: Ai mà chẳng phải chán. Mình đấu tranh cho họ, bênh vực cho họ, khổ vì họ, họ lại dè mình họ chửi, họ oán. Những kẻ gây tai họa cho họ, họ lại cho là đúng, là gương để cho họ noi theo.

Phóng viên: Xưa nay bác vẫn là người nói thẳng, nói thật, lúc trẻ bác còn dám nói, giờ già rồi không lý nào bác lại sợ, lại hèn?

Hữu Loan: Anh kích tôi đấy phỏng? Tôi là người không bị động bao giờ.

Phóng viên: Cháu không dám hỗn thế đâu, nhưng đây là một vấn đề lịch sử trước sau rồi cũng phải đưa ra ánh sáng, chỉ có bác là người trong cuộc, bác giúp cho bọn cháu thì nó cụ thể hơn, sát hơn, để các cháu có thể hiểu được những cái vô cùng rắc rối của giai đoạn xã hội hiện nay...

Hữu Loan: Thật ra nếu bên Liên Xô không có ông Khorutsốp lật Xtalin đưa ra phong trào chống sùng bái cá nhân thì bên Tàu không làm gì có Mao Trạch Đông đưa ra chuyện "Bách gia tranh minh, bách hoa tề phóng" và bên Ta hưởng ứng tức thời bằng phong trào mang tên dịch lại nhân hiệu Trung Quốc "Trăm hoa

đua nở, trăm nhà đua tiếng". Tên nôm na của ta là "Chống sùng bái cá nhân".

Trước đó thì ở ta có hiện tượng phổ biến này: khi gặp nhau trước bất cứ đâu, câu đối đáp nào đều phải có nhóm thành ngữ "on Đảng, on Bác" đứng đầu. Thí dụ:

- On Đảng, on Bác lâu nay tôi ốm mãi, on Đảng on Bác tôi mới xuất viện được hai hôm nay.

- On Đảng, on Bác thế mà em không hay biết gì...

Sau hàng tháng phát động đấu tranh, kiểm điểm ở từng cơ quan để bỏ chữ Bác đi và thay thế bằng: "on Đảng, on Chính phủ". Thí dụ:

- On Đảng, on Chính phủ vụ mùa này thu hoạch có đủ nộp không?

- On Đảng, on Chính phủ nhà em có con lợn độ 30 kí đang lớn, thanh niên Cờ đỏ vào bắt nợ rồi, được bao đóng hết sạch mà còn thiếu phải bù bằng lợn...

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc liên tiếp bị đô hộ, hết Tàu đến Tây, đến Nhật, đến Mỹ... Cái khao khát, cái đòi có hữu của dân tộc này là đòi độc lập, tự do, cơm áo. Khi thấy Đảng hứa đem lại những thứ ấy cho thì người dân tin tuyệt đối vào Đảng.

Đảng bảo gì họ theo nấy,

bảo phá nhà thì phá nhà,

bảo bỏ ruộng thì bỏ ruộng,

bảo bỏ bố mẹ

bỏ vợ bỏ chồng

bỏ Trời bỏ Phật

bỏ được tất cả còn dễ hơn Không tử bỏ đôi dép rách.

Anh đội trưởng cải cách chỉ là một sứ giả của Đảng mà dân cũng đã tin hơn Trời: "Nhất Đội nhì Trời".

Lòng dân tin vào Đảng không thước nào đo được, nên khi phát động để phủ nhận một điều gì Đảng đã chủ trương trước kia, thật là vô cùng khó khăn. Nguyên chỉ thay đổi câu "on Đảng, on Bác" và kiểm điểm những việc làm trước kia có tính chất sùng bái cá nhân mà cũng mất hàng tháng phát động ở mọi cơ quan.

Khẩu hiệu "nói thẳng, nói thật, nói hết" để xây dựng Đảng. Không những nói mồm mà còn viết lên các báo. Không những viết lên các báo Nhà nước mà còn khuyến khích mở báo tư nhân để viết. Vì thế mới có: "Nhân Văn Giai Phẩm" của chúng tôi và "Trăm Hoa" của Nguyễn Bính.

Bài thơ "Màu tím hoa sim" của tôi (từ trước vẫn do dân tự tiện truyền tụng ngầm bất chấp lệnh nghiêm cấm của những tướng trấn ải giáo điều) được đăng công khai lần đầu tiên trên báo "Trăm Hoa". Nguyễn Bính còn cho thuê taxi có loa phóng thanh đi quảng cáo khắp Hà Nội là "Trăm Hoa" số này có thơ "Màu tím hoa sim" của Hữu Loan.

Mấy tháng sau tôi đi cải cách ruộng đất, làm bài thơ "Hoa lúa", 22 anh em nhà báo, nhà văn đi cải cách truyền tay nhau chép. Chị Bạch Diệp ở báo Nhân Dân xin chép đầu tiên, nhưng ý trung nhân của chị là anh Xuân Diệu ở báo Văn Nghệ không đăng, bảo là thơ tình cảm hữu khuynh mất lập trường. Trần Lê Văn đến mách với Nguyễn Bính, Bính lên xin ngay bài "Hoa lúa" về đăng "Trăm

Hoa". Anh Bính còn làm một cử chỉ rất hào hùng là đem cho vợ tôi 15 đồng nhuận bút, trong khi đăng Văn Nghệ chỉ được 7 đồng. Anh bảo với vợ tôi: "Hữu Loan ở nhà thì tôi xin (tôi vẫn viết không lấy nhuận bút để giúp những tờ báo nghèo, mới ra) nhưng Hữu Loan đi cải cách chị cũng cần tiêu (15 đồng bằng 150.000 đồng bây giờ). Một chỉ vàng lúc ấy mới 20 đồng. Nói ra điều này để thấy rằng mức sống của người cầm bút hiện nay đã vô cùng xuống dốc. Nhuận bút của một cuốn sách hiện nay không bằng tiền một bài thơ Nguyễn Bính trả cho tôi. Nhà thơ Tố Hữu đã có dự báo thiên tài: "Chào 61, đỉnh cao muôn trượng". Từ ấy đến giờ xuống dốc tuồn tuột không phanh, không thắng. Chính sự xuống cấp thảm hại trong đời sống đã là nguyên nhân chính trong việc lưu manh hóa một số nhà văn đã phải uốn cong ngòi bút, cũng như trong việc in sách đen, sách trắng vừa rồi.

Phóng viên: Xin bác cho biết lại về vụ Nhân Văn?

Hữu Loan: "Nói thẳng, nói thật, nói hết" để xây dựng Đảng. Không những chỉ có "Nhân Văn hay Trăm Hoa" mới nói thật mà cả nước nói thật. Cả nước kêu oan. Những "ban giải oan" đã thành lập để vào trong các nhà tù giải oan cho hàng vạn người bị cải cách quy oan...

Nhưng đã ăn thua gì. Đơn từ kêu oan từ các nơi gửi về tòa soạn Nhân Văn thật đã cao bằng đầu, như đã cao "đóng xương vô định". Nhân Văn đã xếp thành văn kiện chuyển cho Trung ương Đảng nghiên cứu để thay đổi chính sách. Thật ra Nhân Văn chỉ khái quát tình hình để đúc thành lý luận. Bài báo bị cho là phản động, phản Đảng, phản dân nhất của Nhân Văn là bài "Vấn đề pháp trị" do Nguyễn Hữu Đang viết. Trong bài, ý nói sở dĩ chỗ nào cũng có áp bức chà đạp lên con người là vì chưa có pháp luật rõ ràng. Tòa án là một tòa án tha hồ tùy tiện còn hơn "Tôn giáo pháp đình" của Giáo hội Trung cổ. Muốn bắt ai thì bắt, muốn xử ai thì xử, bịa ra luật nặng nhẹ tha hồ để xử... Bài báo kêu gọi cần phải phân quyền thì người dân mới có bình đẳng trước pháp luật. Sau hơn 30 năm do tình trạng pháp luật tùy tiện mà xã hội xuống cấp một cách tệ hại như hiện nay. Vấn đề hàng đầu đang đặt ra để giải quyết cũng là vấn đề pháp trị mà Nguyễn Hữu Đang đã đặt ra cách đây hơn 30 năm (mà phải nói đây là vấn đề sống còn của chế độ). Không có cộng đồng nào mà thành viên nào cũng chứa toàn âm mưu đen tối để chủ bại người bên cạnh. Không người nào biết phải biết trái mà sống nổi lâu dài. Nhân loại sinh ra để hợp tác với nhau, để tin nhau là chính, mới sống được đến giờ. Ngày xưa, ngay hồi Pháp thuộc cả một vùng lớn như một huyện mới có 5-6 tên trộm mà trộm không được pháp luật bênh như thế, mà dân chúng cũng còn lo ngay ngáy cho số phận trâu bò của cải của mình. Còn bây giờ chỉ một thôn thôi cũng có hàng vài chục tên trộm cướp công khai, coi thường pháp luật thì hỏi người dân còn an cư thế nào để lạc nghiệp được?

Một vấn đề nữa Nhân Văn đặt ra là "Vấn đề Trần Dần" đăng ngay trang đầu Nhân Văn số 1, có chân dung Trần Dần to tướng với một vết dao lam cứa cổ to hoác do danh họa Nguyễn Sáng vẽ.

Từ trước ai cũng một lòng tin Đảng, cả trong lãnh vực văn học. Từ Liên Xô đưa về rồi từ Diên An đưa sang, tài liệu Hiện thực xã

hội chủ nghĩa, tức là con đường đi lên trong văn học nghệ thuật. Nghĩa là văn nghệ chỉ được nói đến xã hội thiên đường vô cùng đẹp chưa có, chưa bị cướp áp bức bóc lột đang diễn ra trước mắt. Rất hiếm những bí thư, chủ nhiệm, thủ kho, cửa hàng trưởng tốt, phải nói hầu hết là ăn cắp, thi nhau ăn cắp, nhưng văn học không được nói thật mà phải dựng lên toàn là những người lý tưởng. Luận điệu thuộc lòng là: Không có ăn cắp mới lạ, có ăn cắp là tất nhiên. Đây là thứ sót rét võ da của nhân vật Khổng lồ, của một chế độ Khổng lồ!

Đường lối đó ở ta đã được ông Trường Chinh tiếp thu và bảo vệ, và truyền giáo như một thánh tông đồ xuất sắc.

Một người nhà báo hỏi ông:

- Như vậy là cách mạng đã cấm tự do ngôn luận?

Ông Trường Chinh sừng sốt:

- Anh nói sao? Các anh được tha hồ tự do chửi đế quốc đó thôi.

Như thế là đường lối hiện thực cá hội chủ nghĩa đã cấm hẳn hiện thực phê phán là thứ vũ khí sắc bén nhất của văn học và báo chí để cải tạo kịp thời xã hội. Lý luận thực tiễn xã hội chủ nghĩa này được học tập ráo riết trong quân đội. Trung tâm đào tạo những tông đồ để áp dụng và đi phổ thuyết về "Con đường đi lên" là Tổng cục Chính Trị lúc bấy giờ do ông Nguyễn Chí Thanh là tổng cục trưởng và ông Tố Hữu làm tổng cục phó. Trong số văn nghệ sĩ phản đối đường lối hiện thực xã hội chủ nghĩa có Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Tử Phác... Có lẽ quyết liệt nhất là Trần Dần, nên Trần Dần bị bắt giam và trong nhà giam Trần Dần đã dùng dao lam cắt ven cổ nhưng chỉ hoác da chưa đứt đến ven thì đã kịp thời chặn lại.

Vì thế mà có bài "Vấn đề Trần Dần" ở trang đầu Nhân Văn số 1 như đã nói trên. Đây là một vấn đề văn học, hoàn toàn văn học. Đây là một cử chỉ khí tiết của nho sĩ Việt Nam trước cường quyền không bao giờ là không có, dù cường quyền có thiên la địa võng đến đâu thì cái truyền thống đáng tự hào ấy, của sông núi ấy không tà khí nào làm mờ nổi.

Trần Dần chỉ là hậu thân của những người đã viết Vạn ngôn thư, Thất trăm thư... cũng như Vấn đề pháp trị của Nguyễn Hữu Đang. Vấn đề văn học mà Trần Dần đòi xét lại cách đây hơn 30 năm hiện giờ cũng đang rất là thời sự. Cái tai họa lớn nhất hiện giờ vẫn là do khuyến khích tô hồng, đề cao con người giả, việc giả, hàng giả... Những người thấy trước tai họa muốn ngăn chặn tệ nạn tô hồng thì bị gán ngay cho cái tội bôi đen.

Đáng lẽ những người như Nguyễn Hữu Đang và Trần Dần phải được một giải thưởng quốc gia, một cái giải vinh quang là đã đưa ra được giải pháp cứu nguy cho dân tộc. Nhưng trái lại, lại vu oan giá họa, đặt lên đầu họ cái án gọi là án Nhân Văn.

Thực ra Nhân Văn hưởng ứng lời Đảng gọi: "Nói thật, nói thẳng, nói hết" để xây dựng Đảng và chỉ đấu tranh cho tự do báo chí, tự do ngôn luận, mong thực hiện tự do bầu cử vào Quốc hội, vào Chính phủ. Chỉ cần thực hiện thật sự dân chủ nội dung của Hiến pháp ta cũng đã là lý tưởng rồi.

Hiện nay báo Văn Nghệ cũng đang làm cái việc như Nhân Văn ngày xưa làm, cũng do được kêu gọi, được giao trách nhiệm

Nguyễn Ngọc mới dám làm, và báo Văn Nghệ cũng đang bị khép tội là mắc những lệch lạc nghiêm trọng.

Có điều khác là: Nhân Văn ngày xưa đơn độc, khi bị đánh không ai dám bênh, cứ ngậm miệng cúi đầu mà mang án. Còn bây giờ thì hoàn cảnh trong nước và ngoài nước đã khác. Không thể đóng cửa mãi mãi trên những sai lầm vô định. Khi Nguyễn Ngọc bị đánh, đã có báo chí khắp nơi lên tiếng, những bản kiến nghị đang tiếp tục gửi về... Nếu phong trào tự do báo chí, phong trào ủng hộ Nguyễn Ngọc và báo Văn Nghệ mà bị dập tắt là bọn quan liêu cơ hội thắng thế, kết quả là xúc tiến sự sụp đổ toàn diện, sự tống khứ hoàng kinh tế cũng như chính trị và uy tín của Đảng sẽ mất hoàn toàn vì bọn chúng. Quần chúng sẽ mất hết tin tưởng vào Đảng.

Từ trước đến giờ

làm sai cũng là bọn cơ hội

Kêu gào sửa sai cũng lại là chúng

rồi đàn áp sửa sai cũng lại là chúng

Khi sai quá rồi không sửa thì dân không chịu nổi phải nổi. Nhưng sửa đến triệt để thì cháy nhà lại ra mặt chuột nên cứ nửa chừng thì lại đàn áp sửa sai, họ vu cho những người đã từng làm theo họ tội rất nặng, càng nặng thì quần chúng càng dễ quên tội của chúng và cho rằng những rối loạn trước kia là do âm mưu bọn hưởng ứng sửa sai gây ra. Chúng bàn nhau mưu kế dựng chuyện theo bài bản, những ông trên không sát cũng phải tin như thật.

Chính Nguyễn Hữu Đang đã rơi vào trường hợp như vậy. Đang là người giác ngộ cách mạng sớm. Anh là linh hồn của Hội truyền bá quốc ngữ mà cụ Nguyễn Văn Tố là danh nghĩa. Dựa vào truyền bá quốc ngữ, Nguyễn Hữu Đang đã hoạt động cho mặt trận Văn hóa cứu quốc. Những nhà văn như Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi... đều do Đang tổ chức vào mặt trận, khi chính phủ vào Hà Nội, Nguyễn Hữu Đang là trưởng ban tổ chức lễ Tuyên ngôn độc lập, sau là bộ trưởng Thanh niên. Khi rút khỏi Hà Nội (52-53) vào Thanh Hóa, Nguyễn Hữu Đang là tổng thanh tra Bình dân học vụ. Năm 1954 tiếp quản thủ đô, Trung ương cho xe vào Thanh Hóa mời Đang ra muốn nhận bộ trưởng nào thì nhận, mời sinh hoạt Đảng, anh cũng khước từ.

Tôi hỏi vì sao, anh bảo:

- Nội bộ thiếu dân chủ trầm trọng, mình bây giờ chỉ một mình một đảng.

Sau anh làm gì, anh xin về làm nhà in trình bày cho báo Văn Nghệ. Mãi đến gặp phong trào Trăm Hoa, Đảng phát động cho viết báo tự do, lại cho mở báo riêng thì anh Đang mới ra làm Nhân Văn. Anh Đang là một người rất có khả năng về chính trị, cả về lý luận lẫn tổ chức, lại là một người đối với mọi người rất hay giúp đỡ anh em và rất giữ lời hứa.

Để một người có tài có đức như vậy thì bọn cơ hội hết đường xoay sở nên phải đánh. Một mặt phát động tổ điều động tội (như hỏi cải cách dựng địa chủ) để đưa Nguyễn Hữu Đang lên thành phản động đầu sỏ. Một mặt sai điều động từ Thanh Hóa, từ các nơi về hàng 6 sư đoàn để vây thủ đô để phòng bọn Nhân Văn (trong khi Nhân Văn chỉ mấy thằng đi kháng chiến về, đói rách,

trời gà không nổi). Việc điều động một lực lượng quân đội lớn như vậy mãi sau này tôi về quê gặp những người ở trong các đơn vị ấy nói lại tôi mới biết.

Khi học tập dựng tội cho Nguyễn Hữu Đang xong, cả lớp học sát khí đằng đằng hò hét, nào là tên Đang, nào là thằng Đang phản động đầu sỏ. Mọi người ký vào kiến nghị lên Trung ương Đảng đòi xử tội đích đáng Nguyễn Hữu Đang.

Tôi là người duy nhất đã ký như sau:

"Khi Nguyễn Hữu Đang hoạt động chung với tôi, tôi thấy Nguyễn Hữu Đang là người có tài, có đức. Tội trạng mới đây của Nguyễn Hữu Đang tôi chỉ nghe, mắt không thấy, tôi không dám kết luận. Ký tên: Hữu Loan".

Thế là Nguyễn Hữu Đang bị kết án 17 năm tù, mới đi được 7 năm thì nghe đâu nhờ có sự can thiệp của Nhân quyền quốc tế nên anh được tha. Đáng lẽ không thưởng, không giải oan cho Nguyễn Hữu Đang thì im quách đi cho nó xong, đằng này nay gào, mai gào "Vụ Nhân Văn là một vụ án chính trị". Gào như vậy nhưng nếu có ai hỏi đến để tìm hiểu lịch sử thì lại bảo: "Đó là vụ án đã qua, bọn Nhân Văn đã nhận tội không nên nhắc đến nữa!".

Nếu không nhắc Nhân Văn sao người ta vẫn nhắc đến Phát-xít, Hít-le, đến Xtalin, đến Pôlốp. Thậm chí bọn vua chúa hay Pháp, Nhật, Mỹ đã đi từ lâu rồi mà bao nhiêu vụ ăn cắp cũng là do phong kiến đế quốc, bao vụ cưỡng hiếp phụ nữ trong cơ quan cũng là do phong kiến đế quốc, mặc dù những người thực hiện các vụ ấy đều thuần túy xã hội chủ nghĩa gốc Việt.

Hít-le, Xtalin, Mao Trạch Đông có cấm nói đến mình được mãi không, dù đó là những bạo chúa, những nhà độc tài cỡ quốc tế?

Ngoài Nguyễn Hữu Đang còn thêm những người này. Phùng Cung, tác giả truyện ngắn: "Con ngựa già của chúa Trịnh", 7 năm tù giam cầm. Vũ Duy Lâm (bộ Nông Lâm) bị nghi là cho Nguyễn Hữu Đang một áo len khi Đang đi tù, bị giam 7 năm mới tha. Nhà xuất bản Minh Đức bị án 17 năm tù như Đang.

Nhà nước xuất bản thì lúc nào cũng kêu lỗ, mặc dù in nhiều hơn Minh Đức mà trả quyền tác giả lại rất rẻ mạt. Mỗi bài thơ của tôi, báo Văn Nghệ trả 8 đồng thì Minh Đức trả 110 đồng, trả 10% theo giá bìa. Nhà này xuất bản tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, mời con gái anh Phụng lên lãnh nhuận bút và còn về Hà Đông xây mộ cho Vũ Trọng Phụng do tiền nhà xuất bản. Minh Đức định xuất bản Kiều để xây dựng mộ cho Nguyễn Du nhưng bị bắt nên phải dành việc này cho Vương Trọng. Ở đây ngụ ngôn "Tái ông thất mã" lại đúng. Nếu Minh Đức không phải tù, nếu mộ Nguyễn Du đã xây xong thì văn học mất đứt bài thơ thất mã của Vương Trọng:

Tưởng rằng đây mộ Dạm Tiên

chẳng hay cụ Nguyễn Tiên Điền nằm đây.

Ngoài ra, từ 1954 đến 1956, Minh Đức còn mua được 1/2 nhà in giá 30.000 đồng (bằng 150 cây vàng). Nhà Minh Đức làm ăn lời lãi như vậy mà ngoài anh ta ra chỉ có thêm vài người giúp việc. Còn những nhà xuất bản của nhà nước thì nhà nào cũng rất đông người làm mà chả được bao nhiêu việc, nhà nào cũng kêu lỗ

Tương lai của thế hệ trẻ Việt Nam hải ngoại ở đâu?

Nguyễn Văn Việt

Các nước phát triển đang sống cuộc khủng hoảng kinh tế chưa từng thấy, khác hẳn các cuộc khủng hoảng khác. Lần đầu tiên trong lịch sử, chuyên viên kỹ thuật bị thất nghiệp, tính theo tỷ lệ, nhiều hơn thợ thuyền, lao động chân tay. Cuộc khủng hoảng này sẽ kéo dài rất lâu và ngày nào kinh tế khá hơn, nạn thất nghiệp của chuyên viên kỹ thuật chưa chắc gì sẽ được giải quyết.

Trong khi đó, kinh tế của hầu hết các nước Viễn Đông lại phát triển một cách mau lẹ chưa từng thấy trong lịch sử. Cứ theo đà này, chúng ta có thể tiên đoán rằng trong vòng hai ba mươi năm nữa kinh tế của Viễn Đông (và sau đó của Việt Nam) sẽ đuổi kịp kinh tế Âu Châu. Mặc dầu kinh tế phát triển như vậy, nhưng vì văn hóa và xã hội không tiến cùng một nhịp độ cho nên đời sống tinh thần và vật chất của dân chúng vẫn sẽ còn rất thấp. Sự chênh lệch giàu nghèo sẽ hết sức rõ rệt. Trong bậc thang xã hội, vì kinh tế phát triển mà văn hóa thấp kém, chuyên viên kỹ thuật sẽ được rõ rệt liệt vào thượng tầng. Chuyên viên từ các nước phát triển trở về lại sẽ được ưu đãi hơn vì trình độ của họ cao hơn những đồng nghiệp đào tạo trong nước.

Trong hiện thời, ở Đông Nam Á người ta vẫn mơ ước đời sống của Tây phương. Đó là điều tất yếu vì ở phương Tây người ta có đời sống tự do thoải mái, tinh thần và vật chất phong phú. Nhưng khó khăn và bấp bênh của đời sống hiện thời làm cho rất nhiều chuyên viên kỹ thuật muốn tìm đường di cư lập nghiệp. Chẳng hạn như một số các chuyên viên ấy chấp nhận đi Phi Châu làm việc cho các cơ quan quốc tế với đồng lương thấp hơn tại xứ họ

☞ (tiếp theo trang 19)

nhưng vẫn cứ cố bao nhiêu rơm cũng ôm.

Xưa nay bất cứ ai nhận một công việc gì đều phải có trách nhiệm với công việc ấy, công việc càng khó khăn lớn lao trách nhiệm càng nặng nề. Ở ta lại toàn chuyện ngược đời. Một lái xe chặn chết người muốn sửa sai không được, anh phải đi tù, phải tước bằng. Anh bác sĩ chữa bệnh làm chết người cũng thế, phải tước bằng và đi tù. Đây là những người làm chết ít người.

Còn những người cầm vận mệnh của cả nước đã làm cho đồng bạc mất giá hàng vạn lần, làm cho hầu hết công nông trường, xí nghiệp phá sản, cho 90% con cái gia đình thành lưu manh, cho 50% trẻ em mất dinh dưỡng, còn giết oan bao nhiêu người có tài có đức, còn phá phách bao nhiêu công trình văn hóa lịch sử. Những con giun bị đạp gào lên: sai rồi! thì họ rất bình tĩnh trả lời: sai thì sửa! hoặc bắt đắc dĩ phải sửa thì không sửa chân thành. Họ vẫn núp dưới cờ Đảng để đi từ sai lầm này đến sai lầm khác. Họ đang làm cho dân không còn tin vào Đảng. Họ xúc phạm vào anh linh những đảng viên ưu tú đã nằm xuống. Họ coi thường những đảng viên ưu tú đang không ngớt đấu tranh để thể hiện những tính cách vô cùng cao quý của người cộng sản: cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, khổ trước sướng sau...

Hỡi những người Đảng viên lương thiện của Đảng cộng sản Việt Nam, người dân đau khổ lâu đời lúc nào cũng đứng bên các bạn. ☐

vì có công ăn việc làm ở xa còn hơn chịu nạn thất nghiệp ở nước mình. Và lại, với đồng lương thấp kém đó, họ sẽ có một đời sống thoải mái hơn ở nước họ rất nhiều. Một hiện tượng khác không ai có thể tưởng tượng cách đây không bao lâu là 60% dân Anh muốn di cư lập nghiệp!

Làn sóng di cư hiện nay đang đi từ phương Đông sang phương Tây. Nhưng qua những hiện tượng nêu trên, chúng tôi nghĩ rằng trong vòng hai ba mươi năm nữa làn sóng di cư của chuyên viên kỹ thuật sẽ đảo ngược hoặc trở nên hai chiều giữa Đông và Tây. Cuộc trao đổi dân cư sẽ qua hai giai đoạn mà tính chất sẽ không giống nhau.

1. Giai đoạn kinh tế Viễn Đông và Việt Nam có một thị trường lao động kỹ thuật cao độ và mức sống, đồng lương hãy còn thấp: các nước phát triển đầu tư và xây dựng cơ sở làm ăn rất nhiều tại các nước Á Châu. Chuyên viên của phương Tây đi lao động ở các nước Á Đông rất nhiều. Họ sẽ chấp nhận ăn lương không cao như trước đây hoặc như bây giờ để có công ăn việc làm ổn định và đời sống thoải mái hơn. Cuộc di cư này có tính cơ hội ngắn hạn.

2. Giai đoạn kinh tế Viễn Đông và Việt Nam phát triển gần ngang hàng với Châu Âu: các nước Á Đông hưởng một đời sống tương đối cao và đời sống ấy sẽ ổn định hơn ở Châu Âu vì một bên là nền kinh tế đi lên và một bên là kinh tế trì trệ. Đời sống ở mỗi phương đều sẽ có những ưu và khuyết điểm. Nhưng các chuyên viên sẽ thích ở Á Đông hơn vì ở đây công ăn việc làm cho chuyên viên nhiều hơn, đời sống ổn định và thoải mái hơn. Làn sóng di cư giữa phương Tây và Viễn Đông sẽ gia tăng và tính cách tạm bợ như trước của người phương Tây ở Á Đông sẽ không còn nữa. Sự hòa lẫn các sắc tộc bắt đầu... gần giống như ở Âu Châu từ vài chục năm nay.

Kinh tế trên thế giới đang trên đường hoàn cầu hóa. Các công ty đa quốc mà người Á Đông sẽ có cổ phần ngày càng nhiều và càng lớn, sẽ rải ra trên khắp thế giới, nhất là ở Á Châu. Trao đổi chuyên viên sẽ là một hiện tượng không thể tránh được và lao động lưu thông trên hoàn cầu sẽ là một nhu cầu.

Trong bối cảnh ấy, tương lai nghề nghiệp của thế hệ thanh thiếu niên Việt Nam hải ngoại có nhiều triển vọng và nhiều bảo đảm ở Việt Nam và Viễn Đông hơn là ở Âu Châu. Họ lại có một cái thế mạnh hơn các đồng nghiệp Âu cũng như Á khác vì họ là gạch nối tốt nhất cho sự trao đổi giữa Đông và Tây, vai trò của họ rất lớn vì hành động của họ có hiệu quả hơn.

Thời thế đã đem lại cho thế hệ trẻ Việt Nam hải ngoại một sự may mắn như vậy, chúng ta có nhiệm vụ chuẩn bị hành lý và tạo thêm điều kiện để cho thế hệ ấy thành công trong đời sống nghề nghiệp của họ. Hành lý tối thiểu đầu tiên phải có là biết nói, đọc và viết tiếng Việt, sau đó là thấm nhuần văn hóa phong tục, nắm vững thói quen, cái hay, tật xấu của người trong nước. Để có cái vốn cần thiết ấy, mỗi cá nhân, mỗi gia đình cần phải có một cố gắng lớn trau dồi hàng ngày cho lứa trẻ trong đời sống riêng tư cũng trong sinh hoạt cộng đồng. Những chuyến về nước tham quan là những lớp học thực tập vô cùng lợi hại.

Một vấn đề quan trọng cho tương lai của lớp trẻ như vậy dường như không được đa số các gia đình, cũng như tổ chức của cộng đồng lưu tâm.

Đối với công cuộc xây dựng dân chủ và xây dựng đất nước, những công tác trong lãnh vực này cũng đang được khuyến khích vì nó bổ sung cho hành động chính trị và xã hội mà các tổ chức đang thi đua tranh đấu và hoạt động. Tìm đường xây dựng tương lai cho thế hệ trẻ trong chiều hướng này là nhiệm vụ của mỗi người.

Nguyễn Văn Việt

Bảo vệ và củng cố đối lập

Nguyễn Hữu Đức

Sự lớn mạnh của hàng ngũ đối lập quốc nội quyết định tiến độ khai thông tình trạng bế tắc toàn diện và cùng cực trên đất nước hiện nay. Bảo vệ và củng cố đối lập quốc nội, do đó là nghĩa vụ của mỗi người Việt Nam.

Trong nhiều năm qua cộng đồng người Việt hải ngoại đã luôn cố gắng bảo vệ những cá nhân, tổ chức chính trị hoặc tôn giáo đang trực diện tranh đấu với chính quyền cộng sản bị bách hại bằng các phương tiện như biểu tình, vận động dư luận và chính phủ các nước Âu Mỹ tạo áp lực buộc chính quyền cộng sản Việt Nam tôn trọng nhân quyền và dân quyền, hoặc gửi thư yêu cầu chính giới Âu Mỹ can thiệp bênh vực họ.

Hoạt động bảo vệ đó cần phải được xúc tiến một cách triệt để và ráo riết hơn nữa, nhất là trong giai đoạn hiện nay. Các quốc gia Âu Mỹ đang ngày một quan tâm đến vấn đề Việt Nam vì nhu cầu tài nguyên và thị trường tiêu thụ, đồng thời cũng vì xu hướng dân chủ và phát triển trong một thế giới mới đa cực. Công tác quốc tế vận do hải ngoại thực hiện từ nhiều năm qua nay bắt đầu được họ lắng nghe và đáp ứng. Trong các cuộc tiếp xúc ngoại giao với chính quyền Hà Nội, vấn đề vi phạm nhân quyền và đàn áp tôn giáo đã thường xuyên được đặt ra kèm theo sự khuyến cáo. Cùng vào thời điểm này, chính quyền cộng sản Việt Nam đang mở nhiều cuộc vận động bang giao với các cường quốc kỹ nghệ, đặc biệt là những nước tây phương, trong âm mưu thoát khỏi tình trạng bị cô lập và tạo điều kiện để tham gia vào sinh hoạt của thế giới đa cực mà vẫn giữ độc quyền chính trị.

Cộng đồng người Việt hải ngoại đang có lợi thế - nỗ lực quốc tế vận đã bắt đầu có hiệu quả, do đó hải ngoại cần triệt để khai thác lợi thế đang có ấy. Phải tố giác mạnh mẽ âm mưu đàn áp bên trong quy luy bên ngoài của chính quyền cộng sản, phải vạch trần bản chất gian trá của chính quyền cộng sản đối với các qui ước quốc tế về tự do và nhân quyền... Cần thường xuyên tiếp xúc và tác động những chính khách đã được gửi thỉnh nguyện thư yêu cầu bênh vực tù nhân lương tâm Việt Nam để họ phải nghiêm chỉnh thực hiện điều họ đã hứa hẹn. Qua đó tích cực vận động chính phủ các nước Âu Mỹ đặt vấn đề tôn trọng nhân quyền và dân quyền tại Việt Nam thành một trong những điều kiện thiết lập bang giao. Đặc biệt cần chứng tỏ cho thế giới thấy đối lập Việt Nam là những người hiểu và tôn trọng nguyên tắc sinh hoạt quốc tế, và nhất là trong tương lai về lâu về dài đất nước Việt Nam sẽ do những con người đang đấu tranh cho dân chủ hôm nay quản trị.

Vận dụng thế quốc tế thuận lợi cho công cuộc tranh đấu là việc quan yếu. Tuy nhiên trong khuôn khổ công tác bảo vệ và củng cố hàng ngũ đối lập quốc nội, việc làm ấy mới chỉ có tác dụng bảo vệ. Đối lập quốc nội cần được củng cố hơn nữa, bằng những điều thiết thực đối với thân nhân ruột thịt của họ, như liên lạc, ủy lạo, và nếu có thể, tiếp trợ phần nào nhu cầu vật chất hằng ngày cho gia đình họ.

Qua sự liên lạc, ủy lạo và tiếp trợ nhu cầu vật chất đó, chúng ta bày tỏ lòng tri ân những người vì dân vì nước mà phải lâm cảnh cùng khốn, tù tội; đồng thời thể hiện tinh thần liên đới với những người đang đấu tranh trong nước. Hoạt động liên lạc, ủy lạo và tiếp trợ đối lập quốc nội có khả năng tác động vào công cuộc tranh đấu một cách tích cực trên nhiều phương diện: anh em đang mắc vòng lao lý sẽ vững tinh thần hơn khi thấy gia đình được lưu tâm giúp đỡ; những người trước đây chưa tích cực dấn thân vì còn lo ngại cho số phận thân nhân ruột thịt, nay sẽ vững tâm và mạnh dạn hơn, hàng ngũ đối lập qua đó sẽ phát triển và lớn mạnh hơn. Điều quan trọng nhất là sự thông tin liên lạc giữa trong và ngoài sẽ thường xuyên, mau lẹ và xác thực hơn, tạo điều kiện tiến tới thế hợp nhất chủ trương và hành động giữa quốc nội và hải ngoại.

Liên lạc và giúp đỡ thân nhân ruột thịt của những người tranh đấu đang mắc vòng lao lý là một công tác vẫn được thực hiện. Song phần lớn còn âm thầm và giới hạn trong nội bộ của những tổ chức chính trị hoặc tôn giáo có cán bộ đang bị bách hại ở trong nước. Nay tình thế đã cho phép liên lạc trong ngoài tương đối dễ dàng, người trong nước không còn sợ bị theo dõi hay bắt bớ vì nhận được thư từ hoặc giúp đỡ từ bên ngoài nữa, điển hình là trường hợp bà Trần Thị Thúc, phu nhân giáo sư Đoàn Viết Hoạt. Nên cần quảng bá rộng rãi công tác liên lạc, tiếp trợ đối lập quốc nội và vận động đồng đảo đồng hương tham gia để khả năng tiếp trợ dồi dào hơn, để nhiều người được giúp đỡ hơn.

Số người, vì tranh đấu cho nhân quyền và dân quyền, hoặc vì đức tin tôn giáo mà bị bách hại, chắc chắn rất đông. Tất cả đều đáng được liên lạc, ủy lạo và tiếp trợ. Nhưng theo thiên ý, chúng ta hãy bắt đầu từ những người mà danh tính và địa chỉ đã được biết đến rộng rãi như Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Phạm Đức Khâm, Nguyễn Văn Thuận, Đỗ Văn Thạc, Đoàn Thanh Liêm, Nguyễn Ngọc Đại, Nguyễn Thanh Vân, Trịnh Văn Thương, Nguyễn Đức Lợi..., hoặc quý vị tu sĩ Phật Giáo, Công Giáo, Cao Đài, Tin Lành, Hòa Hảo... Hãy thư từ liên lạc với thân nhân ruột thịt của họ, trong đó bày tỏ và nếu có khả năng, hãy của ít lòng nhiều, tiếp trợ nhu cầu vật chất của vợ con họ trường hợp xét thấy cần. Khi có cơ hội về Việt Nam, hãy đến thăm hỏi, ủy lạo và giúp đỡ nếu thấy thân nhân họ đang ở trong tình cảnh cùng quẫn.

Việc liên lạc và tiếp trợ thân nhân ruột thịt của những người đang trực diện tranh đấu tại quê hương là một việc làm vừa mang tính chất bổn phận đạo lý - cứu giúp, an ủi kẻ khốn cùng, vừa có tính cách nghĩa vụ - góp phần khai thông tình trạng bế tắc cùng cực hiện nay để đưa đất nước tiến lên. Do đó cần được thực hiện với tinh thần ý thức tự nguyện, và trong sự minh bạch.

Mỗi cá nhân nên tự làm, hoặc rủ bạn hữu thân tín chung hợp nhau cùng làm. Tuyệt đối không lập ra cơ chế chuyên trách để cổ động quần chúng và quyền góp tài vật của đồng hương; cần tránh tới đa những cơ duyên của sự mờ ám tài chánh, gây tiếng xấu và làm mất niềm tin của đồng bào.

Tranh đấu thiết lập một thể chế dân chủ tự do đích thực trên quê hương là một công cuộc lớn lao. Công cuộc ấy được cấu thành từ tất cả các cố gắng lớn, nhỏ của mỗi người Việt trong cùng như ngoài nước. Hoạt động bảo vệ và củng cố đối lập là một trong các cố gắng đó.

Nguyễn Hữu Đức

Từ giai cấp trung lưu Mỹ đến dân chủ ở Việt Nam

Thế Uyên

LTS: Để mở rộng và đào sâu vấn đề dân chủ, Thông Luận xin giới thiệu một chương trong cuốn "Những người Mỹ chung quanh chúng ta" của Thế Uyên. Qua phần này, tác giả cho rằng phải có một giai cấp trung lưu, mới có thể có một chế độ dân chủ. Thông Luận xin mời độc giả tham luận thêm.

Hiện nay các sử gia và các nhà biên khảo về xã hội của Tây phương đa số đều đồng ý với nhau về vai trò của giai cấp trung lưu (gọi theo kiểu cộng sản là giai cấp tiểu tư sản), trong mọi xã hội dân chủ. Chính giai cấp trung lưu là người đã phát động mọi cuộc cách mạng dân chủ trên toàn thế giới, dù là cách mạng dân chủ kiểu Tây phương (phía cộng sản gọi là cách mạng dân chủ tư sản) như Pháp, hay cách mạng vô sản như tại các nước Nga, Trung Quốc, Việt Nam... Không những là người phát động, chính giai cấp trung lưu, hay những người xuất hiện từ giai cấp này, đã tạo dựng duy trì, phát triển và củng cố các chế độ dân chủ trên toàn thế giới.

Có thể nói không có giai cấp trung lưu, giai cấp tiểu tư sản, không một thể chế dân chủ nào có thể thành lập và đứng vững. Các sử gia Tây phương đã có đủ chiều dài lịch sử để khẳng định tại những nơi nào giai cấp trung lưu yếu kém, nơi đó có chế độ dân chủ ề ọt hoặc non yếu. Có thể lấy ngay Âu Châu làm thí dụ. Tại vùng Tây Âu, giai cấp trung lưu phát triển mạnh, đưa đến những thể chế dân chủ bền vững. Tại vùng Đông Âu (kể cả Nga), giai cấp này bị giai cấp quý tộc và đại địa chủ chèn ép quá mạnh, các nước Đông Âu từ thế kỷ 18 cho đến tận gần đây, các thời kỳ theo chế độ dân chủ vẫn là những giai đoạn ngắn ngủi xen kẽ vào những chế độ độc tài, hết độc tài xanh đến độc tài đỏ.

Cũng bởi thế tại các nước mà đảng cộng sản thành công trong việc nắm giữ chính quyền, điều đầu tiên các lãnh tụ cộng sản là tiêu diệt ngay giai cấp trung lưu tiểu tư sản. Vốn xuất thân trí thức tiểu tư sản (từ Marx, Lenin đến Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Trường Chinh... đều xuất thân tiểu tư sản), họ tin rằng muốn thành lập một chế độ độc tài, gọi theo kiểu cộng sản là chế độ chuyên chính vô sản, họ phải tiêu diệt giai cấp trung lưu trước đã. Họ tin rằng có là như thế, chế độ độc tài mới đứng vững. Đối với họ, vô sản chuyên chính có nghĩa một thiểu số lãnh đạo xuất thân trí thức tiểu tư sản nắm quyền tuyệt đối trên toàn thể nhân dân bao gồm những công nhân nông dân vừa vô sản về tài chánh, vừa vô sản về chủ nghĩa. Chính sự vô sản về trí thức này mà giai cấp công nông chỉ còn biết một đường duy nhất là tuân phục thiểu số lãnh đạo. Có muốn chống đối, xét lại hay đổi mới thôi, cũng không biết đường nào mà làm.

Trên thực tế chúng ta đã thấy các chế độ độc tài đỏ đứng vững không thể tưởng được, cứ tưởng phen này thì "muôn năm trường trị nhất thống giang hồ" mãi mãi. Nhưng khi tiêu diệt giai cấp tiểu tư sản, họ đã tiêu diệt luôn giai cấp nắm giữ nền văn minh văn hóa, giai cấp duy nhất có khả năng sáng tạo về khoa học kỹ thuật cũng như khả năng quản lý kinh tế cũng như cai trị quốc gia. Giấc mơ đào tạo được một tầng lớp "trí thức xã hội chủ nghĩa" hoàn toàn thân phục đảng, thay thế cho giai cấp tiểu tư sản thường "hay hoang mang chao đảo" (*) trước đây, vẫn chỉ là một giấc mơ thôi.

Hậu quả là một sự trì trệ trong mọi địa hạt sinh hoạt của xã hội, kinh tế bết bát đến độ tại nước cộng sản nào cũng vậy, dân không đủ cơm bánh mì ăn no, không đủ áo mặc để ấm, không đủ nhà mà ở. Và mọi sự xét lại, đổi mới, mọi cuộc cách mạng "nhung lụa" hay "cung đình" chấm dứt hoặc biến đổi chế độ cộng sản kiểu cũ cũng chỉ xảy ra khi từ trong lòng các chế độ ấy xuất hiện giai cấp tiểu tư sản kiểu mới.

Thí dụ tại Nga chẳng hạn. Chủ nghĩa xét lại của Krutchev chỉ có thể hình thành dựa trên giai cấp trung lưu mới là giai cấp chuyên viên, từ Tây phương hay gọi là technocrate. Giai cấp này thời đó chưa đủ mạnh nên Krutchev bị thất thế. Phải đợi thêm vài thập niên tăng cường lực lượng nữa, giai cấp trung lưu mới này mới đủ mạnh để Gorbachev rồi Yeltsin tung hoành như chúng ta đã thấy trong những năm gần đây. Và muốn nói gì thì nói, điều mà Gorbachev và các bạn ông muốn thực hiện là dân chủ hóa (hiểu theo kiểu của họ) đất nước, hay nói một cách khác là trao quyền cai trị lại cho giai cấp technocrate đã vững mạnh.

Phe bảo thủ giáo điều trong đảng cộng sản Việt Nam cũng hiểu một phần nào hiện tượng này nên họ đã triệt hạ ngay Võ Văn Kiệt khi khám phá ra nhân vật này có ý định sử dụng lại giới trí thức chuyên viên tiểu tư sản cũ của miền Nam. Một mặt khác, họ gây sức ép vô hình về an ninh chính trị cũng như kinh tế để cho những thành phần này phải bỏ quê hương ra nước ngoài. Cũng theo chiều hướng đó, họ đã mở cửa cho các cựu sĩ quan viên chức của Việt Nam Cộng Hòa ra nước ngoài dễ dàng vì những người này cùng gia đình đa số thuộc thành phần tiểu tư sản. Nếu để họ ở lại thì phe Đổi mới, đa số gốc miền Nam, bất cứ lúc nào cũng có thể liên kết với họ để lật đổ phe Bảo thủ có chủ lực chính là dân miền Bắc và Bắc Trung Việt. Phe Bảo thủ đã có kinh nghiệm cay đắng qua vụ Nguyễn Văn Linh đã lên được chức Tổng bí thư đảng chỉ vì phe Đổi mới miền Nam đã liên kết được với phe trí thức tốt nghiệp ở Nga và các nước Đông Âu.

Hoa Kỳ là một nước dân chủ có chế độ bền vững liên tục nhất trong lịch sử loài người, Hiến pháp công bố lúc thành lập quốc gia Hoa Kỳ trong thế kỷ 18 vẫn là hiến pháp hiện hành, và chẳng có triệu chứng nào báo hiệu là phải thay thế trong tương lai. Và căn cứ vào các luận cứ đã trình bày trên, đương nhiên là tại quốc gia này giai cấp trung lưu tiểu tư sản lúc nào cũng bền vững và mạnh mẽ.

Nếu trong thế kỷ 19 đã có lúc giai cấp thượng lưu tài phiệt tìm cách khống chế toàn bộ quốc gia, đoạt quyền bính của giai cấp tiểu tư sản Mỹ, nhưng không thành công. Sang thế kỷ 20, giai cấp tiểu tư sản Mỹ không những đã không thua, lại còn lần lượt áp đảo giai cấp thượng lưu tài phiệt. Sự ưu thắng này được thường xuyên củng cố bằng sự phát triển, phình to về dân số của giai cấp này. Nếu giai cấp thượng lưu Mỹ là một thiểu số đã đành (5% dân số),

thì giai cấp vô sản Mỹ cũng là một thiểu số luôn. Theo kiểm kê mới nhất về dân số, giai cấp vô sản chỉ chiếm có 15% dân số Hoa Kỳ.

Vai trò của giai cấp trung lưu Mỹ quan trọng như thế, nhưng khi nghiên cứu thì các nhà biên khảo Mỹ lại lúng túng hoài, bởi vì không có giai cấp nào phức tạp và đa dạng như giai cấp này. Một số các nhà biên khảo Mỹ đã thử chia nhỏ ra cho dễ nghiên cứu: giai cấp trung lưu lớp trên upper-middle, giai cấp trung lưu lớp giữa middle, giai cấp trung lưu lớp dưới lower-middle.

Trung lưu lớp trên thường có ông bố hành nghề tự do như luật sư, bác sĩ nổi danh hoặc làm business executive quản trị các cơ sở kỹ nghệ thương mại lớn (quản trị thời, không phải là sở hữu chủ). Trung lưu lớp giữa thường làm các nghề về hành chính thương mại, Anh ngữ gọi là dân cổ trắng, white collar. Còn trung lưu lớp dưới thì tương tự như lớp giữa nhưng chức vụ và lợi tức khiêm tốn hơn.

Nhưng cách phân chia căn cứ vào nghề nghiệp và lương bổng này, nếu có thể khá đúng cho một số nước Âu Châu cổ cựu, lại trở thành tào lao trong một xã hội có lưu động tính cao như xã hội Mỹ, nơi mà từ ngữ "land of opportunities" không hề là một sáo ngữ. Một người dân nước Mỹ trong mười năm có thể đổi nơi cư trú hai ba lần và cũng có thể đi từ tầng lớp dưới lên tầng lớp cao nhất, và ngược lại.

Để tránh sa lầy vào mọi tranh cãi quá lý thuyết, chúng ta hãy đi ngay vào vài đặc tính mà các nhà biên khảo về xã hội đều đồng ý, đó là những đức tính về giai cấp mà người Việt chúng ta thường hay gọi đùa là tạch tạch sè. Đặc tính thứ nhất nổi bật là giai cấp này lao động rất cần cù hăng say và rất tự lực cánh sinh. Chính vì đặc tính tự lực tự cường này nên họ không khoải thành lập và tham gia các nghiệp đoàn như giai cấp công nhân của tầng lớp dưới. Cùng lắm họ chỉ thành lập những hiệp hội ái hữu nghiệp vụ, thí dụ như liên đoàn các giáo chức chẳng hạn, lâu lâu cũng làm một đấu tranh kiểu đoàn thể một lần (sau khi đã dùng tất cả những phương pháp khác mà không thành công). Thí dụ như vụ các thầy cô bãi khóa vừa qua để xin tăng lương đã trở thành quá thấp đến mức bất công so với các ngành nghề khác trong xã hội.

Đặc tính thứ hai của giai cấp trung lưu Mỹ là không những thích nhìn về tương lai mà còn thích "nhìn lên". Không phải nhìn lên để thèm muốn và căm thù "giai cấp thống trị bóc lột", mà để cố gắng một ngày kia đạt tới địa vị đó. Tâm lý này có thể minh họa bằng giai thoại phổ biến quốc tế sau: Một người Nga đi bộ trông thấy một người đi xe hơi thì chỉ mong làm cách mạng vô sản để nắm cổ kẻ đi xe hơi ấy xuống bắt cóc bộ như mình. Còn một người Mỹ nhìn thấy một người đi xe hơi thì chỉ nghĩ tới việc mình phải làm những gì, cố gắng ra sao đây để một ngày kia mình cũng có xe hơi để đi.

Vừa thích tự lực thực hiện (không mượn chiêu bài đấu tranh giai cấp hay lý tưởng hoặc tôn giáo), giai cấp trung lưu Mỹ đầu tư hết sức mình vào giáo dục. Hai giấc mơ lớn nhất, american dreams, của một trung lưu Hoa Kỳ là có một căn nhà riêng biệt tiện nghi và được đi học đại học. Nếu vì có gì hồi trẻ không có cơ hội và phương tiện học đại học, thì mười năm hai mươi năm sau họ cũng tìm cách ghi danh trở lại. Họ hiểu rằng nếu không làm thăng tiến khả năng, nhất là khả năng chuyên môn kỹ thuật,

thì không thể nào tiến lên được. Bởi thế nên bước chân vào đại học nào của Mỹ cũng vậy, nhất là hệ thống Đại học Cộng đồng hai năm, chúng ta cũng thấy thành phần trung niên rất là đông đảo. Thống kê mới nhất của giới đại học Mỹ vừa cho biết (với lòng hân diện) là nước Mỹ có tuổi trung bình của sinh viên cao nhất thế giới (25 đến 27 tuổi). Nếu vì có gì mà đời mình không được làm sinh viên, thì các bậc cha mẹ đành dùm tiền nong cho các con sau này được học đại học.

Như trên đã nói, giấc mơ lớn thứ hai của người Mỹ trung lưu Hoa Kỳ là làm sao sở hữu được một căn nhà riêng biệt. Và khi có rồi thì họ chăm sóc kỹ càng không thể nào ngờ được. Sân cỏ bao giờ cũng phải mịn đều, vườn bao giờ cũng phải có vài cây hoa và tất cả đều phải sạch sẽ tối đa. Có thể nói một trong những thú tiêu khiển lớn của người Mỹ trung lưu là săn sóc vườn tược của mình, dù việc săn sóc này vừa tốn nhiều giờ lao động cũng như máy móc dụng cụ cùng phân bón và cây giống. Trong nhà, đương nhiên là phải có đủ các trang bị vừa phải hợp mỹ thuật và vừa tiện nghi. Có thể nói do giai cấp trung lưu này mà nước Mỹ hiện nay nổi danh khắp thế giới là có nhà đẹp và tiện nghi (dĩ nhiên xét theo đa số). Về thiết bị thì khỏi chê, không một dụng cụ điện nào phục vụ cho đời sống gia đình và bếp núc mà họ không mua. Không cần nói đến những tủ lạnh bếp điện máy giặt máy ủi từ lâu đã được coi là không thể thiếu trong mọi gia đình, những sáng chế mới nhất như là microwave, máy pha cà phê hoạt động theo giờ định trước, computer và các trò chơi điện tử... cũng đã trở thành thông dụng trong giai cấp trung lưu.

Chúng ta đều biết theo tỷ lệ dân số thì dân trung lưu Hoa Kỳ có nhiều xe hơi nhất thế giới. Không phải một mà là hai ba cho mỗi gia đình. Riêng chuyện này đã vượt quá lợi tức hàng tháng của các gia đình rồi, chưa kể chuyện mua nhà cùng các trang bị vừa liệt kê trên. Sự kiện này đưa tới một đặc tính nữa của giới trung lưu Hoa Kỳ là Nợ Nần. Mọi thứ đều có thể trả góp, không nợ sao được. Có thể nói giai cấp trung lưu Hoa Kỳ đã đưa một tiêu chuẩn mới cho một người công dân đứng đắn... là phải có nợ nần (và trả đúng hẹn các món nợ này). Làm dân ngoại quốc, nhất là dân Châu Á mới tới, nhất là người Việt, phải chung hứng ngạc nhiên.

Thành phần ưu tú của cộng đồng Việt là các sinh viên, và các cô cậu này (và các sinh viên già thuộc hàng cha chú của họ), vì trong tương lai sau khi tốt nghiệp sẽ gia nhập giai cấp tiểu tư sản Hoa Kỳ, nên đã được "tập vay nợ cho quen" qua hình thức Financial Aid. Không nhận các học bổng tiểu bang, liên bang và vay các ngân hàng tư nhân, lấy tiền đâu ra mà học cho đến khi thành tài. Vậy ngay khi rời các lớp ESL và đại học là bắt đầu một cuộc vay nợ và trả nợ suốt cuộc đời còn lại. Nếu có bung ra kinh doanh nhỏ như một quán ăn chẳng hạn, thì cũng có mục vay thêm vốn của ngân hàng. Thậm chí đến việc tạo dựng một ngôi chùa, cũng mang nợ nần. Quả thực giai cấp trung lưu đã thành công trong việc tạo "nợ nần" thành một "value" mới cho xã hội Mỹ.

Một đặc tính nữa của trung lưu Hoa Kỳ là đặt nặng vấn đề gia phong, nói theo kiểu Mỹ là respectability. Có một đứa con bị cảnh sát hốt về một khinh tội nào đó, nếu giai cấp vô sản Mỹ chỉ coi đó là một biến cố tầm thường trong sinh hoạt thường nhật, thì một gia đình trung lưu lại coi như một biến cố trọng đại. Điều đó

thật dễ hiểu vì giai cấp trung lưu giáo dục con cái rất cẩn thận, rất cứng chiều, tránh đánh đập la mắng, nhưng vẫn duy trì được kỷ luật tối thiểu và gia phong.

Di nhiên cũng giai cấp trung lưu Mỹ là giai cấp ngoan đạo nhất, có tỷ lệ đi lễ nhà thờ cao nhất so với các giai cấp khác. Cộng chung tất cả các yếu tố ấy lại, có thể nói không sai cho lắm là chính giai cấp trung lưu nắm vai trò quyết định trong mọi địa hạt đạo đức tại xứ Mỹ, từ cách xử thế như thế nào là đúng về love and sex, nên ly dị hay không, chấp nhận hay không chấp nhận phá thai, đến các vấn đề nghệ thuật phức tạp, thí dụ như là khiêu dâm, thế nào là không.

Về chính trị, có thể nói là chính giai cấp trung lưu mới thực sự làm chủ đất nước. Giai cấp thượng lưu tài phiệt, dù có ảnh hưởng vô cùng lớn thật đó, nhưng thường không dám công khai chống lại giai cấp trung lưu. Giai cấp thượng lưu chỉ có thể tìm cách thuyết phục dần dần qua hệ thống media mà mình chỉ nắm giữ được một phần, bởi vì nếu sỗ sàng một tí là bị bẻ liền. Thứ đệ tứ quyền nổi danh của nền dân chủ Mỹ là báo chí và truyền thông chịu ảnh hưởng của giai cấp trung lưu nhiều hơn là giai cấp thượng lưu và tài phiệt.

Điểm sau cùng cần nói về giai cấp trung lưu Mỹ là niềm tin của họ đặt ở nhân cách con người, đến độ họ sử dụng từ ngữ power of personality để diễn tả. Đối với người Mỹ, nhân cách không chỉ có nghĩa tiêu cực về phương diện luân lý, mà còn có nghĩa tích cực nữa: nhân cách cũng còn là cá tính riêng, phẩm chất đặc biệt của mỗi con người. Họ tin rằng con đường dẫn đến thành công về kinh tế xã hội cũng như chính trị tùy thuộc ở nhân cách của mỗi người nhiều hơn là tùy thuộc ở các yếu tố khác. Khách quan mà nói, tin tưởng này của giai cấp trung lưu đã được từ lâu trở thành một sự thực phổ quát, tạo một nền tảng vững chắc cho xã hội cũng như nền dân chủ bền vững của Hoa Kỳ.

Giai cấp vô sản Hoa Kỳ

Người Mỹ không dùng từ giai cấp vô sản để gọi thành phần thấp nhất trong xã hội. Họ dùng từ the lower class, hoặc the larger working class. Người viết sử dụng từ giai cấp vô sản bởi vì không thể dùng từ "giai cấp hạ lưu" được vì nếu các từ thượng lưu, trung lưu không bao hàm ý nghĩa phán đoán nào về đạo lý, thì từ "hạ lưu" lại có nghĩa xấu về tư cách làm người.

Các nhà xã hội học Mỹ chia giai cấp vô sản ra làm hai thành phần: vô sản bậc trên và vô sản bản cùng. Vô sản bậc trên bao gồm những công nhân xí nghiệp và cơ xưởng, các tài xế xe bus xe tải và tất cả những ngành nghề thuộc loại cổ xanh, blue collar (thời trước, dân làm việc chân tay thường hay mặc áo màu xanh cho đỡ dơ nên được gọi là dân cổ xanh, trái với dân làm văn phòng hay mặc áo trắng, được gọi là dân cổ trắng, white collar).

Vô sản bản cùng, như tên gọi, ở vị trí chót của bậc thang xã hội Mỹ, bao gồm các người lao động không có chuyên môn kỹ thuật gì cả, những người đi cày thuê, đi hái trái theo mùa, những người đi rửa chén, dọn cầu tiêu, làm vườn, công viên, lúc có lúc không và thường chỉ được trả công lao động tính theo giờ với giá biểu tối thiểu - đôi khi còn dưới giá tối thiểu do chính quyền qui định nữa. Cơ quan kiểm kê dân số liên bang US Census đã đưa ra một tiêu chuẩn tối thiểu về lợi tức đồng niên. Ai kiếm được ít

hơn thì xếp vào hàng vô sản bản cùng, "below the poverty line", và cuộc kiểm tra mới nhất cho biết giai cấp vô sản bản cùng chiếm 15% của tổng số dân Mỹ. Mỹ da trắng chỉ chiếm 12% của dân số bản cùng, Mỹ da đen chiếm 36%, số còn lại là các sắc dân Mễ và dân Châu Á.

Người Việt chiếm một tỷ lệ cao trong giai cấp vô sản bản cùng của xã hội Hoa Kỳ vì cộng đồng người Việt là một cộng đồng tân lập, tính tới 1993 mới có 18 tuổi. Mặc dù đặt chân lên vùng Bắc Mỹ là được cấp quyền lao động và học tập liền (không kẹt khổ kẹt sở như thành phần di cư nhập cảnh lậu), một thanh niên có khả năng học tập cấp đại học, cũng phải mất từ năm tới mười năm để thoát ra khỏi giai cấp vô sản bản cùng. Đối với những người lớn tuổi, hoặc không có khả năng học tập, thì thời gian này là bất định. Một thống kê được công bố trong năm 1989 cho biết trên 50% dân Việt ở tiểu bang California vẫn phải nương nhờ trợ cấp xã hội đủ loại, và tính theo lợi tức trung bình thì người Việt có lợi tức đồng niên thua người Hoa, người Nhật là lẽ đương nhiên, mà còn thua cả người Phi và Đại Hàn nữa.

Cũng cần ghi nhận thêm một điểm: một số người làm báo chí Việt, có thể tại kém Anh ngữ, có thể là tại muốn chứng tỏ cộng đồng Việt đã đông lắm rồi, khi gặp chữ Indochineses hay dịch luôn là người Việt, trong khi người Mỹ dùng từ này để chỉ ba sắc dân Việt Miên Lào, kể cả H'mong. Hậu quả có thể làm cho các tài liệu người viết sử dụng kém sự chính xác.

Cũng cần ghi thêm một sự kiện lạc qua: người Việt thường có một sự cố gắng tối đa để ra thoát khỏi cảnh dân vô sản bản cùng và có tỷ lệ thành công cao hơn bất cứ sắc dân nào khác nhập nội cùng thời gian tương đương.

Trở lại giai cấp vô sản Mỹ, về phương diện yêu đương và gia đình thì giai cấp này có những đặc tính khác với giai cấp thượng lưu và trung lưu. Thí dụ như chuyện yêu đương và tán tỉnh thì hai giai cấp trên phức tạp, lĩnh lĩnh những yêu đương lãng mạn lẫn tính toán tới lui, trong khi giai cấp vô sản giản dị hơn nhiều (và đây là đặc tính của giai cấp vô sản trên toàn thế giới, chẳng cứ là vô sản Mỹ). Lớp trẻ nghèo khổ biết sớm về sex (chẳng thế cũng không được vì nhà cửa thường chật chội), khi tán nhau thường "trực tiếp" đi thẳng vào vấn đề, ít vòng vo hoa lá cành. Bởi thế bước chân vào lớp chót của high school (trường cấp ba) là đa số các cô cậu đã làm sex ít nhất với một người tình rồi. Và cũng bởi thế trai gái của giai cấp vô sản thường lấy nhau sớm hơn bạn đồng lớp thuộc các giai cấp khác.

Về chuyện học hành, do hoàn cảnh gia đình và bầu không khí sinh hoạt nơi cư trú, các thanh thiếu niên nam cũng như nữ của giai cấp vô sản bỏ ngang trung học chiếm tỷ lệ cao nhất. Và cũng dễ bỏ nhà đi giang hồ hay bụi đời. Và trong trường hợp này, người nữ dễ bị thiệt thòi nhiều vì đã ít học lại có thân xác có thể sử dụng được trong những nghiệp vụ trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới mại dâm.

Trong gia đình giới vô sản, ông bố thường nắm vị trí không chế toàn bộ, không thích cho con gái học nhiều. Nếu ông chồng đã kiếm tạm đủ sống thì không thích cho vợ đi làm. Theo quan niệm của nam giới vô sản, chỗ của người đàn bà là ở trong bếp. Chỉ khi nào cùng bắt buộc đi, ông chồng mới để vợ đi làm ngoài và trong trường hợp này thường hay ghen tương um xùm. Làm

như bất cứ ông xếp nào của vợ mình cũng là đồ đệ cụ dè xòm cả. Và khi đã ghen thì đánh đập vợ thẳng tay, đánh như đòn chửi không "thương hoa tiếc ngọc" chi hết.

Tình trạng này làm các nhà biên khảo Mỹ phải đưa ra nhận xét: các gia đình trung lưu không có vấn đề lâm nguy tài chính thì các ông chồng lại dễ dàng chấp nhận cho vợ đi làm, trong khi gia đình bản hàn cần thêm một lợi tức thứ hai thì các ông chồng lại không chịu. Bởi thế không thiếu các bà vợ không chịu được cảnh nghèo khổ, đã đành phải xin ly dị để có thể đi làm cải thiện thân phận mình và các con.

Con cái cũng là một vấn đề cho các gia đình nghèo. Đã nghèo và ít học, lại càng biết ít đến những phương tiện ngừa thai nên giai cấp này thường đông con nít khác thường. Và càng đông con lại càng không đủ khả năng tài chính và thời giờ để giáo dục chúng cho tới nơi tới chốn. Cái vòng luẩn quẩn của các nước thuộc khối thứ ba, càng nghèo càng đẻ nhiều con, càng đẻ nhiều con càng nghèo thêm, cũng là cái vòng mà giai cấp bản hàn Hoa Kỳ chưa thoát ra khỏi.

Con đông nhà chật lắm tranh chấp nên các bố mẹ hay dùng biện pháp mạnh để giáo dục con cái. Con mà cãi cha mẹ là ăn đòn liền. Và lắm khi vì các bậc cha mẹ quá khổ trong việc tranh sống tới thiếu, đã giận cá chém thớt mà nặng tay quá đáng với con cái. Các thống kê của cảnh sát và bệnh viện cho thấy rõ các vụ child abuse, đánh con cái đến độ gây thương tích nặng, chiếm một tỷ lệ khá cao trong giai cấp bản hàn. Một trung tâm nghiên cứu về bạo lực trong gia đình của University of New Hampshire đã cho biết rõ: tỷ lệ bạo lực bạo hành với con cái trong giới cổ xanh cao gấp đôi tỷ lệ của giới cổ trắng.

Quá khứ và viễn tượng

Khi nước Mỹ bắt đầu cường thịnh, số thực phẩm sản xuất được không những đủ nuôi dân mà còn nuôi cả các nước khác nữa, và y phục cũng vậy, thì vấn đề hiện diện của giai cấp vô sản bản hàn được đặt ra. Đã có rất nhiều tranh luận kéo dài cả thế kỷ về vấn đề này, nhưng xét chung thì có hai khuynh hướng: khuynh hướng thứ nhất tạm gọi là Cộng hòa, khuynh hướng thứ hai tạm gọi là Dân chủ. Sở dĩ gọi như vậy vì đảng Cộng hòa Mỹ hay theo khuynh hướng trên và đảng Dân chủ hay theo khuynh hướng dưới. Nhưng điều đó không nhất thiết là tất cả đảng viên Cộng hòa đều là khuynh hướng một, hay tất cả các đảng viên Dân chủ đều theo khuynh hướng hai. Ở Mỹ, kỷ luật các đảng lỏng lẻo và linh động lắm, tư cách đảng viên cũng đậm nhạt tùy theo người.

Khuynh hướng Cộng hòa cho rằng trong một đất nước tài nguyên phong phú, phẩm vật tràn đầy thì ai mà bản hàn thì lỗi tại người đó lười biếng, không chịu lao động, không cố gắng phấn đấu. Vậy ai nghèo cho nghèo luôn, ai homeless thì cho chết đói chết cồng ngoài vỉa hè, sống không nổi thì chết luôn cho rảnh. Khuynh hướng Dân chủ, một phần vì hiểu rõ giáo lý Thiên chúa giáo và muốn áp dụng thực sự vào cuộc đời thực tế, một phần vì hiểu rõ tác động ghê gớm của hoàn cảnh sinh sống đối với cá nhân, một phần vì muốn đối nghịch với sự thách đố của chủ nghĩa Marx Lenin, thì cho rằng giai cấp bản hàn là hậu quả của sự cai trị không hợp lý của nước Mỹ nói chung. Khuynh hướng này không nhắc tới lý thuyết giai cấp thống trị bóc lột, nhưng thường

nhấn mạnh rằng không một người nào sinh ra đời lại muốn sống suốt đời bản hàn cả. Nếu họ cùng khổ, là tại hoàn cảnh xã hội đẩy đưa họ tới kiếp sống như vậy.

Từ các nhận định như thế, khuynh hướng Dân chủ sau đệ nhất thế chiến và nhất là sau đệ nhị thế chiến, chủ trương rằng chính chính quyền và xã hội Mỹ phải chịu trách nhiệm về sự hiện diện của giai cấp vô sản bản hàn. Quan niệm một nhà nước welfare ra đời, và từng bước thiết lập các chính sách về an sinh xã hội mỗi ngày một nhiều như chúng ta thấy hiện nay. Dĩ nhiên khuynh hướng Cộng hòa, nếu họ đã tương đối dễ dàng chấp nhận những chính sách giúp đỡ các người mất sức lao động và tàn tật, thì vẫn cứ luôn luôn phản đối quan niệm nhà nước welfare. Mỗi khi nắm được chính quyền trong tay là khuynh hướng Cộng hòa tìm cách cắt xén ngay những ngân khoản dành cho an sinh xã hội.

Lấy một thí dụ điển hình là chính sách giúp các người tị nạn mới tới. Phe Cộng hòa luôn luôn đưa ra luận cứ: Khi tổ tiên chúng ta tới đây lập nghiệp thì có cơ quan nào đứng ra trợ giúp không? Tại sao bây giờ những kẻ đến sau kia lại đòi được hưởng trợ cấp tị nạn? Bởi thế khi đảng Cộng hòa nắm được hành pháp thì thời gian được hưởng trợ cấp tị nạn bị cắt từ 36 tháng xuống 18 tháng, để rồi tới 1988 thì cắt xuống còn có 12 tháng...

Nhưng mặc dù có các chuyện kỳ đà cản mũi như vậy, khuynh hướng Dân chủ vẫn là khuynh hướng của dân tộc Mỹ hiện nay về phương diện xã hội. Giai cấp vô sản nói chung đã có phương tiện để vươn ra khỏi thân phận thấp kém hoặc bản hàn về kinh tế. Với chế độ Financial Aid cho sinh viên, từ đã lâu những gia đình nghèo "below the poverty line" cũng đã có thể tự bản thân, hay gửi con cái vào đại học. Các gia đình neo đơn chỉ có mẹ gà nuôi con, nếu nghèo quá, được trợ giúp cho tới khi con 18 tuổi. Những cô gái bản hàn không may mang bầu vì có "chàng họ Sò" không còn phải mang thân đi làm điểm đầu đường xó chợ nữa.

Dĩ nhiên xã hội Mỹ không ngừng ở đó vì giai cấp vô sản tuy thu lại còn có 15% tổng số dân, nhưng chưa biến mất. Dân không nhà homeless đông cả nửa triệu mỗi mùa đông vẫn còn phải sống vật vờ nơi các hầm metro hay các nhà tạm trú của các đô thị. Y tế phí vẫn quá cao trong khi không phải dân vô sản nào cũng được hưởng Medical/Medicare... Nhưng vấn đề căn bản vẫn được đặt ra là: có thể làm biến mất giai cấp vô sản bản hàn ở Mỹ không?

Để giải quyết vấn đề này một tạp chí của Mỹ gần đây có đăng một bản tin đáng chú ý. Tổng thống Gorbachev có gửi một phái đoàn chuyên viên kinh tế sang Thụy Điển để học hỏi kinh nghiệm về đường lối kinh tế xã hội của nước này. Trưởng phái đoàn Nga cho biết kinh nghiệm Thụy Điển để noi theo hơn là kinh nghiệm Hoa Kỳ vì khoảng cách, Anh ngữ dùng chữ "gap", giữa Nga và Thụy Điển nhỏ hơn là giữa Nga và Mỹ. Điều đáng chú ý là nhận xét châm biếm của một chuyên viên Thụy Điển nói với phái đoàn Nga: Cách đây mấy chục năm chúng ta đều bắt đầu từ nhiều điểm chung. Chúng tôi với các ông đều chủ trương đấu tranh giai cấp cả. Người Nga đã thành công trong việc tiêu diệt một giai cấp là giai cấp tư sản, người Thụy Điển chúng tôi cũng thành công trong việc tiêu diệt một giai cấp, nhưng là giai cấp vô sản...

Thế Uyên

(*) Lời chê của chính cộng sản Việt Nam về giai cấp tiểu tư sản.

TIN TỨC THỜI SỰ TIN TỨC

Những người cộng sản cũ trở lại Ba Lan

Trong cuộc bầu cử quốc hội tại Ba Lan vào ngày 19-9-1993, các ứng cử viên của Liên Minh Dân Chủ tả phái đã chiếm đa số. Các ứng cử viên của công đoàn Solidarnosc thất bại nặng.

Theo kết quả cuộc bầu cử, Liên Minh Dân Chủ tả phái về đầu với 20,6% số phiếu, đảng Nông Dân chiếm 15,3% và đảng Liên Hiệp Dân Chủ của ông Mazowiecki và bà Suchocka (thủ tướng) về hạng ba với 10,7% phiếu. Đảng "ủng hộ cải cách" của tổng thống Lech Walesa chiếm 5,4%. Công đoàn Solidarnosc không đạt được 5% số phiếu đã bị loại, trái lại đảng Liên Hiệp Lao Động, cánh tả ly khai của công đoàn này, chiếm 7,2% sẽ có đại diện tại quốc hội.

Hai đảng về đầu, Liên Minh Dân Chủ tả phái và đảng Nông Dân là hậu thân của đảng cộng sản Ba Lan cũ (POUP). Các lãnh đạo của hai đảng này, tuy thắng thế nhưng rất lo ngại. Trước hết, họ lo ngại phải đứng ra thành lập chính phủ trong khi họ chưa sẵn sàng, đây là một biến cố bất ngờ mà họ chưa tiên liệu. Sau đó, do tình hình kinh tế khó khăn hiện nay của Ba Lan nói riêng và của thế giới nói chung, thành lập nội các trong lúc này được xem là một cuộc phiêu lưu, vì họ không tài nào đem đất nước ra khỏi khủng hoảng, một điều mà cử tri Ba Lan trông đợi khi bầu phiếu cho họ.

Một cái bắt tay chấm dứt 45 năm đổ máu

Ngày 13-9-1993, trong buổi lễ ký kết "Tuyên ngôn trên nguyên tắc về tự trị của các lãnh thổ bị chiếm đóng", thủ tướng Do Thái Itzhak Rabin và lãnh tụ PLO Yasir Arafat bắt tay nhau tại Washington, trước sự hiện diện của tổng thống Bill Clinton. Cái bắt tay này hy vọng sẽ kết thúc 45 năm đổ máu giữa Do Thái và dân Palestine. Sau đây là những thời điểm đánh dấu những giai đoạn lịch sử của cuộc tranh chấp này.

Ngày 14-5-1948, nước Anh giải nhiệm thác quản lãnh thổ Palestine. David Ben Gourion, chủ tịch Hội đồng Quốc gia Do Thái, tuyên bố sự khai sinh của quốc gia Israel độc lập. Ngày 15-5, cuộc chiến Israel-Ả Rập đầu tiên bùng nổ và kéo dài đến tháng 10-1949.

Ngày 29-10-1956, quyết định quốc hữu hóa kênh đào Suez của tổng thống Ai Cập Nasser đã là lý do xảy ra cuộc chiến lần thứ hai giữa Israel và Ả Rập.

Ngày 5-6-1967, Israel mở cuộc chiến 6 ngày đánh Ai Cập, Syria và Jordania, chiếm đóng Sinai, Gaza, Cisjordanie và Golan. Ngày 28-6, quốc hội Israel, Knesset, biểu quyết chiếm luôn phần đất Ả Rập thuộc thành phố Jerusalem.

Ngày 6-10-1973, Ai Cập và Syria mở cuộc chiến Israel-Ả Rập lần thứ tư, còn gọi là cuộc chiến Kippour.

Ngày 11-11-1977, LHQ ra quyết nghị lên án chủ nghĩa Do Thái (Sionism) là phân biệt và kỳ thị chủng tộc về bản chất.

Ngày 17-9-1978, tại Camp David, với sự hiện diện của tổng thống Mỹ Jimmy Carter, Ai Cập và Israel cam kết sẽ ký hiệp ước hòa bình trong ba tháng.

Ngày 30-10-1991, hội nghị hòa bình Israel-Ả Rập tại Madrid qui tụ các đại diện của Israel, Palestine, Jordania và Syria dưới sự bảo trợ của Hoa Kỳ và Liên Xô.

Ngày 29-8-1993, ngoại trưởng Israel, ông Péres, tuyên bố đã đi đến thỏa hiệp với PLO về những nguyên tắc tự trị của một vài lãnh thổ chiếm đóng. Ngày 9-9, Yasir Arafat ký tại Tunis thỏa hiệp thừa nhận lẫn nhau giữa Israel và PLO. Ngày 10-9, Itzhak Rabin ký thỏa hiệp trên tại Jerusalem. Sự thừa nhận lẫn nhau này gặp sự chống đối dữ dội của những phe cực đoan từ hai phía.

Trung Quốc sẽ nổ tung như một quả bom nguyên tử

Hãng thông tấn AFP đã tìm ra một tài liệu tiên đoán rằng nếu Trung Quốc không đi vào con đường dân chủ thật sự thì chậm lắm là trong vòng 10 đến 20 năm nữa Trung Quốc sẽ đi đến tình trạng nổ tung (desintegration) như một quả bom nguyên tử.

Đây không phải là một loại sấm ký, hoặc bói toán mà là kết luận của một hồ sơ nghiên cứu của hai giáo sư đại học của Viện Hàn Lâm Khoa Học Trung Quốc, các ông Wang Shaoguang, chính trị học gia, và Hu Angang, kinh tế học gia. Cả hai cùng tốt nghiệp đại học nổi tiếng Yale của Hoa Kỳ, nơi mà hai ông G. Bush và Clinton đã từng mài đũa quần trước khi thành tổng thống Mỹ.

Theo hồ sơ này, hiện nay "các lãnh tụ nắm quyền quyết định tại Bắc Kinh không ý thức được sự xuống cấp nhanh chóng giữa chính quyền trung ương và địa phương hay ngược lại, họ cũng chưa tìm ra giải pháp khả dụng nào để có thể thoát hiểm. Trong vài năm nữa, chậm nhất là từ 10 đến 20 năm, Trung Quốc sẽ đi từ sự tan rã kinh tế, kể là sự rã hàng về chính trị và cuối cùng sẽ nổ tung toàn diện. Khi người hùng (ám chỉ Đặng Tiểu Bình) chết đi, Trung Quốc sẽ rơi vào tình trạng của cựu Nam Tư hiện nay".

Hai giáo sư này căn cứ vào một số lý do để đưa ra những nhận định trên. Trước hết, số thu nhập của nhà nước trung ương sẽ càng ngày càng giảm xuống đối với tổng sản lượng quốc gia (PNB) và sự cạnh tranh của các vùng trong việc mua các nhiên liệu cần thiết cho các chương trình phát triển kinh tế và kỹ nghệ đang trên đà tiến mau tiến mạnh.

Hai chuyên gia này đề nghị một giải pháp: chế độ liên bang như Hoa Kỳ và một quốc hội có thật quyền qua một cuộc bầu cử thật sự tự do, dân chủ.

Việt Nam sắp được tháo khoán cho vay

Thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam Cao Sĩ Kiêm đã có mặt tại Paris vào trung tuần tháng 9-1993 để ký kết thỏa ước theo đó một tổ hợp ngân hàng phương Tây, do Ngân Hàng Ngoại Thương Pháp (BFCE) đứng đầu sẽ nhận trả giúp Việt Nam số tiền 140 triệu USD mà Việt Nam còn nợ của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế. Chính vì khoản nợ không trả nổi này mà Việt Nam đã bị Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế gạch tên khỏi danh sách các nước được vay tiền. Một trở ngại thứ hai là Hoa Kỳ trong quá khứ đã dùng quyền phủ quyết không cho Việt Nam được vay.

Đầu tháng 7-1993, tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton đã thôi không dùng quyền phủ quyết nữa. Với việc thanh toán món nợ còn tồn đọng, Việt Nam sắp được vay tiền trở lại tại Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, Ngân Hàng Thế Giới và Ngân Hàng Phát Triển Châu Á. Tổng số tín dụng của ba định chế này cho Việt Nam vay có thể vượt quá 1 tỷ USD.

THỜI SỰ... TIN

TỨC... THỜI SỰ...

Việc thảo khoán tín dụng được giải quyết vào đầu tháng 10-1993 tại Washington.

Chính quyền cộng sản Việt Nam tỏ ra lạc quan về mặt tài chính. Phó thủ tướng Phan Văn Khải mới đây, ngày 6-8-1993 tại Cần Thơ đã tuyên bố "Không sợ không có vốn, chỉ sợ không có dự án tốt".

Nhưng tin mừng đối với đảng cộng sản Việt Nam có thể biến thành tai họa cho đất nước Việt Nam. Vay nợ là cầm cố tương lai. Nếu những tín dụng được đem xài phí phạm vào những dự án thiếu nghiêm túc, như đường dây điện cao thế Bắc-Nam, và không đem lại lợi tức thì kết quả sau cùng chỉ là bắt con cháu sau này phải trả nợ. Nhiều nước đã lụn bại cũng vì vay nợ bù ra bù vào những dự án sai lầm.

Diễn biến hòa bình

Lại thêm một đảng viên đảng cộng sản lên tiếng báo động về nguy cơ "diễn biến hòa bình". Ông Hàn Thế Khương đặt câu hỏi: "Bọn phản động quốc tế làm tan rã các đảng cộng sản bằng cách nào?".

Và ông trả lời: "Bằng cách tư hữu sản hóa tiến đến tư sản hóa đảng viên cộng sản, trước hết là những đảng viên cộng sản có chức quyền". Ông Hàn Thế Khương kể ra những trường hợp cán bộ cao cấp trở thành giàu có. Đối với ông đó là một nguy cơ lớn vì "nếu từ ít đến nhiều hay rất nhiều đảng viên cộng sản bị tư sản hóa thì tự nhiên đảng cộng sản sẽ gặp nguy cơ tha hóa trầm trọng. Đảng viên tha hóa sẽ từ bỏ chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh".

Ông Hàn Thế Khương đề nghị đảng cộng sản Việt Nam phải có "biện pháp kiên quyết" chống lại việc tư sản hóa các đảng viên cộng sản.

Tấm lòng của ông Hàn Thế Khương với chủ nghĩa Mác Lênin và đảng cộng sản kể ra rất chân thành và cảm động. Nhưng liệu ông có ý thức được rằng các đảng viên không may bị tư sản hóa không mong muốn gì hơn là tiếp tục được làm tư sản. Và hơn thế nữa vì họ có quyền nên những người làm phiền họ như ông Hàn Thế Khương coi chừng có thể bị khai trừ khỏi đảng một ngày gần đây vì lý do "tha hóa, mất phẩm chất".

Phạm Đức Khâm bị hành hạ

Sau vụ xét xử phúc thẩm nhóm Diễn Đàn Tự Do, bốn nhân vật bị tuyên án nặng nhất là Đoàn Viết Hoạt, Phạm Đức Khâm, Nguyễn Văn Thuận và Lê Đức Vương đã bị chuyển tới trại giam Z30-K2 tại Hàm Tân từ ngày 17-7-1993.

Trại giam này là một trong những trại giam hắc ám nhất tại Việt Nam. Các tù nhân bị mắng chửi và đánh đập thường ngày. Họ phải đào từ bốn đến năm mét khối đất mỗi ngày và không được nghỉ ngày chủ nhật. Hơn thế nữa, các tù nhân chính trị bị giam chung với bọn tù hình sự, trộm cướp, hiếp dâm v.v... Bọn này khỏe mạnh và dữ tợn, chúng gây sự và đánh đập các tù nhân chính trị là thành phần trí thức yếu đuối dưới sự lơ là đồng lõa của các giám thị. Anh em tù nhân chính trị khẩn thiết kêu gọi cộng đồng người Việt hải ngoại đấu tranh để trước hết tách họ khỏi bọn tù hình sự và nói lỏng điều kiện giam cầm nghiệt ngã.

Trong bốn anh em Diễn Đàn Tự Do, ông Phạm Đức Khâm là

người bị hành hạ dã man nhất vì trước tòa ông đã tỏ thái độ khinh bỉ với chính quyền, với pháp luật của chế độ và cả với quan tòa.

Ông Khâm, mặc dầu rất già yếu, vẫn bị bắt lao động khổ sai suốt ngày, ông cũng bị đưa vào một đội gồm toàn tù hình sự rất hung hãn. Tuy bị hành hạ như vậy, ông Khâm vẫn tỏ ra hiên ngang và càng làm bọn giám thị căm tức. Sức khỏe của ông suy giảm một cách báo động. Cuối tháng 8, bà Khâm vào thăm chồng thấy cơ thể tiêu tụy của ông đã òa ra khóc.

Các anh em tù nhân chính trị nhấn ra là phải gấp rút cứu ông Khâm.

Giữa lúc ông Khâm ở trong hoàn cảnh bi đát như vậy thì tại hải ngoại, nhiều người lại buộc tội con ông (Phạm Đức Minh Trị) và hai cháu ông (các anh Phạm Đức Trung Kiên và Phạm Đức Đăng Khoa) là có ý đồ toa rập với chính quyền cộng sản. Lý do chỉ vì nhóm Diễn Đàn Việt (trong đó họ là ba trong số sáu người của ban chấp hành) dự định tổ chức một cuộc tranh luận, có sự tham dự của quốc tế, với các viên chức của chính quyền cộng sản. Việc họ làm người khác có quyền đồng ý hay không đồng ý và có toàn quyền nói lên lập trường của mình trong một sinh hoạt dân chủ. Nhưng nói rằng họ âm mưu toa rập với chính quyền cộng sản thì quả là không chấp nhận được.

Trong hoàn cảnh bi đát hiện nay của ông, ông Phạm Đức Khâm đã bày tỏ sự phản nộ đối với những người vu cáo con và cháu ông, và ông nhấn con và cháu mình cứ tiếp tục tiến tới.

Nhiều ngàn công nhân mất việc vì một quyết định

Từ giữa tháng 8-1993, chính quyền cộng sản ra thông tư ngưng cấp giấy phép xuất khẩu cho các xí nghiệp sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ. Theo chính quyền cộng sản, đây là biện pháp nhằm ngăn chặn nạn phá rừng, khai thác bừa bãi nguồn gỗ quý hiện đang lan tràn tại Việt Nam. Riêng tại quận Tân Bình (Sài Gòn), hậu quả của biện pháp mới này khiến 81 cơ sở sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ sa thải hơn hai ngàn nhân công. Ngoài ra, ngân sách thành phố Sài Gòn còn thất thu một khoản ngoại tệ đáng kể do việc đánh thuế xuất khẩu và nghề chạm trổ mỹ nghệ, một ngành nghề mới được hồi sinh, đang đi vào bế tắc.

Ngăn chặn nạn phá rừng, chống lại việc khai thác bừa bãi nguồn gỗ quý là điều nên làm, song ngăn chặn việc sản xuất hàng đồ gỗ mỹ nghệ xuất khẩu là điều cực kỳ vô lý. Chính quyền cộng sản Việt Nam đã dung túng nạn phá rừng bừa bãi từ năm 1986. Khi bắt buộc phải ngăn chặn nguyên do khai thác gỗ bừa bãi thì lại quyết định một cách ngây ngô.

Khuyến khích vi phạm xây cất nhà cửa

Sáu tháng đầu năm 1993, phòng cảnh sát trật tự thành phố Sài Gòn đã lập biên bản 625 trường hợp vi phạm về xây cất. Ngoài ra, còn hàng ngàn trường hợp vi phạm khác do các phòng cảnh sát giao thông quận, sở xây dựng, phòng xây dựng, các đội qui tắc, đội quản lý đô thị, thanh tra giao thông công chánh, ủy ban nhân dân quận, công an quận... phát hiện. Các cơ quan chức năng đua nhau lập biên bản, xử phạt các vụ vi phạm, nhưng không có cơ quan nào bắt buộc người vi phạm phải tháo dỡ... để có cơ phạt dài dài. Mỗi đơn vị phạt được hưởng một tỷ lệ trên tổng số

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

tiền phạt nên cơ quan nào cũng tranh nhau đi phạt để hưởng hoa hồng. Tất cả những vi phạm trên phần lớn do lỗi của Sở xây dựng vì câu: "phần kiến trúc vi phạm lộ giới tạm cho phép xây dựng...".

Diễn hình là vụ bà Nguyễn Thị Kiêm xây nhà số 61 đường Đào Duy Từ, quận 10, sai nội dung giấy phép, lán không gian hẻm, bị lập biên bản và bị phạt đến 5 lần mà vẫn chưa giải quyết xong. Lần đầu, Lực lượng Thanh tra Giao thông Công chánh phát hiện, buộc bà nộp phạt 336.000 đồng. Tưởng vậy là xong, bà Kiêm cho xây tiếp. Ngày 27-3-1993, Ủy ban Nhân dân Quận 10 đến phạt 1.512.000 đồng nhưng không buộc tháo dỡ mà chỉ ghi: "phải tháo dỡ vô điều kiện khi có yêu cầu của cơ quan chức năng". Không thấy cơ quan chức năng nào đến bảo tháo dỡ, gia đình bà Kiêm cho xây hoàn chỉnh căn nhà. Ngày 7-6, Sở xây dựng đến kiểm tra, lập biên bản vi phạm, thu hồi bản chính giấy phép khởi công và bản vẽ thiết kế, yêu cầu bà đến cơ quan để giải quyết. Chưa kịp được Sở xây dựng giải quyết, ngày 10-6-1993, Công an Quận 10 đến lập biên bản vi phạm, tịch thu bản sao giấy phép xây dựng. Nhưng chưa hết, ngày 14-7, lực lượng Cảnh sát Trật tự thành phố đến lập biên bản, tịch thu bản sao giấy phép xây dựng và yêu cầu tạm ngưng thi công. Vì không thấy cơ quan chức năng nào đến yêu cầu tháo dỡ, căn nhà sau cùng cũng đã hoàn tất.

Vì sao tôi muốn vào đảng?

Đó là câu hỏi mà Phạm Nam Kháng tự đặt ra và tự trả lời trên báo Sài Gòn Giải Phóng, cơ quan ngôn luận của thành ủy đảng cộng sản thành phố Sài Gòn, ngày 31-8-1993.

Phạm Nam Kháng, 32 tuổi, là con của hai đảng viên và đã có 15 năm công tác. Nhưng mãi đến nay mới được kết nạp vào đảng vì "quan hệ gia đình bên vợ có vấn đề". Kháng cho biết khi được kết nạp, bạn bè hỏi anh có điên không mà vào đảng trong lúc này, và anh cho biết: "Thật là khó trả lời một câu hỏi như vậy".

Càng khó, khi Phạm Nam Kháng, một thành viên trong ban chống tham nhũng cấp quận, thấy "rất nhiều" đảng viên sa ngã, thoái hóa. Hơn nữa "không ít giám đốc, phó giám đốc trình độ thấp đến mức... chỉ biết ký tên" (sic, những dấu chấm lửng là của báo Sài Gòn Giải Phóng).

Kháng cho biết anh vào đảng cộng sản vì lý tưởng chứ không phải vì quyền lợi. Anh tự hào về cái tên Nam Kháng do cha mẹ đặt cho. Anh sinh ngày 23-9 đúng vào ngày Kháng Chiến Nam Bộ bùng lên và cái tên của anh gắn bó với lịch sử. Anh cũng đã "nghiên cứu rất kỹ lịch sử của dân tộc Việt Nam và hiểu rằng lịch sử của đảng cộng sản gắn liền với lịch sử của dân tộc". Mặc dầu tuyên bố vào đảng hoàn toàn vì lý tưởng nhưng Kháng cũng đưa một lý do khiến người ta có thể phân vân về lý tưởng của anh: "Đảng giữ vai trò lãnh đạo, không một tổ chức nào khác ngoài Đảng có thể làm được việc này".

Có lẽ vì thấy Phạm Nam Kháng là người đảng viên mới kết nạp sáng giá nhất nên báo Sài Gòn Giải Phóng đã đưa Kháng lên làm mẫu mực, mặc dầu Kháng nói lên những điều ngờ vực tương lai của đảng trong quần chúng. Sự ngờ vực này chính báo Sài Gòn Giải Phóng cũng phần nào chia sẻ. Trước đây dưới tên "Sài Gòn Giải Phóng" có hàng chữ "Cơ quan của thành ủy đảng cộng sản thành phố Hồ Chí Minh", nay hàng chữ đó được đổi là "Tiếng nói của nhân dân thành phố Hồ Chí Minh".

Chợ người Hà Nội

Mùa thu Hà Nội từ lâu lắm rồi vẫn là nguồn cảm hứng của văn nhân thi sĩ, là hình ảnh kỷ niệm tô đậm thêm nỗi nhớ chung của những người xa cách.

Hà Nội vào thu hương cốm mới

Lối mòn thơm mãi dấu chân em

Đó là hình ảnh Hà Nội không ngừng lung linh trong tâm tưởng lớp trai trẻ rời kinh thành vào đầu mùa kháng chiến 1946. Đó cũng là hình ảnh được nâng niu gìn giữ trong ký ức những người bỏ Hà Nội vào năm 1954.

Hà Nội hôm nay vẫn còn đó, gần như nguyên vẹn vóc dáng thuở nào, người trở về vẫn bắt gặp những mái nhà cũ, những ngõ đường xưa. Mọi nét mới của Hà Nội hôm nay tương tự như sự tàn lụi trên hình hài con người, đang từ một cô gái đài các dịu dàng thành một bà lão lam lũ thân hình lom khom với nước da xạm nắng nhăn nheo khiến người trở về khó có thể đè nén nỗi những ý nghĩ ngậm ngùi.

Thực ra Hà Nội vẫn có những màu sắc tượng trưng cho giai đoạn được định danh là "thời mở cửa". Cầu Thế Húc được sơn mới lại để soi bóng trên mặt nước Hồ Gươm và cách đó không xa khách sạn Métropole đã có khung cảnh nhộn nhịp do sự xuất hiện của các du khách Tây phương. Cái thuở định giá bằng xu hào, nay được thay thế bằng đô-la Mỹ, thế nhưng vẫn không che dấu nỗi sự lam lũ nghèo đói qua sự xuất hiện của hàng loạt "Chợ Người". Loại chợ này xuất hiện lần đầu vào khoảng 1988 ở một khúc đê La Thành và trở nên phổ biến từ 1991.

Hiện nay, Hà Nội có hơn 20 chợ người và khu chợ người lớn nhất kéo dài từ đường Láng Hạ tới đường Giảng Võ. Hàng ngày tụ khoảng vài trăm người đủ mọi lứa tuổi và tất cả đều là phái nam. Họ họp thành chợ để bán món hàng duy nhất đó là chính bản thân họ. Họ sẵn sàng nhận làm bất kể công việc gì tùy theo ý "người mua", miễn là được trả tiền công. Mức tiền công mà họ tự định là 10.000 đồng một ngày, tức xấp xỉ một đô-la Mỹ (hay 6 Francs Pháp). Tuy nhiên vào những ngày hiếm khách mua, tiền công có thể tụt xuống chỉ còn non nửa, lúc đó khách sẽ có dịp tha hồ chọn lựa và chỉ có những người nào có cơ bắp rắn chắc mới hy vọng "được mua". Cũng vì sự trạng này mà Chợ Người Hà Nội còn được gọi là Chợ Cơ Bắp.

Trung Quốc xây dựng sân bay trên quần đảo Hoàng Sa

Ngày 4-5-1993, vệ tinh quan sát của Nhật chụp được hình vị trí một sân bay do Trung Quốc xây dựng trên một hòn đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa. Lập tức Đài Loan cũng thông báo họ đang xem xét việc thành lập một căn cứ không quân ở Trường Sa. Ngày 5-8, Hà Nội ra thông cáo tái khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, đồng thời chỉ trích việc Trung Quốc xây dựng sân bay tại khu vực này.

Bà Hồ Thế Lan, phát ngôn viên của Bộ Ngoại Giao Việt Nam, nói Việt Nam ủng hộ việc giải quyết các tranh chấp một cách hòa bình.

Tiếp tục xuất cảng "người" để kiếm ngoại tệ

Từ 1990, có hơn 100.000 lao động Việt Nam từ Iraq, Liên Xô cũ và Đông Âu đã trở về nước (70% đến 90% người đã không tìm được việc làm). Để giải quyết nạn thất nghiệp và để có thêm ngoại tệ, chính quyền cộng sản Việt Nam này ra sáng kiến mới là tái xuất cảng "người" sang các quốc gia giàu có trên khắp thế giới. Trước 1989, Hà Nội đã xuất cảng hơn 300.000 người, nay đang dự trù xuất cảng khoảng 70.000 người trước cuối năm 1993.

Trong những tháng gần đây, hơn 1.500 người đã đến Saudi Arabia làm việc trong chương trình xuất khẩu lao động. Hà Nội đang thương lượng với các quốc gia Vùng Vịnh để xuất cảng từ 7.000 đến 10.000 lao động khác. Nhiều dự án xuất cảng người tương tự đang được Hà Nội chào mời các quốc gia Đông Nam Á.

Công ty Dong Ah (Nam Hàn) đã ký hợp đồng với Vinaconnex thuộc Bộ Xây Dựng đưa 2.000 lao động Việt Nam sang làm việc trong các công trình xây dựng tại Libya (Bắc Phi). Đến nay đã có hơn 1.000 người đã được "xuất khẩu" sang Libya, số còn lại đang làm thủ tục. Lương ròng (chưa đóng tiền nghĩa vụ cho nhà nước và cơ quan) của một nhân công trung bình là 120 USD/tháng, lương một đốc công (thường là công an) hay cán bộ kỹ thuật là 200 USD/tháng.

Xây cất khách sạn lan tràn

Hiện nay nạn xây cất khách sạn đang lan tràn tại Sài Gòn. Các công trường thi công xây cất khách sạn lấn chiếm lòng đường một cách vô tội vạ. Khu vực quanh đại lộ Nguyễn Huệ là địa bàn xây dựng náo nhiệt nhất và cũng bị choáng chỗ nhiều nhất.

Công trường xây dựng khách sạn Development do công ty Vinametric trên đường Nguyễn Huệ lấn ra mặt đường đến năm, sáu mét, chỉ chừa cho xe cộ qua lại hai mét. Ngày 9-8-1993, đang lúc làm móng, bức tường ngăn giữa công trường và nhà dân bị sập, đè chết một người, ba nhà dân bị sập theo và 24 hộ dân khác phải sơ tán. Công trường xây dựng khách sạn Harbour View của công ty Liksin chỉ chừa một mét cho xe cộ qua lại trên đường Hải Triều. Ngày 29-7, khách sạn Century Saigon khai trương hoạt động, giao thông trên đường Nguyễn Huệ tắc nghẽn trong nhiều giờ. Việt Nam đang nhanh chóng biến thành một đất nước đầy khách sạn, trong đó chủ nhân là người nước ngoài, còn bồi bàn và gái mãi dâm - mà khách sạn nào cũng có - là người Việt.

Tim được mở sắt trên cầu quốc lộ 1?

Thời gian gần đây, đêm đêm hàng chục người đến cầu Cầu Lâu (dài 900 mét), trên quốc lộ 1A ngang qua tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng, mang về hàng trăm kí-lô sắt bán lại cho những nhà thầu. Những người này dùng búa và thuốc nổ để phá bê-tông lấy sắt trên 25 thanh lan can và nhiều thanh dầm sắt chân trụ cầu. Hiện nay do thiếu sự trợ lực của các thanh lan can, nhiều vết rạn nứt xuất hiện trên mặt bê-tông của cầu. Cầu Cầu Lâu có nguy cơ bị sụp trong một ngày rất gần. Chính quyền địa phương không có biện pháp nào để ngăn chặn việc khai thác sắt này. Những hành động ăn cắp và phá hoại công trình công cộng như vậy không được coi là phá hoại trật tự xã hội chủ nghĩa.

Hà Sĩ Phu tứ bề thọ địch

[...] Hoan nghinh Vũ Thiện Hân (Thông Luận tháng 7+8/1993) biện hộ rất hay cho Hà Sĩ Phu bị các ông quan tư tưởng hùa nhau phản luận mà không được quyền trả lời. Nhưng tôi tiếc là đoạn đầu Vũ quân không nêu cho thật rõ xuất xứ các bài đăng tạp chí Cộng Sản số nào, ngày tháng nào để độc giả đối chiếu được ngay: bên Hà Sĩ Phu thì cô đơn, chỉ có tám lòng và tri thức, còn tất cả các phương tiện khác thì nhóm quan chức cộng sản giữ độc quyền.

Nguyễn Trung Ngôn (Paris)

Rất tiếc là chúng tôi chỉ nhận được phỏng ảnh những bài đó mà không có số báo cũng như ngày tháng. Chúng tôi sẽ liên lạc với những anh em trong nước để thông báo cùng ông Nguyễn Trung Ngôn và độc giả. VTH

Nghiệp chướng

Nhân đọc "một bài nói của Phùng Quán" đăng trong Thông Luận số 63, trong phần Lời Tòa Soạn, tôi thấy Thông Luận viết: Những độc giả thuộc quá khứ "quốc gia" có thể bực bội vì bài này...", tôi bèn đọc đi đọc lại 2-3 lần vì tự thấy mình quả thực là "thuộc quá khứ quốc gia".

Tuy nhiên tôi vẫn chẳng thấy bực bội tí nào mà chỉ thấy ái ngại, thương cho những con người "mang nghiệp thiêu thân" nên tuy đã thấy xác đồng loại của mình đồng lớp quanh ngọn lửa mà vẫn cố bay vào cho kỳ được! Nếu như "không mang nghiệp thiêu thân" thì người ta đã biết học kinh nghiệm của những người đi trước để khỏi bị chết thiêu và như vậy thì: Phùng Quán đã biết học kinh nghiệm của Vũ Anh Khanh - nhà thơ của "Tha La xóm đạo" - còn Bùi Minh Quốc đã biết học kinh nghiệm của Trần Dần, Phùng Quán!

Đáng buồn là: số người "mang nghiệp thiêu thân" này coi bộ còn nhiều; chẳng thế mà khi những con thiêu thân Ceaucescu, Honecker, Hasak v.v... đã thành than rồi mà vẫn còn có người cứ lao vào vùng lửa đỏ!

Thôi thì đành phải mượn lời Nguyễn Du mà than rằng:

"Đã mang lấy nghiệp thiêu thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa!" [...]

Nguyễn Thiện (Combs la Ville)

Hai mươi ngàn bài thơ của Lê Đức Vượng

[...] Đọc bài tường thuật của Nguyễn Thành Nam về phiên xử phúc thẩm nhóm Diễn Đàn Tự Do (Thông Luận số 63 tháng 9/93), tôi rất phục sự chững chạc của giáo sư Đoàn Viết Hoạt, sự hiên ngang của hai ông Phạm Đức Khâm và Nguyễn Văn Thuận, nhưng tôi phẫn nộ nhất về trường hợp nhà thơ Vương Đức Lệ (tức Lê Đức Vượng).

Ông Lê Đức Vượng chỉ xin lại hai cuốn băng video cá nhân, kỷ niệm đám tang mẹ và kỷ niệm hình ảnh đứa con tập nói, mà cũng không được. Pháp luật gì quái thai như vậy? Đáng buồn nhất là tập thơ hai mươi ngàn bài, công lao sáng tác mười mấy năm trời của ông. Sau này khi đất nước có dân chủ, ông Vượng sẽ có quyền đòi nhà nước Việt Nam bồi thường thiệt hại cho ông, nhưng còn việc mất đi hai mươi ngàn bài thơ của một nhà thơ lớn như Vương Đức Lệ thì ai sẽ bồi thường cho văn học Việt Nam?

Dương Văn Toàn (Marne la Vallée)

Phải hội đủ những điều kiện nào thì sẽ có dân chủ đa nguyên ?

Nhân đọc bài Dân Chủ của ông Nguyễn Gia Kiểng đăng trên báo Thông Luận số 62, tháng 7+8/93, tôi có vài ý kiến muốn đóng góp với ông Nguyễn Gia Kiểng nói riêng và quý báo nói chung.

1. Từ trước đến nay, trong các bài viết ông Nguyễn Gia Kiểng luôn tỏ ra là một người lạc quan, đầy tự tin. Theo tôi nghĩ sự lạc quan và tự tin này có lẽ là do ông Nguyễn Gia Kiểng đã tìm thấy tiến trình phải đi để đến dân chủ đa nguyên và tiến trình đó phù hợp với sự phát triển của con người nên nhất định thành công. Do đó tôi rất ngạc nhiên khi thấy trong bài dân chủ của số báo 62 này, ông lại có thái độ nôn nóng và bi quan khi ông viết trong phần mở đầu: "Chí khí bất khuất của dân ta đâu rồi? Chưa bao giờ sự bạc nhược và sự non yếu về nhận thức chính trị của người Việt Nam được phơi bày một cách bi đát như lúc này".

Tôi đã có cơ hội về Việt Nam một vài lần trong thời gian gần đây, tôi thấy sức sống của dân Việt Nam rất mãnh liệt. Theo tôi nghĩ không có gì phải bi quan về dân Việt Nam. Mà sự bi quan lại nằm chính trong những người đang muốn lãnh đạo cuộc tranh đấu cho một nước Việt Nam dân chủ đa nguyên. Bởi vì theo tôi nghĩ, những người này chưa nắm được tiến trình đi đến dân chủ đa nguyên một cách khoa học và cụ thể nên luôn chạy theo biến cố, đau đầu xoa đầu và do đó dễ bị quan nôn nóng. Tuy nhiên tôi không tin là ông Nguyễn Gia Kiểng lại nằm trong số những người ấy. Bởi vậy tôi đã tìm đọc lại các bài viết của ông Nguyễn Gia Kiểng trong các số báo trước và đọc thật kỹ những bài viết có liên quan tới việc tranh đấu xây dựng dân chủ đa nguyên để xem niềm tin của tôi có đúng không. Và phải nói tôi hơi thất vọng vì ông Nguyễn Gia Kiểng chưa đặt vấn đề tranh đấu cho dân chủ đa nguyên một cách trọn vẹn. Có lẽ vì vậy ông có sự nôn nóng và bi quan như nói trên.

Theo tôi nghĩ đặt vấn đề đúng sẽ đưa đến giải pháp đúng và do đó sẽ giải quyết được vấn đề, đặt vấn đề sai hoặc không trọn vẹn sẽ chỉ đưa đến các biện pháp để đối phó và do đó sẽ chỉ chạy theo vấn đề để thành nôn nóng bi quan.

Tôi đề nghị ta thử đặt vấn đề tranh đấu cho dân chủ đa nguyên như sau: "*Phải hội đủ những điều kiện nào thì sẽ có dân chủ đa nguyên? (Tại sao các nước Nam Mỹ, Á Châu, Phi Châu, khối Ả Rập lại không có dân chủ đa nguyên? Những nước này đã thiếu những điều kiện nào?)*". Tôi nghĩ đặt vấn đề như vậy sẽ khoa học và cụ thể hơn. Khoa học vì tính khách quan của nó. Cụ thể vì mỗi người tùy khả năng của mình mà đóng góp vào điều kiện nào thích hợp với mình, để tranh đấu cho dân chủ đa nguyên sớm thành sự thực.

Tôi ước mong quý vị Thông Luận và ông Nguyễn Gia Kiểng là những người có khả năng và cơ hội nghiên cứu tìm ra được những điều kiện đưa đến dân chủ đa nguyên như quý vị đã tìm ra những điều kiện để có cuộc cách mạng mà tôi đã có dịp được nghe ông Nguyễn Gia Kiểng thuyết trình ở Hòa Lan. Tôi hy vọng sau

khi quý vị đã tìm ra những điều kiện để có dân chủ thì cũng cho các độc giả của Thông Luận biết để mỗi độc giả tùy khả năng của mình mà đóng góp vào từng điều kiện hầu việc tranh đấu cho dân chủ đa nguyên sớm thành công ở Việt Nam.

2. Tiện đây tôi xin góp với quý vị Thông Luận về 4 điều kiện để có cuộc cách mạng mà quý vị đã tìm ra.

- Điều kiện 1&2: tôi cũng đồng ý với quý vị là chúng ta đã có rồi.

- Điều 3: Có người cho là chúng ta chưa có nên cuộc cách mạng chưa có thể xảy ra. Tôi nghĩ là ta nên xét lại. Ta phải quan niệm tổ chức như thế nào? Nếu quan niệm tổ chức như những người Việt Nam đứng trên lập trường dùng bạo lực và phi lịch sử thì có thể đúng là ta chưa có. Nhưng nếu đứng trên lập trường bất bạo động như Thông Luận chủ trương và dựa vào lịch sử thì tổ chức ở điều kiện 3 chỉ cần là một tập hợp những tám bảng chỉ đường theo kiểu Hà Sĩ Phu. (*Lịch sử thế giới cho thấy là mọi cuộc cách mạng trên thế giới chỉ diễn ra sau khi xã hội đã hình thành được một đội ngũ những tám bảng chỉ đường kiểu Hà Sĩ Phu cho một mô hình xã hội mới*).

Và như vậy thì chúng ta đã có rồi. Như Thông Luận chẳng hạn. Nhưng khổ nỗi là tổ chức này lại chưa thấy mình đã là tổ chức của điều kiện 3 mà còn mơ mộng một loại tổ chức nào đó như của kiểu đấu tranh bạo động và vì thế chưa làm tròn nhiệm vụ của những tám bảng chỉ đường. Có nghĩa là mỗi khi đặt một tám bảng chỉ đường mới lại không xét trước xét sau nó có nằm trong tiến trình đưa đến dân chủ đa nguyên và đi về một tụ điểm không. Nếu những tám bảng này làm đúng là đưa về một tụ điểm thì có lẽ cuộc cách mạng đã đến nhanh hơn.

- Điều kiện 4: Tôi nghĩ là cuộc cách mạng dân chủ đa nguyên ở Việt Nam đã và đang diễn ra. Chế độ cộng sản đã sụp đổ và ta đang bước sang giai đoạn của chế độ độc tài với các đặc tính: độc tài chính trị, tự do kinh tế. *Như vậy mục đích đấu tranh của ta cũng đã thay đổi. Đấu tranh chống cộng đã chết để nhường bước cho đấu tranh chống độc tài.* Tại hải ngoại tính chất tị nạn của các người ra đi tị nạn trước đây cũng không còn nữa và phải nhường bước cho một tính chất mới: tính chất di dân. Sự đóng góp cho cuộc đấu tranh giành dân chủ đa nguyên của người di dân cũng phải khác sự đóng góp của người tị nạn. Trong nước thì sự đóng góp cho cuộc đấu tranh giành dân chủ đa nguyên của người dân cũng thay đổi. Từ người dân sống dưới chế độ độc tài toàn trị không dám nói một điều gì, không dám đi đâu chuyển sang người dân sống dưới chế độ độc tài chính trị tha hồ đi, tha hồ nói, tha hồ chữ đảng miễn là đừng có hành động cụ thể nhằm tranh giành quyền lực với đảng. Trước một thực tế như vậy càng rất cần phải có những tám bảng chỉ đường đúng để cuộc cách mạng diễn ra đúng hướng và mau chóng. [...]

B. Hoàng

Lambertsveen 55, 3755 DJ Emmen (Hòa Lan)

"Thông Văn Luận", "Thông Thị Luận"...

Qua Thông Luận 62, nhân "bị" các anh chị "kêu gọi... đóng góp ý kiến" về "một phương thức cải tiến tờ báo", tôi mới sực nhớ chức năng bạn đọc của mình đối với Thông Luận mà hơn hai năm nay lơ là, dù vẫn được đọc báo dài dài.

1. Nếu quả thực Thông Luận định cải tiến thật thì cách hay nhất và cổ điển nhất là bằng góp ý, có sẵn câu hỏi; bạn đọc chỉ việc đánh croix vào. Song, thiếu nghĩ, đó chỉ là với các tờ báo không phải với mục đích tranh đấu (họ cần độc giả hơn cả cần quảng bá tư tưởng của mình!). Thông Luận là báo tranh đấu không nhất thiết phải "làm dâu thiên hạ" theo kiểu "trưng cầu dân ý" như vậy! Tất nhiên ý kiến bạn đọc bao giờ cũng quý và cần để người làm báo tranh đấu tham khảo mà biết "lòng dân".

2. Theo dõi Thông Luận từ số 1 đến số 62, tôi trộm nghĩ Thông Luận đã giữ được phong cách rất riêng của mình trong làng báo Việt (tôi chưa nói đến quan điểm và nhận định chính trị, mà muốn chỉ bàn đến bố cục tờ báo, văn phong ở các bài viết và lượng thông tin ở các trang bài). Sẽ không còn là "Thông" "Luận" nữa nếu Thông Luận lại có các sáng tác văn học, văn nghệ... (dù các sáng tác này có chất chính trị), mà sẽ thành "Thông" "Văn" "Luận" mất!!! Chiều cung được những người yêu văn xong, máy bác làm kinh tế mê Thông Luận năn nỉ đưa kinh tế thị trường vào Thông Luận và chúng ta có tờ "Thông" "Thị" "Luận"!!!

Giữ được bản sắc riêng như Thông Luận là rất khó, và rõ ràng các anh chị chủ trương phải bù "lỗ", nhiều khi làm méch lòng nhiều bạn đọc muốn ở tờ báo quý của họ "gi gi gì gi cái gì cũng có"!

Tôi thấy ở Thông Luận có các trang "đờ-mi chính trị, đờ-mi đời" với các bài của Đặng Tiến, Thế Uyên, Phù Du (và trước đây Thụy Khuê) như thế là đủ làm một "Nguyệt san thông tin nghị luận" đậm phần tươi mát rồi! Bằng các bài đọc sách, điểm phim, bình văn, phê thơ, nhận định các sự kiện văn nghệ... có chất lượng văn học cao như ở rất nhiều số báo, Thông Luận khó có thể bị coi là một tờ báo "khô khan" được. E rằng yêu cầu của các độc giả Đinh Cao Minh và Võ Nguyệt Thu sẽ tựa như tìm vị phở trong đĩa mì xào! (Nói thêm để hai vị hiểu: tôi cũng là người khoái "vị phở" lắm đấy).

Tóm lại, theo tôi, bố cục của Thông Luận như vậy là ổn nếu đó còn là tờ "Nguyệt san thông tin nghị luận" với ba chủ trương của Thông Luận đề ra từ số 1.

3. Thêm một ý nữa (không nhỏ chút nào!). Tôi nghĩ khác với độc giả Đinh Cao Minh: nếu chỉ là báo chí bình thường thì nên tránh lặp lại chủ đề, đề tài (để khỏi bị chê "biết rồi, khổ lắm, nói mãi!"), song đã cam chịu là một báo tranh đấu thì cứ phải nói, "nói mãi" cho tới khi chủ trương của tờ báo đạt được. Thế mới là "đấu", là "tranh" chứ lị! "Khổ" thế đấy! Vấn đề là nói sao cho hay, cho hợp thời, hợp thế, và - quan trọng - hợp lòng nhiều người dân!

4. Một ít về hình thức, in ấn.

- Phải công nhận là dù không có bìa nhưng Thông Luận vẫn

được coi là tờ báo trang nhã, đẹp tay, mát mắt; việc trang trí, trình bày bài khoa học, sáng sủa. Tiếc là lỗi chính tả còn nhiều! (Ở một đoạn, 2/3 cột, tin về Vienne, trang 29, số 62 có tất cả bốn lỗi! Thậm chí có lỗi biên tập - như "hòn sạn kềnh" - ở trang 6, số 62: thừa ba chữ ("Trần Thanh Hiệp" ở tít bài!) một cách tức cười! Trang 5, Thông Luận 60, lỗi nặng xì ngẫu ở cả một câu dài (cố nhiên là tại kỹ thuật cả!) Đã đành là tìm được tờ báo Việt hải ngoại không có lỗi (chính tả) khó như tìm... một lãnh tụ dân chủ đa nguyên cho Việt Nam vậy! Nhưng phê thì cứ phê thôi! Bạn đọc mà...

- Một nhận xét nhỏ (có từ lâu mà "ám ức" mãi!): câu cuối cùng ở tất cả các trang cuối của Thông Luận ngấm kỹ lại có vẻ không ổn: "Thông Luận hoan nghênh mọi... phổ biến nó". Chữ "nó" nghe nó "tây" quá, làm câu văn thô! Thiếu hai dấu: dấu phẩy sau chữ "đóng góp" và dấu chấm ở sau cùng. Nếu là các câu khác thì không dám bắt bẻ, đây lại là câu "tụng kinh", đọc to in đậm hàng tháng, vậy "kính trình" các anh chị xem lại!

Nhân dịp được thư duỗi, phóng vài hàng. Ấu cũng là vì cái tâm, cái tình với Thông Luận lâu nay...

Lê Đổ (Đức)

Xin thành thật cảm ơn bạn Lê Đổ, nhất là về những điểm tiêu cực bạn nêu ra để giúp Thông Luận ngày càng tốt hơn. Phải nhìn nhận là những sai sót về lỗi đánh máy và kỹ thuật trong những số gần đây nhiều hơn "ngày xưa", ban biên tập sẽ cố gắng nhiều hơn để giảm thiểu những sai sót đó. Đặc biệt về "hòn sạn kềnh" trong số 62 vừa rồi, chúng tôi mượn dịp này để cáo lỗi cùng độc giả và tác giả Trần Thanh Hiệp về điểm sơ xuất khó tha thứ này.

Riêng trường hợp trang 5 số 60, những lỗi "nhặng xì ngẫu" mà bạn Lê Đổ nêu ra cũng bắt gặp ở nhiều trang khác (thí dụ trang 6, bài ông Bùi Tín). Đây là một trường hợp sai sót đặc biệt do ban biên tập bị những con "bọ điện toán" đột kích mà không kịp trở tay, trong ba số 58, 59 và 60. Do việc dùng một máy in laser mới, hiện đại hơn (nơi nhà in), đã có những chỗ bị vấn đề vì chương trình điện toán được dùng chưa được "hợp" lắm với máy in mới. Cuối cùng đã khắc phục được bằng cách tu chỉnh lại các chương trình này, và từ số 61 trở đi đã trở lại tình trạng bình thường. Nói ra đây không phải để chạy tội, (bộ phận kỹ thuật xin hoàn toàn nhận trách nhiệm trong việc này), nhưng chỉ để giải thích một hiện tượng kỳ quặc, và nhất là để các độc giả của ấn bản Mỹ và Hòa Lan đừng tìm những lỗi "nhặng xì ngẫu" do bạn Lê Đổ nêu ra vì nó chỉ có trên ấn bản Pháp mà thôi (các ấn bản Mỹ và Hòa Lan vẫn được in bằng máy cũ, không có vấn đề).

Về về "tây" của chữ "nó" dùng trong câu cổ động đăng ở trang cuối - và cũng được dùng đây đó trong một số bài vở - đã có người phản ánh trước bạn Lê Đổ. Cứ tạm xem như đây là một nét của "văn phong Thông Luận" mà Lê Đổ đã nhắc đến trong mục 2 của bài góp ý.

Còn những ý kiến của bạn Lê Đổ về cải tiến báo Thông Luận, chúng tôi trân trọng ghi nhận và rất mong được nghe tiếng nói của những độc giả khác.

Sở Tay

Điều phải chứng minh

Từ ngày ra nước ngoài, tôi sống lây lất bằng đủ thứ công việc lật vật vớ vẩn. Nay đi làm, mai thất nghiệp. Bỗng một hôm, tôi được cho một chức giám đốc. Một thằng bạn mà từ lâu tôi không còn liên lạc tìm đến gặp tôi. Tôi không ngờ lại có điểm phúc được gặp hắn. Hắn tài ba, xuất chúng, thành công lớn và là triệu phú.

Hắn cho tôi biết đã có đầy đủ tất cả và giờ đây muốn đóng góp dân chủ hóa đất nước. Hắn trình bày với tôi một dự án thật độc đáo.

Hắn nói:

- Bọn cầm quyền hiện nay lộng hành và lộng ngôn quá. Chúng nó bảo dân chủ đưa đến hỗn loạn và cản trở phát triển kinh tế. Nói khơi khơi như vậy có đáng giận không chứ. Tôi nói thật với cậu tôi vừa là kinh tế gia vừa là nhà kinh doanh giỏi gấp triệu lần chúng nó, tôi khẳng định chúng nó nói ngu và nói láo. Nhưng mình cần chứng minh một cách hùng hồn và cụ thể để đồng bào thấy được và để chúng nó mở mắt ra.

Hắn nhấn mạnh:

- Phải chứng minh rằng hỗn loạn xuất phát từ nghịch lý, từ sự thiếu chính danh, từ mâu thuẫn giữa lời nói và việc làm, từ bất công và cưỡng ép. Dân chủ không gây ra hỗn loạn mà còn đem lại trật tự và năng suất. Và tôi sẽ chứng minh một cách cụ thể bằng thực nghiệm! Tôi sẽ mở mắt cho mọi người và đem lại một đóng góp quyết định cho khoa học chính trị!

Rồi hắn trình bày dự án. Hắn sẽ lập một nhà máy làm thịt cá đóng hộp với khoảng 100 công nhân. Các công nhân được quyền làm biếng, được phép chửi chủ nhân, được trò chuyện với nhau. Nhưng tuyệt đối không được rủ rê nhau tranh đấu đòi thay đổi cách làm việc và ban giám đốc. Nếu họ bàn với nhau cùng phản đối cách điều hành nhà máy và đòi thay ban giám đốc, lập tức các nhân viên an ninh sẽ nhào tới đánh đập dã man ngay. Cuối ngày họ sẽ được trả lương theo húng của chủ, người 100 USD, người 10 USD, người 5, có người chỉ có 1 và cũng có người không được gì hết. Những phần tử gian manh nhất sẽ được trả lương cao. Trong lúc họ làm việc sẽ có một nhà sư làm giám đốc ngồi bực cao uống rượu và ăn nem ăn chả, vừa nhai nhóp nhép vừa rao giảng ăn thịt ăn cá là sát sinh, là tầm bậy, phải ăn chay, phải lương thiện. Lâu lâu giám đốc ra lệnh cho an ninh đánh đập những ai có ý đồ rủ rê nhau phản đối.

Tôi ngờ ngác không hiểu nổi cái xí nghiệp quái đản đó. Hắn giải thích:

- Đã bảo thử nghiệm mà, thử nghiệm nghịch lý, thử nghiệm áp bức, thử nghiệm mâu thuẫn giữa lời nói và việc làm, thử nghiệm bất công. Thử xem bao giờ công nhân nhất loạt nhào tới

đánh bỏ mẹ cả an ninh lẫn giám đốc. Tôi chắc chắn xí nghiệp sẽ chẳng sản xuất được cái quái gì ra hồn và chỉ một thời gian ngắn là có chuyện ẩu đả. Cậu thử xem nếu một tập thể chỉ có 100 người mà đã như vậy thì một dân tộc 70 triệu người sẽ như thế nào? Chúng nó sẽ không trụ được mà sẽ sụp đổ trong hỗn loạn do chính đường lối của chúng nó tạo ra. Đó là điều phải chứng minh!

- Dự án của cậu rất hay nhưng tốn kém quá. Cả trăm công nhân...

Hắn gạt đi:

- Không sao! Không sao! Tôi có vốn, cậu đừng lo. Và lại dự án sẽ không tốn kém gì cả. Đó là một thử nghiệm độc đáo của khoa học xã hội, mình sẽ được tài trợ của các đại học lớn. Sau đó mình sẽ xuất bản sách về công trình khảo cứu thực nghiệm này. Chắc chắn là một best seller. Không lỗ mà còn lời và lời to. Cậu đừng quên rằng tôi là một nhà kinh doanh lớn, và lại thú thực với cậu tôi làm chuyện này cũng vì lợi nhuận.

- Thế thì thực hay, cậu thiên tài thực, cậu nghĩ tất cả. Nhưng cái khó của cậu là sẽ không kiếm được giám đốc. Làm gì có vị đại đức, thượng tọa nào chịu uống rượu, ăn thịt, nói nhảm nhí, đánh đập người khác?

- Cậu chẳng hiểu gì cả. Đâu có cần tu sĩ thực. Mình thử nghiệm về sự gian trá cơ mà. Trái lại, bắt buộc phải là sư giả. Hơn thế nữa, phải chọn một tên dốt nát, mặt trời trán bóng, thô lỗ, đểu cáng, lưu manh ra mặt mới được. Mình muốn mình họa bọn cầm quyền hiện nay.

Hắn nhìn tôi khá lâu, gạt gù mần nguyện rồi nói tiếp:

- Tôi nhúc đầu kiếm mãi một giám đốc như vậy rồi chợt nhớ tới cậu. Cậu đúng là người tôi đang tìm kiếm. Càng nhìn cậu tôi càng thấy cậu đúng là người lý tưởng của tình thế.

Tôi nhận ngay và sung sướng tự hỏi có phải mình đang mơ. Chúng tôi hẹn ngày tôi tới trình diện hắn để nhận việc.

Nhưng tôi không có số làm lớn. Tôi đến nơi chỉ để dự đám tang hắn. Hắn đã chết ngày hôm trước. Hắn tính sở thấy lời nhiều quá, sung sướng cười ngất, rồi đứng tim chết luôn. Thực không có gì vô giáo dục và bất lịch sự bằng cái chết. Nó ập đến, không một chút nể nang ngay cả với những con người thật tài hoa. Nó bất chấp cả những dự án cao quý. Nó đánh một dấu chấm hết láo lếu vào một tác phẩm công phu đang viết dở. Nó gạt phăng những giấc mơ đẹp nhất sắp thành sự thực, như giấc mơ làm giám đốc của tôi.

Tiếc quá, tôi đi tìm nhiều nhà trí thức giàu có yêu cầu họ tiếp tục dự án của hắn nhưng họ đều từ chối, nói rằng họ không làm chính trị. Tôi cố gắng giải thích rằng đây không phải chính trị gì cả mà chỉ là đóng góp cho đất nước, và lại tình hình đất nước đang rất nghiêm trọng nên dù thích chính trị hay không ai cũng có trách nhiệm. Tôi dẫn lời người xưa, nói rằng "xã tắc hưng vong thất phu hữu trách". Họ trả lời tôi rằng họ là trí thức chứ không phải thất phu nên không có trách nhiệm.

Phù Du

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 150 FF hoặc tương đương
Nơi khác: 30 \$Mỹ, 40 \$Canada, 50 \$Úc hoặc tương đương
Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề
VIET NAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp

mọi ủng hộ tài chánh

và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó